

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## BÀN VỀ THƯƠNG-NGHIỆP

CÁCH TỔ-CHỨC MỘT NHÀ BUÔN

Ta vào một nhà hàng tây, bất-cứ là nơi cửa hàng nhỏ hay là chốn thương-cục lớn, thấy cách xếp-dặt chỉnh-tề, người phần việc đầu đấy, kẻ tiếp khách, người gói hàng, chỗ trả tiền, nơi vào sổ, coi như phiên mà thật giản, tựa-hồ khó mà rất dễ, khác nào như một cái máy, có cơ-quan, có bộ-phận, thấy đều hành-động theo phép-lắc, mà xét ra thật nhậm-lệ vô-cùng. Coi đó thời biết nghề buôn cũng có phương-pháp, không phải chỉ ở một cái tài tháo-vát của người đi buôn. Đã hay rằng người buôn phải thạo cách bán-buôn, sành đường hơn-thiệt, thời mới tranh được mỗi hàng, thu được lời lớn; nhưng mà ngoài cái tư-cách riêng ấy lại phải thuộc những phương-pháp chung về sự mưu-công doanh-lợi ở đời nay, thời mới có thể gọi được là một tay buôn-bán hoàn-toàn. Những phương-pháp ấy không phải là nhà thuyết-lý nào ngồi không mà bịa đặt ra, chẳng qua là những điều đã kinh-nghiệm có hiệu-lực nên ghi-nhớ lấy để lợi-dùng. Bởi thế nên ở các nước văn-minh đều có khoa thương-học, lại đặt trường thương-nghiệp, là vì nghề buôn có phương-pháp có thể truyền-day được.

Người ta thường nghĩ rằng buôn-bán cốt là mua cho rẻ bán lấy đắt, thời miễn có vốn buôn được rẻ, khôn-khéo bán được đắt là đủ, hà-tất phải giảng-cứu đến khoa thương-học mới thành

một người buôn sành. Vẫn biết rằng không tất-nhiên phải tốt-nghiệp ở trường thương-nghiệp mới làm được nghề buôn-bán, cứ xem như dân-bà nước ta buôn-bán đằm-đàng biết bao nhiêu, mà nào có học-hành, có sổ-sách chi đâu, thời đủ biết. Nhưng mà nghề buôn đời nay khác đời xưa; trừ không muốn mở-mang cho to-tát, cứ khư-khư theo lối cũ thời không kể, đã muốn mưu cho công-nghệ khoáng-trương, thương-nghiệp phát-đạt, định lấy thực-nghiệp làm cái then-máy để phú-quốc lợi-dân, thời không thể không biết qua những phương-pháp về sự doanh-nghiệp đời nay.

Đầu các phương-pháp ấy là phép tổ-chức (*l'organisation*). Các nước đều công-nhận rằng nước Đức trước khi chiến-tranh sở-dĩ được phú-cường như thế, khiến cho trong cơn mơ-mộng dám làm-le muốn cướp lấy bá-quyền trong thế-giới, chỉ là vì người Đức vốn có cái tài tổ-chức hơn các nước. Vậy thời tổ-chức là gì? Tổ-chức nói nôm nghĩa là xếp-dặt, xếp các công việc, việc nào trước việc nào sau, mỗi việc nên dùng cách xử-trí thế nào cho đích-đáng; đặt các cơ-quan, cái nào vào chỗ nấy, để ứng-dụng cho điều-hòa, được thuận-tự; nói tóm lại là trong một mớ công việc phiền-phức biết chia ra mảnh-mối, phân ra trước sau mà tùy-nghĩ thi-thố được thích-đáng, không lẫn-lộn, không cầu-thả, được sáng-suốt, được rõ-ràng. Ta khen người nào

làm việc giỏi thường hay nói là người « sáng việc »; ấy phép tổ-chức chính là cái thuật làm cho « sáng việc », vì như gỡ một mớ chỉ loạn cho ra đầu ra mối, không rối-lẫn lung-tung. Việc đã sáng rồi thì xử-trí tất phải đặc-sách, sự-nghiệp tất được thành-công. Vì tổ-chức trước là xếp-dặt mà sau là gây-dựng, hệ xếp-dặt ra manh-mối thì gây-dựng tất nên công, khác nào như mớ sợi rối hệ xếp ra mối thì dẹt thành tấm. Hai chữ tổ - chức chính nghĩa đen là đan dệt, như dệt vải vậy.

Phàm kinh-doanh nghề-nghiệp, bất-cứ nghề gì, phép tổ-chức cũng là quan-trọng lắm. Xét như nghề buôn nước ta, sở dĩ chưa mở-mang được to-tát, một phần là bởi người mình không hiểu nghĩa đoàn-thể, nhưng một phần chính là bởi chưa tường phép tổ-chức. Bởi hai cơ đó nên bao nhiêu hội buôn của người mình lập ra từ trước đến nay đều kế-tiếp nhau mà khuynh-đảo hết. Nay muốn cho buôn-bán thành-công thì các nhà buôn ta phải nên nghiên-cứu những cách tổ-chức của các cửa hàng tây thế nào, tuy chưa thể một mai bắt-chước được cả, nhưng cũng có thể lần lần theo gương người ta mà cải-cách lối buôn-bán cũ của mình.

Bài này là khảo trong các sách dạy về khoa thương-học ở nước Pháp, dịch-thuật những điều cốt-yếu về sự tổ-chức một cửa hàng lớn ở bên Tây thế nào. Các nhà buôn ta coi đó thì biết cách xếp-dặt trong nhà hàng tây chính-đốn là đường nào và phép tổ-chức về nghề buôn - bán quan - trọng biết bao nhiêu.

..

Trước khi nói về cách xếp-dặt trong nhà hàng, hãy nói về tư-cách người bán hàng, không phải là tư-cách thiên-nhiên, mỗi người một khác, nhưng là tư-cách trên pháp-luật, trên thực - tế,

ai cũng như ai; tư - cách ấy tức là những quyền-lợi cùng trách - nhiệm của người buôn-bán.

Buôn-bán cốt nhất là sự giao-dịch các đồ-hàng; lại gồm cả các việc khác phụ-thuộc về việc giao-dịch đó, như: vận-tải, môi-giới, hối-đoái, bảo-hiêm, v. v. Người buôn-bán không có biến-hóa các sản - vật, chỉ di-dịch chỗ này sang chỗ khác, bảo-lồn lấy cho giữ-gìn được lâu; cũng có khi thời pha lẫn thứ nợ với thứ kia để tiêu-thụ cho dễ. Đó là lấy nghĩa kinh-tế mà giải-tích-cách người buôn-bán. Lấy nghĩa pháp-luật thời có hẹp hơn. Theo điều thứ nhất trong Thương-luật nước Pháp thời gọi là người « buôn-bán » (*commerçants*) ấy là những người lấy việc buôn-bán làm chuyên - nghiệp. Việc buôn-bán (*actes de commerce*) là những việc giao-dịch các đồ hàng, cùng các việc phụ-thuộc vào việc ấy (vận - tải, hối - đoái, v. v.), và việc giao - dịch vàng-bạc cùng các ngân-phiếu giá-phiếu.

Theo luật thời người buôn-bán phải giữ sổ-sách, phải khai giá - thú (cho biết vợ chồng chung vốn hay là riêng của), phải trả những thuế riêng như thuế môn-bài; khi nào có nợ không trả được thời phải khai vỡ nợ (*faillite*), hay là bị tòa tịch-ký (*liquidation judiciaire*). Đó là những trách - nhiệm riêng của người buôn-bán. Quyền-lợi riêng thời như sau này: khi nào có sự gì phân-tranh ở trong việc buôn-bán thời không phải ra tòa án thường, được ra tòa - án riêng gọi là tòa-án thương - mại, thủ-tục giản hơn, xử việc mau hơn và phí-tòa ít hơn các tòa án thường; được quyền bảo - cử và ứng-cử các tòa-án thương-mại (*tribunaux de commerce*) và các hội-nghị thương - nghiệp (*chambres de commerce*); được hưởng quyền sở-hữu về « ngôi hàng » (*fonds de com-*

merce) (1) có pháp - luật - nhân - cách, người ngoài không được giả - mạo, không được chiếm-cứ.

Đó là những trách - nhiệm cùng quyền-lợi riêng của các người buôn-bán. Người nào đã mở cửa hàng, đã khai môn-bài, theo luật Đại-Pháp, thời được những quyền-lợi ấy và phải những trách-nhiệm ấy, gồm lại tức là cái tư-cách của nhà buôn-bán đời nay.

Nhà buôn đã đủ tư-cách như thế thời phải xếp-đặt công-việc trong hàng trong xưởng mình thế nào? Đây nói gồm cả hàng cả xưởng, vì người chủ một xưởng chế-tạo, tuy là một nhà công-nghệ, nhưng cũng có kiêm cả tư-cách nhà buôn-bán, vì đồ chế-tạo ra chắc phải tiêu-thụ đi, tức là buôn-bán vậy.

Vậy trước hăng nói qua về cách xếp-đặt trong một xưởng thế nào, rồi sau nói riêng về cách xếp-đặt trong một cửa hàng buôn.

Phép tổ-chức thực-nghiệp đời nay, dù về công-nghệ, dù về thương-nghiệp, đều lấy sự phân-công chuyên-nhiệm làm gốc, nghĩa là chia công việc ra từng bộ-phần, mỗi bộ-phần có người coi riêng. Các bộ-phần ấy khác nào như những tỉ-sảnh trong các nha-thự của Nhà-nước.

Trong một xưởng chế-tạo (*usine*) lớn thường chia ra năm «sở» (*services*) như sau này:

1<sup>o</sup> — Sở quản-lý (*Service administratif*) coi về những sổ-sách, viết thư-từ, giữ quỹ, kiểm tiền, điều - đình các việc, giao-thiệp với ngoài, trông nom và trả công người làm, kiểm-điểm và coi giữ các kho, nhận hàng về, gửi hàng đi;

2<sup>o</sup> — Sở giao-dịch (*service commercial*), coi về việc đặt thương-diểm, phái mỗi-lái đi các nơi, quảng-cáo trong báo,

mua các vật-liệu, tìm người đặt hàng, kiếm nơi bán buôn, chuyển các đơn đặt hàng (*commandes*) cho sở chế-tạo, viết các thư-từ về việc mua bán ;

3<sup>o</sup> — Sở chế-tạo (*service technique*) coi riêng về việc chế-tạo, như vẽ kiểu, tính-toán, thí-nghiệm, định-giá, chỉ-huy cho các đốc-công, truyền - bảo những cách-thức làm ;

4<sup>o</sup> — Sở kiểm-điểm (*service du contrôle*), kiểm-điểm những đồ đã chế-tạo ra, trước khi gửi đi ;

5<sup>o</sup> — Sở kinh-lý (*service d'entretien, travaux neufs et services généraux*), coi chung về các việc củi lửa, điện nước, nhà cửa, máy-móc, hỏng đâu chữa đấy, cần đến đặt thêm, nói tóm lại là các việc giữ-gìn bày-đặt ở nội trong nhà trong xưởng.

Ngoài các sở đó thời có một phòng thư-ký (*secrétariat*) để thông-đồng liên-lạc các sở với nhau, một phòng tàng-thư (*archives*) để chứa giữ các giấy-má quan-hệ đến công-việc trong xưởng. Mỗi một sở có một người chủ-nhiệm, công việc thường thời giao-thiệp với nhau bằng máy-nói hoặc bằng bút-ký vào những mảnh giấy nhỏ gọi là “phiến” (*notes*); nhưng mỗi ngày các chủ-nhiệm lại có hội-thương một lần trong phòng ông Chánh Quản-lý để bàn-bạc các việc quan-trọng.

Đó là cách tổ-chức một xưởng chế-tạo lớn; không phải rằng nhà máy xưởng thợ nào cũng có đủ bấy nhiêu cơ-quan đâu; nhưng trong một xưởng to-tát thời phải xếp-đặt như thế mới là chỉnh-dốn.

Nay nói về cách tổ-chức các bộ-phần trong một cửa hàng buôn to. Thường thường cũng chia ra các sở như sau này :

(1) «Ngôi-hàng» không những là cái cửa hàng cùng các đồ-hàng bày đấy, lại là cái tên hiệu nhà hàng, cái dấu hiệu đồ hàng nữa. Tên ấy, dấu ấy, tuy là vật vô-hình, mà cũng là cái vốn của nhà buôn được có quyền sở-hữu (*droit de propriété*), người ngoài chiếm lấy tên ấy, giả-mạo hiệu ấy, luật-pháp nghiêm-trừng, coi như ăn cắp ăn trộm đồ vật thiệt vậy.

1<sup>o</sup> — Sở quản-lý (*Service administratif*) coi về người làm;

2<sup>o</sup> — Sở buôn (*Service des achats*), phải tra xét về các thời-giá khi cao khi hạ, tìm những nơi nào có hàng bán mà đến mua, hoặc thừa đặt các mặt hàng theo kiểu-mẫu của mình và trông nom cho người ta làm đúng mẫu, khi người ta nộp phải nhận hàng, phải kiểm-điểm, phải chừa vào kho, phải ghi vào sổ cho bao giờ cũng biết đúng trong kho còn bao nhiêu, v.v.;

3<sup>o</sup> — Sở nhận đơn (*Service de réception des ordres*), để nhận những đơn của các khách mua hàng, biên vào sổ, rồi phân-phát ra các khu (*rayons*) để giao hàng cho khách, khi giao phải kiểm-điểm cho đúng đầu vào đấy; sở này tức là coi về việc bán chịu;

4<sup>o</sup> — Sở bán (*Service des ventes*), mỗi ngày bán những gì phải biên vào sổ, cho biết thứ nào chạy, thứ nào không, ngày nào đắt ngày nào ẽ; định giá bán các đồ hàng ngoài vốn buôn mỗi thứ ăn lãi bao nhiêu phần; như sở buôn thời phải giữ "phiếu" (*fiches*) về các nhà bán buôn cho mình và các mặt đồ hàng buôn, để lâm-thời tra-cứu cho dễ, vậy thời sở bán cũng phải giữ phiếu, biên rõ từng người khách mua hàng, từng thứ đồ hàng bán, từng nơi đặt chi-điểm, để lâm-thời hội lại biết đường tiêu-thu rộng hẹp thế nào;

5<sup>o</sup> — Sở tiêu-thụ (*Service des débouchés*), phải theo lời chỉ-dẫn của sở bán mà tìm phương mở rộng mỗi hàng ra, kiếm thêm lấy nhiều khách; sở này thường chia ra hai bộ: một bộ điều-tra (*département de la documentation commerciale*), sưu-tập các sách-vở báo-chí, nhặt những điều gì có quan - hệ đến việc buôn-bán, đến các mặt hàng, chuyển cho các sở kia biết, rồi chừa giữ lấy; một bộ quảng - cáo (*département de la publicité*), coi việc đăng cáo-bạch vào

các báo, hoặc dùng các cách quảng-cáo khác cho được thêm khách mua hàng,

6<sup>o</sup> — Sở đệ-tống (*Service des expéditions*) coi việc đưa hàng gửi hàng cho khách, giao-thiệp với nhà linh-trung vận-tải, với các công-ti bảo-hiêm, các viên thừa-hành của sở Thương-chánh;

7<sup>o</sup> — Sở tố-tụng (*Service du contentieux*) điều-đinh và lo-liệu về các việc phân-tranh trong khi buôn-bán.

8<sup>o</sup> — Sở thư-tin (*Service de la correspondance*) nhận thư đến, gửi thư đi, ghi vào sổ và chuyển đạt giấy-má cho các sở.

9<sup>o</sup> — Sở hội-kế (*Service de la comptabilité*) coi về việc tính-toán và sổ-sách.

Ngày nay ở các sở nhà buôn dùng các thứ máy cũng bớt được thì-giờ và mau được công-việc nhiều, nhất là thứ máy đánh chữ để chép thư-từ giấy-má thật là tiện-lợi lắm, bây giờ không sở buôn nào là không có. Dùng máy thời chỉ phải chú-ý và cẩn-thận, hai tư-cách ấy đàn bà thường có, nên những việc ở bàn giấy thường giao cho đàn-bà coi; còn đàn ông thời coi về những việc chuyên môn và phải đi các nơi để kiếm thêm mỗi hàng hoặc mở thêm thương-điểm.

Ngoài thứ máy đánh chữ lại còn các thứ máy gập thư, để bì, gấn thư, đếm thư, mở thư, dán tem; lại có các thứ máy tính, máy nhận tiền ghi số (*caisse enregistreuse*), máy nói là một thứ ống lưu-thanh thay được tốc-ký (*sténographie*), máy gói hàng và buộc hàng, máy lựa, đếm và chổng các tiền rời; máy tự-động để chuyển hàng; đồng-hồ ghi số cho biết người làm đến và về đúng vào giờ nào phút nào.

Ấy cách xếp - đặt trong một cửa hàng buôn to bên Tây như thế; mới coi thời tưởng là phiền, nhưng xét kỹ ra mới biết các bộ-phận ràng buộc lẫn nhau, kiểm-điểm lẫn nhau, rất là chặt

chẽ, rất là cần - thận, khiến cho khó lòng mà sai-lầm giả - dối được, hoặc có giả-dối sai-lầm thời cũng nhận ra ngay. Nhưng quan-trọng nhất trong các bộ - phận ấy là phần coi về tiền-bạc, giữ các sổ-sách, tức là sổ hội-kế vậy. Vậy sau đây nói về hội-kế thế nào.

Hội-kế là : 1<sup>o</sup> phân các khoản ra từng loại mà lập thành kế-biểu (*comptes*) ; 2<sup>o</sup> ghi các khoản vào những sổ-sách riêng ; 3<sup>o</sup> kiểm các khoản bằng lối tính quân-bình (*balances*) ; 4<sup>o</sup> kê mục-lục (*inventaire*) để kiểm lỗi lẫn.

Hội-kế cần nhất phải hai điều : một là rõ-ràng, hai là đúng ngày. Người buôn-bán không nên coi việc giữ sổ-sách là một việc pháp-luật bắt thời phải làm, hay là theo lệ thường làm cho tắc-trách mà thôi. Phải biết rằng có hội-kế phân-minh mới biết công-việc trong nhà mình thế nào, buôn-bán lỗ lãi ra làm sao. Vậy không những phải giữ sổ-sách cho đúng luật, lại phải nghĩ cách biên chép thế nào cho mau, cho tiện, cho rõ-ràng, cho dễ tìm, và thứ nhất là phải giữ cho đúng ngày, đừng để chậm, đừng bỏ sót.

Theo thương-luật của nước Pháp, thời nhà buôn nào cũng phải có một quyển sổ nhật-ký (*livre journal*), một quyển sổ chép thơ (*livre copie de lettres*) và một quyển sổ mục-lục (*livre relevé des inventaires*). Mấy quyển đó là bắt-buộc nhà nào cũng phải có, nhưng thường-thường có nhà buôn lại thêm mấy quyển nữa như quyển sổ-cái (*grand livre*), và các sổ phụ về việc mua, bán, giao-dịch trong cửa hàng, sổ quỹ, sổ tổng-dệ, v. v. — Luật nước Anh thời không bắt-buộc các nhà buôn riêng phải giữ sổ, chỉ bắt-buộc các công-ti mà thôi. Luật Tây-ban-nha (Espagne) thời ngoài ba quyển sổ giống như luật nước Pháp, lại bắt giữ một quyển sổ-cái nữa. Luật nước Đức thời

nói chung rằng các nhà buôn đều phải giữ sổ - sách, nhưng không nói rõ những sổ-sách gì.

Phép giữ sổ-sách ngày nay cũng có nhiều cách mới giản-tiện hơn xưa. Như sổ-cái bây giờ có nơi không đóng liền mà dùng những tờ giấy rời (tiếng anh gọi là *Loose Leaf system*), cách này thời tiện xếp và dễ biên, khoản nào đã liêu - kết rồi thời bỏ tờ ấy ra, khoản nào mới thời đặt thêm tờ khác vào, thành ra sổ dùng được mãi. Lại còn cách dùng « phiếu » (*fiche*), biên mỗi người, mỗi việc hay mỗi thứ hàng vào một phiếu, xếp dựng vào những tủ riêng có ngăn kéo, tra tìm cũng tiện-lợi lắm. Như sổ người bán, sổ người mua, sổ đồ hàng, hay dùng cách ấy, khi xếp muốn đảo lên đảo xuống, thêm vào rút ra tiện hơn là sổ đóng liền. Xếp thời hoặc xếp theo số, theo văn hay là theo xứ cũng được.

Luật bắt nhà buôn nào mỗi năm cũng phải làm một cái sổ đối - chiếu (*bilan*), so-sánh các khoản để rõ tình-hình trong nhà thế nào. Sổ đối- chiếu muốn cho đúng, cho rõ, thời phải kê cho tường và làm cho nhất-luật. Thứ nhất là phải ước-lượng cho đúng giá các đồ hàng còn để trong nhà. Các nhà buôn nhiều khi hay ước tặng lên quá, tính phồng cả lãi vào đấy, thành ra không được xác. Phàm đồ hàng còn chứa trong kho thời phải tính theo giá buôn, rồi châm - chước với thời-giá khi cao khi hạ. Nếu thời giá hạ thời là lỗ, khoản lỗ ấy ước lượng là bao nhiêu phải biên vào bìa « Chiu » (*passif*). Nếu thời - giá cao thời có lãi, nhưng lãi ấy đã thu và được đâu, vì đồ hàng vẫn còn nằm đấy ; như vậy thời tuy rằng có lãi mãi mãi chưa có thể chia cho những người có cổ-phần được, vậy cũng phải biên vào bên « Chiu », nhưng biên rõ là một khoản dự-trữ, rồi chuyển dần

vào bên « Được » (*Actif*).<sup>(1)</sup>

Sở đối - chiếu phải cho rõ - ràng, nghĩa là ghi chép cho phân-minh, và chia hợp các khoản cho xác - hoạch. Lại phải cho tường-tất, chớ đừng vắn-tắt quá, vì biên tất quá thời lâm-thời tra đến không biết được rõ tình-hình trong nhà thế nào. Sau nữa, lại phải cho nhất-luật, nghĩa là năm nào cũng làm theo một thể-thức giống nhau, để khi nào phải so-sánh nhiều năm cho dễ.

Một cái sổ đối- chiếu mà làm trùng-cách thời đọc qua một lượt biết được rõ tình-hình tài-sản trong nhà hay trong hội tốt hay xấu, các khoản « khấu nợ » (*amortissements*)<sup>(2)</sup> mất bao nhiêu, thu lãi được bao nhiêu, rút lại là hàng bán có được chạy và vốn nhà có tăng-tiến không. Sổ đối- chiếu phải phụ thêm một cái « biểu lợi-hại » (*compte de pertes et profits*), kê rõ những khoản kinh-phí và khoản thu-lợi, xem sổ và biểu thời rõ được sự buôn-bán lỗ-lãi thế nào. Thường xét ra một hội buôn có cơ phát-đạt được, mà tiền kinh - doanh cùng tổng - phí lúc ban - đầu (*frais généraux*) nhiều quá, lãi thu vào không phủ, sau đến thất-bại. Cho nên mỗi năm phải biết rõ bên được bên chịu thế nào và tiền lãi tiền phí bao nhiêu để liệu mà tăng-giảm các phí kinh-doanh. Thứ nhất là phải chú-ý về các khoản « khấu-nợ », hễ khấu các nợ trước đi mà còn thừa thời mới thật là có lãi. Lại phải xét số những người mua chịu, nếu đọng lại nhiều người chưa trả tiền thời phải hạn-chế sự bán chịu lại. Sau nữa lại phải biết rõ số tiền xuất-nhập thường thường, tiếng tây gọi là « tiền luân-chuyển (*fonds de roulement*), nghĩa là những khoản có

thê thâu được ngay và những khoản cần phải trả ra ngay.

Việc giữ sổ-sách các nhà buôn cũng là một khoa học chuyên-môn, phải là người thông-thạo mới làm được. Cho nên ở các nước Thái-Tây đều có những trường riêng dạy về khoa hội-kế, thường chia ra hai ban, một ban dạy về hội-kế nhà nước, một ban dạy về hội-kế các nhà buôn. Lại có những công-ti các tay chuyên-môn về khoa hội-kế, nhà hàng hay hội buôn nào cần phải kiểm-điêm sổ-sách thời nhờ các công-ti ấy phái người đến xét, làm giấy chứng-nận, rồi ăn tiền hoa-hồng. Nước Pháp thời có hội *Compagnie des Experts-comptables de Paris* (Công-ti các nhà Hội - kế chuyên - môn thành Paris) lập ra năm 1912; nước Anh có những hội *public accountants*, tức là những thầy công-văn chuyên coi về sổ-sách nhà buôn; nước Đức thời có những hội gọi là « hội tín-dụng » (*Treuhand-gesellschaften ou sociétés fiduciaires*), trước coi về việc buôn-bán các giá-phiếu ngân - phiếu, nay cũng kiêm cả việc kiểm-điêm sổ-sách cho các nhà buôn.

Ngoài những sổ-sách như bên trên đã kê, một cửa hàng hay một hội buôn lớn lại phải thường làm những sổ « nội-dụng thống-kế » (*statistiques intérieures*), nghĩa là gồm những tổng-số các khoản (như số buôn, số bán, số tiền công, số kinh-phí, v.v.) trong một thời-kỳ hoặc vắn hoặc dài, một tháng, ba tháng, sáu tháng, một năm, rồi kê-liệt ra để dễ so-sánh xem mỗi khoản tăng giảm thế nào. Các sổ thống-kế này thường làm thành biểu (*tableaux*), thành đồ (*cartogrammes*), họa hình ra cho dễ xem.

Buôn-bán phải có vốn, đó là một lẽ

(1) Phần sổ đối- chiếu (*bilan*) phải có hai phần đối nhau: một phần gọi là bên « Được » (*actif*) là gồm các cửa-cải cùng các khoản hiện có trong nhà và những món người ta nợ mình; bên « Chịu » (*passif*) là những khoản mình phải chi ra ngoài hoặc mình nợ người ta.

(2) Tiền « khấu nợ » là những khoản mỗi năm trích riêng ra để trả vào các món nợ lâu năm từ trước, hoặc bù vào các khoản kinh-phí mua nhà đất, mua máy-móc, v. v.

cổ-nhiên, không ai là không hiểu. Vậy thời vốn là phần cốt-yếu của mọi việc buôn-bán công-nghệ, và cách dùng vốn là một điều quan-trọng trong phép tổ-chức các nhà buôn. Nay đã xét cách xếp-đặt về hình-thức như trên, nên xét đến cách dùng vốn thế nào.

Vốn nguyên-thủy là thuộc về thiên-nhiên, rồi người ta mỗi ngày mới đem công khai-khẩn ra, biến-hóa đi, và lợi-dụng lấy. Sự khai-khẩn biến-hóa ấy là bằng cái sức làm, một là làm việc bằng chân tay, hai là làm việc bằng trí-não; lại cũng bằng cái tinh đề dành, làm ra được bao nhiêu, tiêu dùng không hết, biết dành-dự lại, thành ra vốn mỗi ngày một tăng thêm lên. Biết lấy nhân-lực mà lợi-dụng cái vốn thiên-nhiên, lại dành-dự mà bảo-tồn lấy, biến-hóa mà khoáng-trương ra, đó là cái đặc-tính một xã-hội văn-minh.

Vốn thời nhiều hình-trạng lắm, tự cái đồ dùng của người đời xưa phát-mình ra rồi đời sau mỗi ngày một sửa-sang cho tiện-lợi, tức tiếng tây gọi là cái « vốn phát-mình » (*capital invention*), cho đến những máy-móc của công-nghệ đời nay chế-tạo ra, cho đến những sản-vật cùng tài-liệu thiên-nhiên, cho đến những dấu hiệu người ta đặt để làm biểu-hiệu cho tài-sản, như tiền-tệ, giá-phiếu, v. v., bấy nhiêu thứ đều là cái vốn cho người ta lợi-dụng cả.

Nay lấy phương-diện lợi-dụng mà xét thời thường chia ra vốn đề (*capital fixe*) và vốn chạy (*capital circulant*). Vốn đề là cái vốn mua nhà đất, máy móc, đồ dùng, v. v., tức là tiền đề động một chỗ để giúp cho các việc giao-dịch, chế-lạo khác; vốn này không cần phải lưu-truyền mà có ích-lợi, nhưng càng dùng nó lại càng mòn đi, phải dự khoản hàng năm để tiếp dần vào. Vốn chạy là cái vốn đem dùng ra thì nó mất hẳn đi, có mất đi mới được việc. Phạm trong công-nghệ thương-nghiệp, hệ vốn đề đã to

thời vốn chạy cần đến ít, mà vốn đề ít thời vốn chạy phải cần đến nhiều. Cái số-lượng ít nhiều thế nào là tùy mỗi nghề; song thường nhận ra về nghề nông càng phát-đạt thời vốn chạy càng phải nhiều, mà về công-nghệ thời lại vốn đề phải nhiều hơn. Về công-nghệ vốn đề càng ngày càng nhiều, một là bởi sự chế-tạo càng ngày càng mạnh, hai là bởi nghề máy-móc càng ngày càng tấn-tối, mỗi thứ máy dùng được ít lâu lại phải thay lấy kiểu tốt hơn cho làm được mau và được nhiều mới bán được giá rẻ và tranh lại được các nhà khác. Người ta đã tính ra về nghề chế các kim-loại thời phần vốn đề đối với toàn-số tư-bản là 62 phần trăm (62%), về nghề nung men thời 32 phần trăm (32%), về nghề làm máy 42 phần trăm (42%), về nghề điện 57 phần trăm (57%). Bởi số vốn đề mỗi ngày một tăng lên, nên công-nghệ đời nay thường gặp nhiều khi khủng-hoảng, vì xưởng máy nào cũng cần phải có việc mà chạy luôn mới được, nếu không đủ việc cho máy chạy thời máy nằm đó không những thiệt mất lời mà lại hại đến vốn.

Coi cách dùng vốn như thế thời biết rằng cũng có mấy cái phép-tắc nhà buôn nhà nghề cần phải biết. Đại-khái phạm kinh-doanh một nghề-nghiệp gì, không nên có bao nhiêu vốn dùng hết cả, nhất là về hạng « vốn đề » là các vốn nằm đó mà mỗi ngày một mòn đi; nhưng cũng không nên đề-sên quá mà không chịu kinh-phi những khoản yếu-cần. Vốn đề là một cái gánh nặng cho nhà nghề nhà buôn, tuy không có không được, nhưng cũng phải cố hạn-chế cho khỏi phi quá; đến như vốn chạy thời thật là cái nguồn lợi trực-tiếp ngay. Vậy thời phải chăm-chước cái phân-số như trên kia đã nói mà hết sức tăng phần vốn chạy lên, nghĩa là nên dùng cách động hơn

là cách tính, và đại-đề phải luân-chuyên đồng tiền vốn luôn, không nên để im để đọng bao giờ; càng chuyên vốn được mau bao nhiêu thời lại càng thu lợi được nhiều bấy nhiêu. Cho nên nhà nghề nhà buôn nào cũng vậy, ngoài phần vốn đẻ, cần phải có một phần vốn chạy cho dư-dĩ đẻ mà buôn đồ hàng, mua vật-liệu, chi-phí những việc hằng ngày, trả công cho người làm việc.

Các khoản kinh-phí trong một cửa hàng buôn hay là một xưởng chế-tạo có thể chia ra làm hai hạng: một là « tổng-phí » (*frais généraux*), nghĩa là những khoản kinh-phí chung trong nhà, thường-thường phải chi ra thời công việc trong nhà mới chạy được; hai là hạng « đặc-phí » (*frais spéciaux*), nghĩa là những khoản kinh-phí riêng về một bộ-phận hay là một hạng công việc riêng nào, như phí vận-lái, phí thương-chánh, phí chế-tạo, phí hối-đoái, v. v. ....

Vấn-đề « tổng - phí » cũng là một vấn-đề quan-trọng trong việc tổ-chức một nhà buôn. Nhiều khi vì các khoản tổng-phí nhiều quá mà việc buôn-bán công-nghệ phải nguy - hỏng; mà các khoản tổng-phí thời dễ tiêu quá lên lắm, cho nên phải cẩn-thận mới được. Hễ khi nào có khoản nào ngờ sẽ nhiều quá số đã dự-toán thời nên kê vào một cái kế-biểu riêng mà chú-ý xem-xét từng tí.

Tổng-phí có thể chia ra làm bốn mục như sau này: 1) tiền chi - phí riêng của ông chủ, lương người làm việc và công thợ; 2) tiền thuê nhà, tiền giấy mực, tiền đèn điện, tiền củi than, tiền quảng-cáo, tiền lộ-phí, v. v. ; 3) các tiền thuế, tiền môn-bài, tiền bảo-hiêm; 4) tiền lãi các món vay, tiền khấu-trừ các « vốn đẻ ».

Thuộc về người làm việc và các thợ-thuyền thời nhà buôn hay nhà nghề nào muốn cho người làm được việc phải

cố giữ lấy lâu, đừng nên thay đổi luôn; vì mỗi lần lấy người mới vào phải mất công mất thi-giờ tập việc vô-ích. Muốn giữ được người làm lâu thời ngay từ lúc đầu phải định lệ rõ-ràng cứ hạn bao lâu thời tăng lương cho người ta một lần; lại phải phân chức-việc của mỗi người, định trách-nhiệm cho phân-minh, nhưng cũng không nên phân-biệt kẻ trên người dưới lắm, sợ ngăn-trở mất cái tính hoạt-bát, trí-phát-khởi của mỗi người, mà lại sinh ra những sự tranh-danh ghen-tị. Ông chủ cũng phải giữ đừng làm mất lòng người làm, mà phải cố được người ta yêu-mến mình; trong sự lao-động có một phần thuộc về tâm-lý, mình phải khéo biết lợi-dụng; phải biết rằng cũng một việc làm, cũng một người làm, mà người ta vui lòng mà làm thời vừa mau vừa được việc hơn là mình giữ người ta ngồi lâu, miễn-cưỡng mà phải làm. Muốn được lòng người làm, muốn công việc mình chạy, thời phải trả công cho phải-chẳng. Có câu ngạn-ngữ nước Anh rằng: « tiền công xấu, việc làm xấu » (*bad pay, bad work*), nghĩa là việc làm với tiền công có trực-tiếp quan-hệ vậy. Ngày nay có nhiều công-ti lớn cho người làm được dự phần chia lãi, đó thật là một cái chính-sách hay, vì lợi-quyền của công-ti với lợi-quyền của người làm cũng là một, người làm tất tận-tâm làm việc, không còn có bụng khác nữa.

Tiền thuê nhà cũng là thuộc vào hạng tổng-phí, khi làm văn-tự thuê nhà dài hạn, phải nên tính cẩn-thận, vì khoản kinh-phí này không như các khoản khác mà làm-thời có thể giảm bớt đi được.

Còn các khoản tổng-phí khác như tiền giấy mực, cũng nên giữ-gìn, vì dễ phao-phí lắm. Lại những khoản bảo-tồn tu-bổ các đồ-đạc nhà-cửa, cũng có thể liệt vào hạng tổng-phí được; trừ khi nào nhiều quá thời nên kê vào mục riêng về « Đồ-đạc và nhà-cửa ».

Lại những đồ hàng đọng lại không bán được tất có thiệt-hại vào đấy, những bán hàng có người vỡ nợ không trả được, hay là các khoản phí-tồn về những việc kiện-cáo, bấy nhiêu thứ đều giữ-gìn cẩn-thận thế nào cũng không khỏi được, vậy cũng nên ước-lượng trước mà tính vào số tổng-phí.

Phần to nhất trong hạng tổng-phí là tiền lãi những vốn đã xuất ra, mà phần này lại nhiều người không chú-ý đến. Vốn xuất ra để doanh-nghiệp, đều vốn của mình nữa cũng phải coi như là vốn đi vay, nghĩa là phạm vốn phải sinh lãi, không những là cái lãi thường như lãi đi vay, lại phải tùy mỗi việc mà tính thêm lên bao nhiêu phần nữa gọi là số bảo-hiêm (*coefficient de risque*). Lãi ấy phải tính làm sao cho đủ bảo-tồn được tiền gốc mà lại sinh-sản thêm ra, như vốn dùng để mua máy-móc thì mỗi năm phải dự-tính bao nhiêu về số lãi cái vốn ấy đã, rồi lại dự-tính một khoản nữa để khấu-trừ dần vốn đi, như người vay nợ vừa trả gốc vừa trả lãi; vốn lãi đã khấu hết rồi thì máy còn dùng được bao lâu nữa là được lãi bấy lâu, nhưng đều không dùng được nữa cũng đã hoàn vốn rồi và có thêm mua máy khác thay vào được.

Nhà buôn cần phải biết rõ cái « giá vốn » các đồ hàng của mình để chăm - chước mà tính giá bán cho phải chăng. Giá vốn (*prix de revient*) là gồm giá buôn và các phí - tồn khác, muốn tính cho đúng cũng khó lòng lắm, chỉ có thể ước-lượng được mà thôi. Như tính giá vốn một thứ đồ hàng, gì thời phải tính như sau này : 1<sup>o</sup>) giá mua buôn ; 2<sup>o</sup>) phí - tồn lúc mua và lúc cất (như mối-lái, tiền cân, tiền xe xuống tàu, tiền thuế xuất-cảng, v. v. . .) ; 3<sup>o</sup>) phí vận-tải và bảo-hiêm

hàng đến bến (thuế nhập-cảng, tiền cân, tiền xe về nhà hay là chứa trong kho, v. v.) ; 5<sup>o</sup>) phí trả tiền hàng (bằng giấy thép, bằng nhà băng, v. v.) ; 6<sup>o</sup>) một phần tổng-phí tính theo số giao-dịch trung-bình trong một năm. — Giá vốn đã tính xong rồi thời sẽ chăm-chước mà tính giá bán, định ăn lãi bao nhiêu thời tính thêm bấy nhiêu vào giá vốn, liệu thế nào cho phải-chăng và phải nhớ rằng ăn lãi ít mà bán được nhiều còn hơn là ăn lãi nhiều mà bán được ít. Lại phải xem xét tình-thế trong thương-trường mà định một cái « giá-hạn », ngoài hạn ấy thời có lãi, đúng hạn ấy thời vừa đủ vốn và đủ tiền phí - tồn gửi hàng cho khách, dưới hạn ấy thời có lỗ ít nhiều, để tùy khi hàng cao hàng hạ, khi bán chạy hay không bán chạy mà liệu hoặc tăng hoặc giảm cho thích-dáng. Khi nào xét ra trong thương-trường giá hàng hạ quá, thời nhà buôn muốn giữ được y-nguyên số lãi, phải dùng nhiều cách : hoặc là kiếm nơi nào buôn rẻ hơn nơi mình buôn trước, hoặc là tìm phương giảm bớt các khoản phí ; muốn giảm phí thời hoặc là trực-tiếp giảm ngay từng khoản, hoặc là gián-tiếp tăng số giao-dịch lên, vì buôn nhiều, tiền phí-tồn tính ra nhẹ hơn là buôn ít ; nhưng cách chắc nhất là cố giảm lấy tiền tổng-phí đi. Có một điều phải nên chú-ý là phải làm thế nào cho hàng dùng đọng trong kho lâu quá, vì hàng càng nằm trong kho bao nhiêu, thời tiền tổng-phí càng nặng lên bấy nhiêu. Nếu cùng trong khoảng một năm, cùng bằng ngần ấy vốn, mà buôn vào bán ra được hai-mươi lần thời tiền tổng-phí chắc nhẹ hơn được một nửa là buôn-bán được có mười lần thôi. Ấy cái bí-thuật của các nhà buôn đời nay là thế : là tăng số buôn-bán lên cho nhiều để giảm số tổng-phí cho ít đi. Trong sách thương - học gọi thế là

« đổi kho » (*renouvellement de stock*), hay là « thay vốn » (*renouvellement de capital*), nghĩa là cùng bằng bấy nhiêu vốn mà buôn vào bán ra được nhiều lượt, không phải để đọng lâu ngày. Vậy thì trong khi tính tiền phi cùng tính giá hàng phải nhận kỹ cái kỳ-hạn đổi-kho thay-vốn vẫn dài thế nào, hễ thay đổi luôn thời là hàng chạy và có thể tính giá nói hơn được, vì tiền phi đã giảm bớt đi vậy.

Cách tổ-chức một nhà buôn còn nhiều điều quan-hệ nữa, không thể nói cho hết được. Trở lên là kế lược mấy điều cốt-yếu, như cách xếp - đặt các bộ-phận, cách biên giữ các sổ-sách, cách lợi-dụng tiền vốn, v. v. là

những điều người buôn-bán nào cũng phải suy-tính cho đến nơi đến chốn, không thể mô-hồ cầu-thả được. Nay còn một điều nữa, những nhà buôn-bán ở các nước lấy làm một sự thường mà ở nước ta còn ít người biết : là sự bảo - hiểm. Bảo - hiểm là phòng - bị những sự nguy-hiêm bất-kỳ, như cháy nhà, mất trộm, đắm tàu, bị lụt, v. v. ; có dự-phòng trước cũng giảm được sự tổn-hại nhiều. Các công-ti bảo-hiêm hiện nay ở đâu cũng có đặt chi-diểm, và bảo-hiêm về đủ mọi đường, thậm-chí có công-ti bảo-hiêm cả sự chết nữa. Các nhà buôn-bán là những người rất cần phải bảo - hiểm lắm.

NGÔ THƯƠNG-GIA.

## KHAO VỀ CÁC LUÂN-LÝ-HỌC-THUYẾT CỦA THÁI-TÂY

Bản-chi kỳ trước đã đăng hết những bài « Khảo về lịch-sử luân-lý-học nước Tàu »<sup>(1)</sup>. Các bạn đọc báo đọc qua những bài ấy thời cũng đủ rõ các lý-tưởng về luân-lý ở nước tổ văn-minh cõi Á-đông ta từ đời thượng-cổ đến giờ duyên-cách thế nào. Tự Đường Ngu Tam-dại, cho đến Tống, Nguyên, Minh, Thanh, trải hơn ba nghìn năm, những quan-niệm về thiện-ác, về đạo-đức, về tâm-tinh, các tiên-nho tiên-triết nghị-luận nghiên-cứu thật nhiều, dần-dần gây thành một nền luân-lý vững-vàng bền-chặt, làm cái trụ cốt cho các xã-hội Đông-phương ta trong mấy mươi thế-kỷ nay. Nền luân-lý ấy bền-chặt vững-vàng cho đến nỗi cái phong-trào mới đời nay dù mãnh-liệt đến đâu cũng không mong phá-hoại cho được. Song, phong-hội mỗi ngày một mở-mang, cuộc đời mỗi ngày một biến-cải,

người ta cũng phải theo thời mà thay đổi, không thể cứ khư-khư giữ cái nền-nếp cũ mãi được. Duy theo thời có hai cách : một là nhắm mắt mà theo liều, hi-tân yếm-cự, cứ thấy mới là theo, cứ thấy cũ là bỏ, không biết phân-biệt dở hay phải trái thế nào ; hai là suy-xét mà kén-chọn, cái gì cũ của mình mà không hợp-thời thời nên bỏ, cái gì mới của người mà thật chánh-đáng thời nên theo, không câu-nệ mà cũng không du-tông. Chỉ hiềm rằng đương buổi giao-thời, những người theo thời có ý-thức thời ít, những kẻ theo thời vô-ý-thức thời nhiều, bởi thế mới diễn ra lắm cái cảnh bi-kịch hí-kịch trong xã-hội. Nhưng mong rằng tân-học mỗi ngày một thâm-thuý, người nước ta rồi ra không những chỉ biết cảm cái hình-thức của văn-minh mới mà biết thấu đến nơi tinh-thần,

(1) Xem Nam-Phong từ số 34, 35, 36, 37, 38, 42, 43, 45, 46.

đến chỗ nguồn-gốc, bấy giờ thời hai cái tân-cựu phong-trào sẽ tự-nhiên điều-hoà nhau, và cái xã-hội cổ mấy nghìn năm của nước Việt-Nam ta này sẽ lại phục-hồi được cái cảnh-tượng hoà-bình ổn-kiện như xưa, khác nào như trên mặt bể khỏi lúc phong-ba bão-táp lại được bình-lĩnh như thường vậy.

Nay xét văn-minh học-thuật của Thái-Tây, không phải chỉ chuyên-trọng về đường thực-tế, mà cũng giảng-cứu về lẽ đạo-đức nhiều. Các nhà cựu-học ta có nhiều ông vẫn tưởng rằng Âu-Tây không trọng luân-thường đạo-lý bằng Á-đông; tưởng thế là tưởng lầm, vì các bậc hiền-triết Âu-châu nghiên-cứu về luân-lý-học cũng chẳng kém gì các bậc hiền-triết của nước Tàu đời xưa, có lẽ nhiều điều bàn-bạc lại xác-tạc hơn tiên-nho ta nhiều. Duy Âu-Tây tuy trọng tinh-thần mà cũng trọng vật-chất nữa, người mình mới tiếp-súc cái văn-minh của họ thời chỉ tiếp-súc cái phần vật-chất trước mà chưa cảm-giác đến chỗ tinh-thần; bởi thế nên thường hay xét-đoán lầm.

Bản-chi trước đã khảo về lịch-sử luân-lý-học nước Tàu là cái gốc văn-minh của Đông-Á, nay lại khảo về các luân-lý-học-thuyết của Thái-Tây, để các bạn đọc báo so-sánh cái tư-tưởng về luân-lý của hai phương Đông Tây giống nhau và khác nhau thế nào, và cho quốc-dân ta biết rằng văn-minh Thái-Tây không phải chỉ ở súng-đạn máy-móc mà thôi, cũng biết tôn-trọng những lẽ cương-thường đạo-đức chẳng kém gì Đông-phương ta vậy.

Ở nước Tàu thời trong luân-lý-học-giới tuy có chia ra nhiều phái, nhưng xét kỹ phái nào cũng đại-đồng tiểu-dị, xuất-nhập đạo Nho cả, dầu các phái lấy Lão Trang làm thầy, kết-cục cũng là qui-nạp về Nho-giáo hết. Bởi thế nên luân-lý-học nước Tàu có cái

về thống-nhất, đối với xã-hội có một cái thế-lực rất mạnh, không kém gì tôn-giáo vậy. Mà thực, đạo Nho vốn là một nền luân-lý mà nghiêm-nhiên có cái tinh-cách như một nền tôn-giáo; Khổng-phu-tử vốn là một nhà luân-lý mà tự-nhiên trở nên một bậc giáo-chủ, sánh vai với Đức Gia-tò, Đức Phật-tổ, mà làm ông thầy cầm cân nẩy mực cho sự sinh-hoạt của bốn năm trăm triệu con người trong ngót hai-mươi-lăm thế-kỷ tới nay. Xét về phần lý - tưởng thời những nhà luân-lý triết-lý Âu - châu, như ông SOCRATE (Tô-cách-lạp) nước Hi - lap, ông KANT (Kháng-đức) nước Đức, tư-tưởng còn có phần siêu - việt hơn Khổng-phu-tử; nhưng xét về phần thế-lực trong xã - hội thời Âu - châu không có người nào sánh bằng Khổng-phu-tử. Bởi thế nên tự Khổng-phu-tử về sau, các nhà luân-lý-học nước Tàu là học-trò ông Khổng cả, dầu thời-đại càng xa, môn - phái càng nhiều, mà môn nào phái nào chẳng qua cũng là bàn-bạc phát-minh các vi-ngôn đại-nghĩa trong đạo Nho đó mà thôi, nói thế cũng không phải là quá-đáng vậy. Đạo Nho ví như một cái cây cổ-thụ, các học-phái kia khác nào như những cành những ngọn mọc ở cây ấy mà ra, tuy càng ngày càng rườm-rà rậm-rạp mà cũng là do một gốc mà ra. Luân-lý-học-giới của Âu-châu thời không thế và có thể tỉ như một cái vườn rộng, trong trồng vô-số các thứ cây, tuy cứ lấy từng cây thời không có cây nào sánh bằng cây cổ - thụ của Đông-phương ta kia, nhưng gồm cả lại thời thành như một cái rừng rậm, ở trong các danh-hoa dị-thảo thiếu gì. Mà thật, các nhà luân-lý-học ở Âu-châu mỗi nhà xướng một học - thuyết, mỗi nhà lập một học-phái, không thuyết nào giống thuyết nào, không phái nào giống phái nào, phái nào thuyết nào cũng có cái sở-trường sở-đoán, không thuyết nào phái nào có cái thế-lực

nhất-thống được tư-tưởng người ta. Bởi thế nên mới xét ra, ngờ như luân - lý - học - giới Âu - châu là cái trường cạnh-tranh của các học - phái học-thuyết phản-trái nhau, nhà khảo-cứu như bước chân vào chốn mê - li, không biết lấy gì làm tiêu - chuẩn ; nhưng nếu biết đem cái tư-tưởng triết-trung mà phán-đoán thì mới rõ cái tồn-chỉ của các học-phái học-thuyết ấy thâm-thiết và trước-minh là đường nào.

Trước khi bàn về các học - thuyết luân-lý, hãng nên giải qua cái mục - đích và phương-pháp của luân-lý-học Thái-Tây thế nào. Theo chữ nho thời luân-lý-học là học về những lẽ luân-thường, nghĩa là cách người ta ăn ở với nhau trong xã-hội thế nào cho được hòa-bình, cho có trật-tự. Theo chữ tây cũng thế : chữ *morale*, nghĩa là sự học về cách ăn ở của người ta, nhưng không phải là cách ăn ở như hiện trong xã-hội, tức là cách ăn ở thế nào là nên là phải ; cho nên có người giải nghĩa luân-lý-học là học về các nghĩa-vụ ở đời. Nghĩa-vụ là gì ? Nghĩa-vụ là việc vì nghĩa phải làm. Phạm làm người đã có trí khôn, có tự-do, thời tiện-thị có nghĩa-vụ, nghĩa là có những việc trí-khôn mình, tự-do mình nó buộc mình phải làm, mình không muốn làm cũng được, không ai bắt, nhưng tự trong bụng mình biết rằng làm thì hay hơn, nên hơn, phải hơn. Vì nghĩa-vụ không phải là một sự cưỡng-bách như pháp-luật. Nghĩa-vụ là một lời khuyên của trí khôn, của lẽ phải, khiến cho người ta lấy quyền tự-do mà theo làm ; càng không ai bắt lại càng phải nên làm, vì tự mình thấy như mình có trách-nhiệm ở đấy, trách-nhiệm đối với lương-tâm mình. Ấy người ta sở-dĩ hơn vạn-vật là biết có trách-nhiệm như thế.

Luân-lý-học đã là học về cách ăn ở

của người ta, thời gốc là ở lòng người. Bởi thế nên các tiên-nho nước Tàu dạy về đạo xử-thế, thường hay bàn đến tâm-tính người ta. Âu-châu thời đã có hẳn một khoa-học riêng gọi là tâm-lý-học, chuyên xét về sự hoạt-động trong tâm-tính người. Luân-lý-học với tâm-lý-học có mật-thiết quan-hệ với nhau, đó cũng là một lẽ tự-nhiên vậy. Luân-lý-học là xét về đạo làm người nên thế nào là hay là phải ; tâm-lý-học là xét tâm-tính người ta hiện thế nào : muốn định cho người ta thế nào là nên là phải, há chẳng phải biết người ta hiện thế nào rư ? Vả tâm-lý-học là xét về các cơ-quan trong lòng người, các năng-lực của người ta, mà luân-lý-học tức là dạy cái cách lợi-dụng các cơ-quan, các năng-lực ấy thế nào cho xứng-đáng.

Trong vạn-vật duy có người ta là có cái quan-niệm rằng ở đời có sự tuy không ai bắt làm mà phải làm, có thể thời mới nên, có thể thời mới phải. Các giống vật khác đều có phép-tắc phải theo cả, nhưng nó theo mà nó không biết ; giống nào đều có định-mệnh của giống ấy, nhưng nó khuynh-hướng theo cái số-mệnh ấy mà nó không biết, túng-sử biết cũng không thể đi sai ra ngoài cái số-mệnh ấy được ; dù muốn hay dù không muốn cũng bị lẽ thiên-nhiên đưa-dây mà phải theo. Người ta cũng là một giống vật, đã là một giống vật thì cũng có những phép-tắc thiên-nhiên, không theo không được ; cho nên trong đời người có một phần to không thuộc về quyền tự - do của người ta, người ta không thể nào can-thiệp vào được ; phần ấy là phần sinh-lý, như sự âm-thực nam-nữ. Nhưng người ta lại được hơn các giống vật-khác, là biết tri-giác sự sinh-hoạt của mình, biết bao-quát cả cuộc đời mình, biết bản-khoản mà tự hỏi cái lý-do, cái mục-đích của đời mình

là thế nào. Ngoài cái phép-tắc thiên-nhiên, không thể nào tránh được, khác nào như một cái máy lớn mà người là một bộ-phận ở trong, máy quay mình cũng phải quay, người ta lại còn biết quan-niệm một cái phép-tắc tự do nữa, thuộc về tinh-thần, tự mình lấy làm nên làm phải, tùy ý mình muốn theo thời theo, muốn không cũng được, nhưng tự biết rằng theo thời mới nên mà không theo thời không nên. Bởi thế nên trong vạn-vật, duy có người ta là có thể tự mình cấu - tạo được cái vận - mệnh của mình; các giống khác thời nó theo vận-mệnh của nó mà nó không biết; duy người ta là có tư-cách dám ra tay mà gây-dựng lấy cuộc đời mình.

Này muốn chứng rõ sự ấy, cứ xét ngay các năng-lực trong tâm-tính người ta hành-động thế nào thời đủ biết. Cứ như tâm-lý-học đã phát-minh, thời người ta có ba cái năng-lực thuộc về tinh-thần: một là « ý-chí », là cái chí quyết muốn; hai là « trí-tuệ », là cái trí hiểu-biết; ba là « cảm-tình », là cái tình cảm-động. Ta thử xét ba cái năng-lực ấy vận-động ra làm sao.

Người ta là một giống có tính rất hoạt-động, nhưng sự hoạt-động ấy không phải là một cái sức mạnh vô-tri vô-giác đâu; người ta biết *quyết muốn*, nghĩa là trong hai ba đường hoạt-động, biết kén chọn đường nào là hơn là phải. Sự kén chọn ấy là tự-do, không gì ép-buộc, duy phải kén-chọn thế nào cho xứng-đáng, thế nào là phải là nên. Muốn kén chọn trái đi cũng được, không phải là không, nhưng kén chọn thế nào phải trách-nhiệm với lương-tâm mình như thế.

Người ta lại là giống biết tư-tưởng. Không những biết cảm-giác những sự ở quanh mình, không những biết quan-niệm những sự cảm-giác ấy, không

những biết ghi nhớ và lý-hội các sự mình kinh-nghiệm, mà lại biết tưởng-tượng ra một cái lẽ phải cao hơn muôn sự ở đời, muôn sự đều phải tùy theo mô-phỏng vào đấy, nghĩa là người ta có tư-cách biết tưởng-tượng ra một cõi hoàn-toàn tuyệt-dịch, gọi là cái « lý-tưởng » (*l'idéal*), cao hơn sự thực ở đời. Tư-cách ấy tức gọi là « lý-tính » (*la raison*). Lý-tính không những biết tưởng-tượng ra một cái phép-tắc hoàn-toàn tuyệt-dịch cho sự-vật ở ngoài, mà lại biết tưởng-tượng ra một cái phép-tắc hoàn-toàn tuyệt-dịch cho bản-thân người ta, nghĩa là biết rằng trong cách người ta cư-xử ở đời cũng phải có phép-tắc, cũng phải cho thế nào là nên là phải.

Sau nữa, người ta lại là giống có cảm-tình, và cái cảm-tình ấy lại thường biểu-lộ được cái tình cao-thượng của giống người. Tuy cảm-tình của người ta là đối với mình trước nhất, tuy người ta ai cũng có cái lòng tự yêu tự quý mình hơn cả (tức là cái lòng duy-kỷ), song cũng biết cảm-tình với kẻ khác, cũng nhiều khi biết thương yêu kẻ khác (tức là cái lòng vị-tha). Lại thường có cái lòng cảm-hoài tưởng-vọng cao-xa hơn nữa, khao-khát muốn cho hết-thảy mọi sự đều được tốt đẹp, được tuyệt-phẩm cả. Bởi có lòng khao-khát như thế, nên hễ làm được sự gì hay, gần được cái cõi hoàn-toàn kia, thời thấy trong mình vui-vẻ khoan-khoái không gì bằng; trái lại, hễ làm sự gì dở, xa-cách cái cõi hoàn-toàn kia, thời thấy trong lòng buồn-rầu và hơi như hồ-thẹn.

Ấy cứ lấy tâm-lý-học mà chứng-minh cho luân-lý-học thời rõ tâm-lý và luân-lý quan-hệ với nhau mật-thiết là dường nào. Trong các khoa-học lấy bản-thân người ta làm đích, thời tâm-lý-học là gốc mà luân-lý-học là ngọn. Nhưng đã biết gốc là thế, ngọn là thế,

lại phải có một phương-pháp thế nào để lợi-dụng cái gốc kia mà gây nên cái ngọn này: phương-pháp ấy là sự giáo-dục vậy. Cho nên luân-lý-học không những có quan-hệ với tâm-lý-học mà lại có quan-hệ với sự giáo-dục nữa, ba khoa ấy thật là liên-lạc với nhau, không thể phân-dời được.

Nhà giáo - dục trước nhất phải thuộc tâm - lý - học, không phải là để cho biết cái cơ - quan trong lòng người mà thôi, cốt là để cho khéo lợi-dụng để đạt tới cái mục-đích của mình. Mục-đích nhà giáo-dục là thế nào? Là gây-dựng cho thành người có nhân - cách hoàn - toàn. Bà NECKER DE SAUSSURE là một nhà giáo-dục có tiếng ở nước Pháp về đầu thế-kỷ thứ 19, đã giải cái mục-đích sự giáo-dục như sau này: « Giáo - dục một đứa con trẻ là dự-bị cho nó có ngày làm trọn được cái chủ-nghĩa một đời nó. » Như vậy thời phải biết cái chủ-nghĩa đời người là gì. Tùy quan-niệm về cái chủ-nghĩa ấy thế nào thời cái phương-châm sự giáo - dục cũng theo đó mà thay đổi. Nay gây - dựng một đứa con trẻ thời nên gây - dựng ra phương-diện nào? Đó là một vấn - đề rất quan-trọng cho sự giáo-dục, vì các năng-lực trong tâm-tính người ta muốn uốn - nắn ra phương - diện nào cũng được. Vả phạm làm sự gì phải biết cái mục-đích thế nào, thời mới biết nên làm ra làm sao.

Cổ - ngữ Âu - châu có câu rằng : « Người ta ai cũng phải biết tô lấy pho tượng của mình. » Phép giáo - dục chính là phép tô tượng đó : tự mình giáo-dục mình là tự tay tô lấy tượng mình ; ông thầy giáo-dục đứa con trẻ là cầm trong tay một cái chất bâu mà phải nặn thành hình, tô thành tượng. Nhưng nặn ra hình gì, tô ra tượng gì, tất-nhiên phải có một cái mẫu ở trước mắt thời mới khỏi sai-lầm vậy. Tâm-

lý-học, giáo-dục-học chẳng qua là dạy cho người ta cái nghề tô tượng, chỉ cho người ta cái chất làm tượng, cùng những phương-pháp nên tô nên nặn thế nào ; nhưng kiểu-mẫu cái tượng thế nào, thời chính là luân-lý-học phải bày rõ ra cho ta biết.

Như vậy thời luân-lý-học, nhất là đối với nhà giáo-dục, quan-trọng biết bao nhiêu ! Luân-lý-học là định cái đích, chỉ cái hướng cho nhà giáo-dục phải theo đó mà thi-thố thời mới mong thành công chánh-dáng được.

Hoặc-giả có người nạn rằng : Luân-lý-học là chủ dạy sự đạo - đức cho người ta ; nhưng mà đạo - đức há là một môn có thể dạy được sao ? Đạo-đức là một sự ở trong tâm-tính người ta, người nào vốn không có tâm - tính ấy thời đọc mấy mươi pho sách dạy luân-lý cũng không sao trở nên người đạo-đức được, cũng như người không có tài nghị-luận thời đọc mấy mươi pho sách về lý-luận-học cũng không sao bàn cho có lẽ được, hay là người không có tài diễn-thuyết thời đọc mấy mươi pho sách về tu - từ - học cũng không trở nên người biện-thuyết giỏi được. Cho nên ông PASCAL đã có câu nói rằng : « Thật luân - lý không cần chi học luân-lý » (*La vraie morale se moque de la morale*), nghĩa là người ta miễn là có lòng ngay dạ thẳng thời là người đạo - đức, chớ có người chuyên - trị về khoa luân - lý - học rất thông - tường mà vị-tất đã có chút đạo - đức nào.

Lời biện - nạn đó không phải là không có lẽ. Có người bàn về các nghĩa-vụ rất sành-sỏi mà tự mình không làm được trọn nghĩa-vụ mình ; thật thế. Người vô - học mà biết làm lành ở tốt, còn hơn kẻ triết-học chỉ biết ngồi không nghị-luận, ngôn bất cố hành ; thật thế. Tuy vậy mà thứ ngẫm-ngĩ cho kỹ thời biết rằng luân-

lý-học không phải là không có ích-lợi cho người đời.

Vấn biết rằng luân-lý-học không thể làm cho người không có bụng tốt thành ra có được, nhưng mà người đã sẵn có bụng tốt tự - nhiên mà lại biết suy - nghĩ nữa, biết hiểu cái lý-do sự hành-vi của mình, biết cái lẽ sở-đĩ làm sao mà việc này tốt, việc kia xấu, việc này nên, việc kia không nên, thời chẳng hơn là người có bụng tốt mà mang-nhiên không biết gì rư? Phạm sự học-vấn bao giờ cũng là hay, huống lại học về cách ăn-ở trên đời thời lại càng hay biết bao nhiêu, vì người ta ở đời còn gì quan-trọng cần phải biết hơn là cái bổn-phận làm người?

Vả lại theo lời nói của ông Guizot : « Cái ánh sáng tự-nhiên nó vẫn hay mập-mờ », nghĩa là không học mà biết thời sự biết ấy không lấy gì làm chắc-chắn cho lắm. Ở đời, lúc bình-thường mà làm được trọn đạo cũng đã khó thay, huống gặp những khi nguy-biến, trong lòng bối-rối, công việc ménh-mang, nếu không có một cái phép-tắc nào để nương-tựa, để noi theo, mà chỉ bằng ở cái lòng đạo-đức tự-nhiên mà thôi, thời cũng khó lòng mà ăn-ở cho nhất - thiết chánh - đáng được. Đã hay rằng người ta ai cũng có cái quan-niệm tự-nhiên về sự nghĩa-vụ : song chẳng qua là biết mang-máng rằng ở đời có việc nên làm, có việc không nên làm ; còn việc gì là việc nên làm, việc gì là việc không nên làm, vì lẽ gì mà nên làm, bởi có gì mà không nên làm, hay là gặp cảnh-ngộ nào là nên làm, vào trường-hợp nào là phải tránh, thời phi người đã có học-thức, đã từng suy-nghĩ, cũng khó mà biết được. Cho nên ông Guizot lại có câu nói rằng : « Ở vào thời-buổi rối-loạn, nhiều khi làm việc nghĩa-vụ không khó bằng

biết việc nghĩa-vụ ở đâu mà làm. » Vậy thời việc nghĩa-vụ có thể học được, đã có thể học được thời tất có thể dạy được. Ấy luân-lý-học có ích-lợi là thế.

Sau này lại còn một lẽ nữa, là cái luân-lý phổ-thông trong xã-hội, cái luân-lý mà người ta từ khi lọt lòng mẹ ra đã nhiễm lấy rồi, cái luân-lý mà những kẻ vô-học thường theo mà không biết, phần nhiều cũng là gốc ở sự suy-nghĩ, sự học-vấn mà ra. Cái luân-lý phổ-thông ấy khác nào như một tấm lương-tâm chung của xã-hội, mà tấm lương-tâm này mỗi thời-đại có khác nhau, khi lên khi xuống, khi thấp khi cao, rút lại cũng là chịu ảnh-hưởng những học-thuyết của các bậc trí-thức suy-tâm nghiên-ngâm mà khởi-xướng ra. Tùy các học-thuyết ấy hay hay-là dở mà cái lương-tâm chung kia tiến hay là thoái, vì nó là một vật rất bất-thường, có khi truy-lạc suy-đổi, có khi thanh-cao phấn-phát. Xét lịch-sử thời cái lương-tâm chung của các xã-hội từ xưa đến nay tiến-hóa cũng đã nhiều, coi như cái tục mãi-nô, nghĩa là tục buôn - bán người ta làm nô-lệ, đời nay ở các nước văn-minh đâu người rất ngu-dốt cũng cho là một tục ác-liệt không thể dung được, vậy mà đời xưa đến những bậc đại-hiền đại-triết cũng cùng với xã-hội công-nhận là một sự thường, xem thế thời đủ biết.

Như vậy thời trong một quốc-dân, một xã-hội nào, muốn cho người ta ăn-ở cho hòa-bình, làm-ăn được thịnh-vượng, há chẳng cần phải truyền-bá những học-thuyết luân-lý hay đề dạy cho người ta biết cái đạo chánh-đáng mà theo rư? Một nước mà thịnh hay suy là do người ta hay hay dở; vậy thời muốn cho nước được phú-cường thịnh-trị phải làm cho cái lương-tâm chung trong xã-hội càng ngày càng tăng-tiến thêm lên. Nay không

nói đến phương-diện xã-hội, cứ lấy cái phương-diện cá-nhân mà xét, người ta đâu học gì cũng có ích, hoặc là có ích cho bản-thân mình, hoặc là có ích cho đường sinh-kế, nhưng trong các sự học, học để làm người, há chẳng phải là cái học thiết-yếu hơn cả rư ? Trên kia đã mượn câu của ông PASCAL để bác luân-lý-học, nay lại mượn câu khác của ông để chứng rằng luân-lý-học là có ích. Ông nói rằng : « Lúc phiền-muộn trong lòng, đâu tôi biết trăm nghìn sự khác mà không biết cái đạo làm người, cũng không thể giải phiền cho tôi được ; nhưng nếu được biết cái đạo làm người mà không biết sự gì ở ngoài nữa, thời như thế cũng đủ làm cho tôi được vui lòng mãi-mãi. »

Ấy cái quan-niệm về luân-lý-học của các học-giả Âu-châu vừa cao-thượng, vừa thiết-thực và vừa quan-hệ cho đời người như thế. Các tiên-nho nước Tàu thường gồm cả tâm-lý-học, luân-lý-học, và chính-trị-học, thần-học, triết-học làm một, cho nên lời bàn có khi viên-vông mà không được xác-tạc. Trong các học-thuyết luân-lý của Tàu, một phần nhiều là bàn về tâm-tinh, mà coi tâm-tinh như một vật hư - linh huyền - diệu, không phải là một cái hiện - tượng có thể kinh-nghiệm mà quan-sát được, như trong khoa tâm-lý của Thái-Tây. Các học-giả Âu-châu thời không thế : các học-giả Âu-châu phân-biệt luân-lý-học với các khoa-học khác thuộc về tinh-thần, như tâm-lý, triết-học, v. v., và định cho luân - lý - học một cái mục-dịch rõ-ràng, một cái phạm-vi nhất-định : phạm-vi ấy là gồm cả các sự ăn-ở của người ta ở đời, mục-dịch ấy là chỉ cho người ta cách ăn-ở thế nào là xứng - đáng, là hợp với cái chủ-

nghĩa làm người ; nói tóm lại thời giải nghĩa luân-lý-học là cái thuật cư - xử ở đời (*la morale est l'art de vivre*). Luân-lý-học đã định-nghĩa rõ-ràng như thế, nên các học-giả không hề vượt ra ngoài phạm-vi, và chỉ chuyên-tâm nghiên - cứu về các điều bản-phận, các việc nghĩa-vụ của người ta, trước là đối với bản-thân mình, sau là đối với gia-tộc, với quốc-gia, với xã-hội, với cả nhân-loại, trình-độ tuy càng lên càng cao, mà gốc cũng là ở sự hành-vi của con người ta cả. Bởi thế nên luân-lý-học của Thái-Tây xét kỹ ra có cái tinh - cách thiết - tha về nhân-sự hơn là luân-lý-học của Tàu. Song tuy thiết về thực - sự mà không phải là không trọng về nguyên-lý, duy lấy nguyên-lý làm gốc cho thực-sự mà thôi. Cho nên luân-lý-học thường chia ra làm hai bộ-phận : một là « thuyết-lý luân - lý » (*morale théorique*), chủ xét các nguyên-lý về sự đạo-đức ; hai là « thực-tiên-luân-lý », chủ về cách ứng-dụng các nguyên-lý ấy ra việc đời.

Cứ thực thời phạm luân-lý-học là thuộc về lý-thuyết cả, vì chẳng qua là định đại - khái những phép - tắc ăn-ở cho người ta, còn sự hành-vi là việc riêng của mỗi người. Nhưng trước nhất phải định rằng người ta ở đời có nghĩa-vụ ; lại phải giải rằng nghĩa-vụ là gì, bản - thể nó thế nào ; lại phải phân-biệt nghĩa-vụ khác sự vui - thú, sự ích-lợi, sự hạnh-phúc thế nào ; nói tóm lại là phải định đại-cương về các nghĩa-vụ ở đời, người ta dù ở vào cảnh-ngộ nào, chuyên về công-việc gì, cũng phải biết ; đó là cái mục - đích riêng của khoa thuyết-lý-luân-lý.

Nhưng những nghĩa-vụ chung ấy lại tùy mỗi cơ-hội, mỗi cảnh-ngộ ở đời, mà khác đi. Mục-dịch của khoa thực-tiên-luân-lý tức là chỉ cho người ta những nghĩa-vụ ấy ứng-dụng ra mỗi cảnh-ngộ, mỗi cơ-hội thế nào, nghĩa là dạy cho

người ta gặp mỗi khi ở đời phải ăn-ở ra thế nào. Nói tóm lại thời thuyết-lý-luân-lý là nói chung về nghĩa-vụ làm người, mà thực-tiễn-luân-lý là nói riêng về từng nghĩa-vụ một. Bởi thế nên có chia nghĩa-vụ ra làm nhiều hạng.

Trước nhất hẳn lấy người ta đứng đơn-độc một mình, cũng có nghĩa-vụ với mình (đó tức gọi là bản-thân-luân-lý); rồi lấy người ta đứng giữa trong vạn-vật, cũng có nghĩa-vụ với các loài ở quanh mình, nhất là những giống động-vật có ích-lợi cho mình; sau đến người ta đứng trong xã-hội là nơi trường-sở chân-chính của mình, phải có nghĩa-vụ đối với các kẻ đồng-loại mình (tức gọi là xã-hội-luân-lý) là phần quan-trọng đệ-nhất trong luân-lý-học; song đó là những nghĩa-vụ chung với mọi người trong cái xã-hội lớn của nhân-loại; ngoài cái xã-hội lớn ấy lại còn những xã-hội nhỏ, tức là những đoàn-thể như gia-tộc (gia-tộc luân-lý), quốc-gia (công-dân luân-lý), vạn-quốc là gồm cả các quốc-gia (quốc-tế luân-lý hay là vạn-quốc công-pháp), trong mỗi đoàn-thể ấy người ta đều có những nghĩa-vụ riêng. Sau hết thời đến tôn-giáo-luân-lý, dạy về nghĩa-vụ người ta đối với cái Đệ-nhất Nguyên-lý (*la Cause première*) trong vũ-trụ, cái đệ-nhất nguyên-lý này tùy mỗi đạo-giáo có khác nhau, hoặc gọi là Thái-Cực, Thái-Huyền, hoặc gọi là Thiên-Đế, Thiên-Chúa, khi thì coi là một cái lý-tưởng hồn-nhiên, thuần-nhiên, khi thời coi như một đấng hoàn-toàn tuyệt-đích, làm mô-phạm cho loài người.

Nay luân-lý-học muốn nghiên-cứu bấy nhiêu vấn-đề thời phải dùng phương-pháp gì? Luân-lý-học là thuộc về hạng khoa-học nào? Có phải là một khoa-học suy-diễn chứng-

giải không (*science déductive et démonstrative*)? Có mà không. — Có là lấy cái nghĩa rằng sự nghĩa-vụ cũng có cái tính đich-xác như trong số-học. Nghĩa-vụ đã truyền phải làm gì thời là truyền một cách hoàn-toàn tuyệt-đích, cho nên hễ phép-tắc đã định rồi, thời cứ việc suy đẩy mà luận ra, nghĩa-vụ đã định rồi thời cứ việc suy đẩy mà làm ra, không còn phải hỏi nên chầm-chước thế nào nữa. Nhưng đó là nghĩa-vụ đã định rõ-ràng rồi thời mới suy-diễn được đich-xác như thế. Đang khi còn phải tìm nghĩa-vụ ở đâu thời không thể dùng phép suy-diễn được. Chỗ khởi-điểm tất là phải ở trong sự-thực: muốn trừu-tượng lấy cái quan-niệm thuần-tuy chân-chính về nghĩa-vụ thời phải dùng phép qui-nạp, (*méthode inductive*) phải do sự kinh-nghiệm trong tâm-lý, do sự hành-vi của người ta, rồi noi cao mãi lên mà trực-giác trông-tượng ra một cái lẽ hoàn-toàn tận-thiện, tức là nghĩa-vụ vậy.

Trong việc qui-nạp trừu-tượng đó, bao nhiêu năng-lực trong tinh-thần người ta đều hoạt-động cả. Theo khoa lý-luận-học thời người ta phàm nghiên-cứu sự gì, muốn tìm lấy chân-lý, muốn chứng ra sự thực, phải có thành-tâm, phải biết tin mình, tin ở lẽ phải mới được. Đối với luân-lý-học, sự thành-tin đó lại càng cần lắm. Ông PLATON là nhà đại-triết-học nước Hi-lạp đời xưa đã có câu nói rằng: « Muốn học triết-lý phải đem cả tâm-trí mà học mới được ». Muốn học luân-lý cũng vậy, không thể lấy bụng hoài-nghi mà học được, vì những điều đạo-lý là những điều như lời ông PASCAL đã nói « phải có lòng yêu-mến thời mới thấu-hiểu được. » Lại một nhà làm sách đời nay có câu nói rằng: « Người ta có quyết chí ăn-ở theo phép-tắc thời mới tìm thấy phép-tắc mà theo; muốn tìm được sự thực

phải tìm lấy điều lành trước đã. » Lại nói rằng : « Hễ người ta có lòng chân-chính thời tất tìm thấy lẽ phải ; không có trí-tuệ soi - sáng thời lòng chính-trực có khi sai-lạc, nhưng mà không có lòng chính-trực thời trí-tuệ cũng chẳng phát-minh được gì »

Nói tóm lại thời luân-lý-học tuy không có cái tinh đích-xác như số-học hay là các khoa thực-học khác, tuy không thể lấy sự thí-nghiệm mà chứng-giải được, nhưng cũng có một lẽ phải

tất-nhiên ; muốn cảm-giác, muốn thấu-hiểu cái lẽ phải ấy, thời phải có lòng thành-tín, mà phải đem cả tâm-tư mà khuynh-hướng vào thời nó mới biểu-lộ ra. Chi mình đã quyết theo, lòng mình đã hăm-mộ, thời tự-khắc nó xuất-hiện ra rõ-ràng, nó đã xuất-hiện ra thời nó có cái sức rất mạnh, không có cái chân-lý, không có sự kinh-nghiệm của khoa-học nào sánh tầy.

(Còn nữa)

THƯỢNG-CHI.

## MỘT CÁI THƯƠNG CHO BÁO-GIỚI BẮC-KỲ

Báo-giới quốc-văn ở Bắc-kỳ nới phải một cái thương : ông cử PHAN KẾ-BÌNH, biệt hiệu BƯU-VĂN, là trợ-bút báo *Trung-Bắc-tân-văn* mới tạ-thế ngày 30 tháng 5 tây năm 1921 ở nguyên-quán ông là làng Thụy-khuê, thuộc huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-dông, gần thành-phố Hà-nội, thọ 46 tuổi. Ông PHAN là một tay kỳ-cựu trong báo-giới, đặt mình vào trường ngôn-luận trước sau mười-bốn mươi năm trời. Văn-chương tài-học của ông thế nào, những bậc tri-thức trong quốc-dân ta chắc đã biết cả ; ngày nay cứ đỡ những tập *Dũng-cổ lung-báo*, *Đông-dương tạp-chí*, *Trung-Bắc tân-văn* cũ, thời thấy không có tuần nào là không có tên ông trên báo. Nhưng cái công dịch-thuật trước-tác của ông, trụ-trung có giá-trị nhất là tập *Nam-hải dị-nhân*, hiện Chính-phủ đã có nghị-định đặt làm giáo-khoa-thư ở các trường trung-học, tập *Hưng-đạo đại-vương*, hai quyển ấy đã in thành sách ; còn tập *Việt-Nam phong-tục* và *Việt-Hán văn-khảo* đã đăng trong *Đông-dương tạp-chí* năm xưa mà chưa từng in riêng ra sách. Nên ước-ao rằng báo-quán *Trung-Bắc tân-văn*, sẽ đem in mà xuất-bản hai quyển ấy, thời chắc quốc-dân sẵn lòng hoan-nghênh, vì là những sách đứng-dẫn, có giá-trị, không giống những tập thơ-văn mới xuất-bản gần đây.

Ông cử PHAN thật là một bậc chân-nho, tài-học đã cao mà đức-bạt-hại lại tốt, chẳng may mất sớm, ai biết tiếng biết người cũng phải ngậm-ngùi thương-tiếc ; thật là một sự thiệt-thòi to cho làng văn quốc-ngữ ta mới nhóm thành. Hôm đưa đám ông, ngày mồng 1 tháng sáu tây, bản-chí chủ-bút có đọc bài viếng như sau này để tỏ lòng thương-tiếc của đồng-nhân đối với ông cử PHAN KẾ-BÌNH :

« Thưa các Ngài,

• Hôm nay chúng ta đèn đây đưa linh-cữu ông cử Phan Kế-Bình ra huyệt, tôi xin phép các ngài đọc mây lời kính viếng vong-linh ông cử Phan.

«Tuy đương lúc buồn-rầu này, một tiếng thở dài thương tiếc, vài hàng nước-mắt chứa-chan, còn bằngmây mười bài diễn-thuyết, song một người tài-học đức-hạnh như ông, bình-sinh đã từng cúc-cung tận-tụy với xã-hội, đem ngọn bút tâm-huyết mà cảnh-tình cho kẻ đồng-bào, đèn khi từ-biệt cõi trần-gian để vào trong giấc ngủ vô-cùng, những người ở lại, mong nôi nghiệp ông, cũng phải giải-lò chút nhớ thương, để gọi là biểu-dương cái tài-đức một kẻ đàn anh đi trước, phô bày cái gương tốt cho người hậu-tiên noi theo.

«Ông cử Phan vận sinh-trưởng trong nho-học, lại gặp phải buổi nho-học thất-dụng với đời. Như người ta ra, thời dễ sinh lòng chán-nản, hoặc là mang cái tư-tưởng ần-độn, hoặc là làm ra giảng-bộ công-cuồng. Hai cái thái-độ ấy đều không hợp với tính-cách ông là người siêng-cần cẩn-thận. Hối bấy giờ giữa là lúc ông Nguyễn Văn-Vĩnh mới ra khai-trương nghề làm báo và trước-thuật bằng quốc-văn ở Bắc-kỳ. Một người tân-học, một người cựu-học, không hẹn mà gặp nhau, khác tính mà tri-ngộ. Ông Nguyễn mới xưng ra cái chủ-nghĩa “ vận-mệnh nước Nam ta sau này hay dở thế nào là ở chữ quốc-ngữ”, chủ-nghĩa ấy bây giờ chắc còn chưa được mấy người hiểu rõ. Nhưng ông Phan là người trầm-mặc, hay biết nghĩ xa, chắc trong bụng đã dự-liệu mà hiểu rằng cái phương-châm thời-thê mới là ở đó, không phải tìm đâu xa. Từ bấy đến nay, ông với ông Nguyễn không hề dờn nhau, hai người như làm lẩn lút lẩn cho nhau, mà cùng ra tay gây-dựng cái nền văn mới cho nước nhà. Sự-nghiệp làm báo của ông, trước ở *Đông-cổ tùng-báo*, sau đến *Đông-dương tạp-chí*, rồi tới *Trung-Bắc tân-văn* và *Học-báo* ngày nay thế nào, đã có các ngài trong Trung-bắc báo-quán tự-thuật, chắc được tường hơn. Tôi nay chỉ xin tỏ lòng kính phục ông là một bậc đàn anh đã có công to với quốc-văn trong buổi gây-dựng này.

«Tây-nho có câu rằng: «Văn tức là người», nghĩa là người sao văn vậy văn là cái hình-ảnh chân-chính của tâm-tính người ta. Ông cử Phan làm người thế nào, cách giao-tiếp, cách xử-sự thế nào, xin để các ngài đồng-sự với ông trong báo-quán Trung-Bắc nói mới đích-dáng. Nay cứ đọc văn ông cũng đủ hiểu được nhân-cách ông thế nào. Văn ông thứ nhất là có cái vẻ thuần-túy. Đương buổi quốc-văn mới nhóm thành, chưa có phương-châm nhất-định, nhà làm văn để hay múa-may ngọn bút mà viết ra những lời chềch-lệch chông-chênh, giữ cho được cái vẻ thuần-túy đó, thật cũng khó thay!

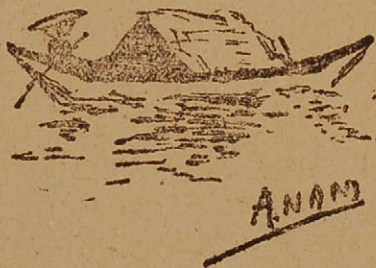
Nhưng văn-chương ông sở-dĩ thuận-túy cũng là bởi tính-cách ông là người thuận-túy. Ôi! ở vào buổi đời này, mới cũ giao nhau, Á Âu xung-đột, không những lời ăn tiếng nói thường có giọng chông-chênh, mà tư-cách người ta cũng không khỏi bác-tạp. Mà người đã đem thân ra tri-trực với đời mà trọn đời giữ được vẹn cái nhân-cách thanh-cao? Ông cử Phan thật là một người như thế. Ông đã tầm-nhuần cái đạo-học của Khổng Mạnh, ông lại biết đem cái đạo-học ấy mà ứng-dụng ra đời, nhưng ứng-dụng ra một cách ôn-hòa uyển-chuyển, không có khăng-khăng ra mặt thủ-cự, cũng không có xuần-xuần mà cô theo thời, nhất-thiết lấy cái đạo *trung-dung* của thánh-hiền làm tiêu-chuẩn. Ở một thời-đại cái gì cũng có ý thiên về thái-quá mà biết lấy hai chữ *trung-dung* làm đạo tu-thân, làm phương xử-thê, há chẳng phải là cái tâm-thuật một người đạt-nhân quân-tử rư?

«Than ôi! nước nhà đương buổi nhu-tài, mà một người có tài-học, lại có đức-hạnh, không được sống lâu để làm việc công-ích, thật cũng đáng tiếc thay! Nhưng mà người mà tiếng còn, những lời tâm-huyết cũng còn đó, đi đâu. Sau này, ngày qua tháng lại, cách mấy mươi năm, những hàng con em ta, tay cầm quyền *Nam-hải-dị-nhân*, nhờ đó mà được biết sự-nghiệp các bậc anh-hùng, hào-kiệt, chí-sĩ, cao-nhân của nước nhà, tất cũng nhớ đến tên người đã có công biên-tập ra sách ấy là ông cử Phan Khê-Bính vậy. Còn bọn ta đã được quen biết ông, đã được đọc văn ông, thì chắc không bao giờ quên được nữa.

«Ông cử Phan ôi! chúng tôi thương ông, chúng tôi tiếc ông, thương tiếc ông là người có đức có tài. Linh-hồn ông dù lên chôn thiên-đường hay vào nơi cực-lạc, chắc cũng không quên cái sự-nghiệp lúc sinh-thời, và sẽ ra công phủ-hộ cho quốc-văn ta ngày một tân-tới, như vậy thì dù thác cũng như còn.

«Sau này xin có lời chia buồn cùng quý-quyền và các ngài trong báo-quán *Trung-Bắc-tân-văn*. »

N. - P.



# VĂN-MINH ÂU Á KHÁC NHAU THẾ NÀO

## ĐỘNG-VĂN-MINH VÀ TĨNH-VĂN-MINH

Ít lâu nay, người nước ta đang xu-hướng Âu-phong mỗi ngày một thịnh : lớn từ việc chính-trị, pháp-luật, học-thuật, nhỏ cho đến việc cư - xử ăn-mặc, nam-nữ giao-tế, chỉ lo cải-cách không mau, bộ-vũ không hết. Vô-luận những sự phù-hư hủ-bại cũng nên sửa đổi đã đành, còn bao nhiêu phong-hóa di-truyền, đạo-đức vốn có từ mấy nghìn năm đến giờ, để làm cơ-sở dựng thành một nước bán-khai, cũng toan ruồng-rẫy đi cho hết. Thậm chí đến nỗi có người từ xưa vốn giữ cái chủ-nghĩa bảo-tồn quốc-túy, đến nay cũng xoay ra xu-hướng phong - trào. Song từ khi hai cái văn-minh mới cũ xung-đột cùng nhau, trong gia - đình đã nghe có tiếng phàn-nàn : « ân-tình lạnh-nhạt, lễ-nghĩa đảo-diễn » ; trong xã-hội đã thấy có lời bình-nghị : « dân-trị càng phát-đạt, sinh-kế càng khó-khăn, tập-tục càng kiêu-sa, tội ác càng thâm-trọng. » Lại đến ngày phát-sinh ra cái họa Âu-chiến, ảnh-hưởng nào-động đến cả hoàn-cầu, thấy các nước văn-minh đem khoa - học chế ra lợi-khi, để tàn-sát đồng-loại, tình thương trạng thâm trong lịch-sử Á-đông chưa hề có thấy, cò-kim thế-giới chưa hề có nghe, bấy giờ ai nấy bàng-khuàng, tấm lòng sùng-bái lại sinh ra cảnh-trọng hoài-nghi, không còn lấy đạo-lý công - nghiệp nào đủ làm bằng - có cho người ta tin cậy được.

Vậy sự khảo-sát giá-trị hai cái văn-minh mới cũ, cái nào là chân, cái nào là nguy, tính-chất hai cái xã-hội Âu-Á, điều gì là dị, điều gì là đồng, cũng là cái vấn-đề trọng-yếu cho chúng ta ngày nay lắm. Nhân đọc *Đông-phương tạp-chí* có bài « Động-văn-minh và tĩnh-văn-minh », lược dịch mấy đoạn như sau này, để làm vật - liệu cho

chúng ta thâm - phán.

Văn-minh là vật sinh-sản của xã-hội. Xã-hội sinh ra văn-minh, cũng như thổ-địa sinh ra cây cỏ, Mọi loài cây cỏ tùy tinh-chất thổ-địa mà có khác, thì văn-minh các nước cũng phải tùy tinh-chất xã-hội mà có khác. Xét trong lịch-sử Âu-Á, xã-hội thành-lập có hai điều trọng-yếu khác nhau :

1<sup>o</sup> Một là xã-hội Âu-châu bởi nhiều dân-tộc khác nhau hội-hợp mà thành-lập. Như dân Hi-lạp (Grecs), Lạp-đinh (Latins), Nhật-nhĩ-man (Germaines), Tư-lạp-phu (Slaves), Do-thái (Juifs), Mã-kì - đốn (Macédoniens), Hung - nô (Huns), Ba-tr (Perses), Thổ-nhĩ - ki (Turcs), đều tự Á thiên vào ở Âu, cùng nhau tranh-đấu trước sau hơn mấy trăm năm, cho đến việc Âu-chiến ngày nay vẫn còn là dân-tộc tranh-chiến. Xã-hội Á-đông như Mông 蒙, Mãn 滿, Hồi 回, Tạng 藏, Hán 漢, cùng các Miêu-tộc 苗 ở Nam-phương, tiếng nói phong-tục có khác nhau mà diện-mạo nước da như một, hỗn - hợp đã lâu thành ra đồng-hóa, tựu-trung những lúc Nam-bắc phân-tranh, quân hùng cạnh-trục, cũng có xảy ra những phen tranh-chiến, chẳng qua là đấu hưng vong một họ một triều trong thời-kỳ ngắn-ngắn, bộ - phận nho - nhỏ, thật không phải là dân-tộc cạnh-tranh. Còn như việc chinh-phạt tứ-phương cũng là để tỏ uy-đức đế-vương mà giữ cho yên nơi biên -鄙. Không phải là chủ-nghĩa xâm-lược.

2<sup>o</sup> Hai là xã-hội Âu - châu phát-đạt ở các hải-khẩu hải-đảo, các nước giao-thông tiện-lợi ở đường buôn-bán. Của xứ này thiên sang xứ khác, tranh khôn

trục lợi cho nên việc tranh-cạnh lại càng góm-ghê. Xã-hội Á-đông phát-đạt ở giữa hai đại-lực, bên giang-hà, thổ-địa tốt, sản-lợi nhiều, tiện-lợi ở đường nông-tang; nhân-dân đều an-cư lạc-nghiệp, cho nên việc cạnh-tranh cũng ít.

Hai cái xã-hội thành-lập đã khác nhau như thế, cho nên cái quan-niệm nhân-dân đối với xã-hội cũng có khác nhau. Người Âu-châu lấy cạnh-tranh làm sinh-tồn, lấy tri-lực để duy-trì xã-hội. Nếu không đủ sức đối-kháng, tức là không có tư-cách sinh-tồn. Người Á-đông lấy an-phận làm sinh-tồn, lấy trưng-an làm duy-trì xã-hội. Nếu hay sinh sự nhiễu-hại, tức là không có tư-cách sinh-tồn. Vì người ta bảo nhất-thiết mọi loài là tự trời sinh ra cả, trời đã sinh ra loài người, tất đã phú-dữ cho người ta đủ thông-minh tài-lực mà mưu sinh-tồn. Như câu nói: « *Thiên bất sinh vô-lộc chi nhân* » (天不生無祿之人). Ấy là minh-chứng cái ý-nghĩa: người ta sinh ra bởi tự-nhiên.

Tư-cách hai cái xã-hội khác nhau, một là cạnh-tranh xã-hội, một là tự-nhiên xã-hội, thì sinh ra sự-nghiệp văn-minh tự-nhiên có nhiều điều sai-dị; nay lược thuật mấy mối như sau này:

a) Người Âu-châu lấy mọi sự thiên-nhiên là ác, phải có sức người kinh-doanh sửa trị mới là tận-thiện. Người Á-đông lấy mọi sự nhân-vi là ác, phải biết tuân thiên-lý, thuận thiên-mệnh mới là tận-thiện.

b) Cách sinh-hoạt của người Âu-châu thường thường hướng-ngoại, nghĩa là mỗi người trong xã-hội phải biết ra ngoài mà kiếm ăn, phải đua tri đua sức, cầu tinh cầu công, kẻ này đối với người khác mà sinh quan-hệ; nhất-thiết văn-minh trong xã-hội cũng bởi tranh-cạnh mà ra. Cách sinh-hoạt của

người Á-đông thường thường hướng-nội, nghĩa là mỗi người trong xã-hội phải hết sức mình mà kiếm ăn, phải cần-lao tiết-kiệm, thủ-phận an-thường, người này đối với người khác đều không xâm-hại nhau; nhất-thiết văn-minh trong xã-hội đều bởi hòa-bình mà ra.

c) Trong một xã-hội Âu-châu có nhiều đoàn-thể: như các địa-phương, các giai-cấp, các quốc-gia, các dân-tộc, đều kết thành đoàn-thể mà nhân-cách cũng khác nhau. Đoàn-thể nào cứ giữ lấy nghĩa-vụ và quyền-lợi của đoàn-thể ấy làm chủ; vì cá-nhân tranh-cạnh không được thắng-lợi bằng công-đồng tranh-cạnh, cho nên kết-cục đoàn-thể cũng là để tranh-cạnh đối-đãi cùng nhau. Trong một xã-hội Á-đông không có đoàn-thể, gọi là thành-chấn địa-phương, chẳng qua nhân địa-lý mà đặt tên, gọi là tỉnh, phủ, huyện, xã, cũng là nhân phép cai-trị mà khu-hoạch, cho đến nước này nước khác cũng là cương-vực phong-kiến của các vương-hầu đời trước. Ngoài nước là thiên-hạ, gọi là Man, Di, Nhung, Địch, cũng là dòng-dõi các đế-vương đời xưa. Đất ở có chỗ gần chỗ xa, phong-tục có nơi văn nơi chất; theo lễ trung-thổ thì gọi là « Hạ », trái lễ trung-thổ thì gọi là « Di ». Các đấng vương-giả chưa hề có phân nội ngoại, biệt chủng-tộc. Cứ lấy tự mình làm gốc, suy ra họ-hàng, ra bạn hữu, ra hương-đảng, ra nước nhà, ra thiên-hạ, ra nhân-loại, ra thứ-vật, tự thân đến sơ, từ gần đến xa, không sai-đăng cho nên cũng không xung-đột.

d) Xã-hội Âu-châu đã lấy cạnh-tranh làm điều trọng-yếu trong đạo sinh-tồn, cho nên coi thắng-lợi hơn là đạo-đức. Mà đạo-đức cũng là cái để duy-trì lấy thắng-lợi. Những điều đã qui-định để làm tiêu-chuẩn cho người trong lúc giao-tế cùng nhau, gọi là đạo-đức, cho nên

đạo-đức hay chú - ý ở công - đức, mà giữ lấy tư-do cho cá-nhân. Phạm mưu-đồ ích - lợi cho mình, khôi - trọng quyền-lợi cho mình, hưởng-thụ tài-sản của mình, đều là nghĩa chính-dáng trong đạo-đức. Xã-hội Á-đông lấy trong nghĩa khinh lợi làm cao-thượng, lấy điều thắng-lợi có phương-hại đến đạo-đức. Cho nên những nhà giáo-dục chỉ nói nhân-nghĩa, ít nói đến chữ lợi. Lấy vô - tranh vô - cạnh làm cao-thượng, lấy thanh - tâm quả - dục mà tu-thân : phạm những việc mưu-đồ ích-lợi, tranh - chiếm quyền - lợi, hưởng-thụ sa-sĩ tài-sản của mình, đều là sự không dung trong đạo-đức.

e) Xã-hội Âu-châu không lúc nào không ở trong tranh - chiến. Những lúc hòa-bình cũng là cái thời-kỳ nghỉ-ngơi sau khi tranh-chiến, hay là thời-kỳ dự-bị tranh-chiến. Tranh-chiến là thường mà hòa-bình là biến. Xã - hội Á-đông thời lo tránh cho khỏi tranh-chiến. Có khi nhân đất ít người nhiều, sinh-kế bức-bách, tránh không thể tránh cũng có sinh ra tranh - đoạt nhiều-loạn. Song tranh-chiến cũng là để khôi-phục hòa-bình, hòa-bình là thường mà tranh-chiến là biến. Cứ trên lịch-sử mà xem, xã-hội Âu-châu là xã-hội « sinh-tồn cạnh-tranh », xã-hội Á-đông là xã-hội « nhất trị nhất loạn ».

Những điều đã thuật bên trên là lấy hiện-trạng hai cái xã-hội kết-quả khác nhau là thế : một bên chủ tranh-cạnh, một bên chủ tự-nhiên. Nói tóm lại thì xã-hội Âu-châu là xã-hội chủ *động*, xã-hội Á-đông là xã-hội chủ *tĩnh*. Chủ động cho nên phát-sinh ra những sự-nghiệp văn-minh hoạt-động, chủ tĩnh cho nên phát-sinh ra những sự-nghiệp văn-minh bình-tĩnh.

« Động-văn-minh » và « tĩnh-văn-minh » đều có cảnh - thú đặc - biệt : động-văn-minh như cảnh thành - thị,

có thú phiến-hoa ; tĩnh-văn-minh như cảnh điền-viên, có thú đạm-bạc.

Người Đông-Á mà mộ cái văn-minh Âu - châu, cũng như nông - phu mục-đồng mới ra kẻ-chợ, mới thấy xe ngựa dập-diu, hàng-hóa đầy giầy, gái trai tuấn-tú, ăn ở hào-hoa, làm cho rối-loạn tai-mắt, mê-mẩn tâm-thần, tưởng mình được sinh-trưởng ở đó, thì nhất-sinh khoái - lạc là dường nào. Biết đâu ở chốn thành-thị, lại không có người dang đình tai lộng óc trong trường cướp lợi tranh danh, có người đang thối ruột nát gan giữa lúc vào sinh ra tử.

Người Âu-châu đối với cái văn-minh Đông-Á, chưa chắc có cùng một cái quan-cảm ấy. Song xem những lời ký-thuật của người du-lịch trong mấy tỉnh Điền-Thục (滇蜀), thường tương-tiếp với xã-hội tối-cựu ở Trung-hoa, có nói rằng : « Văn-minh Âu-Mĩ khiến cho người ta tạo-nhiều cả ngày, không được một lúc nào nghỉ-ngơi. Muốn đem cái phong - vị chân-thật chất-phác của Á-đông mà chữa cái bệnh nhiệt chung cho người Âu-Mĩ. » Ấy là lời mình - chứng người thành-thị lại mộ thú điền-viên.

Lấy hiệu-quả văn-minh hai cái xã-hội khác nhau mà luận : Người trong xã-hội động-văn-minh có tính - chất mạo-hiêm dũng - cảm, hay ra ngoài mà sinh-nhai, vì thế mà đường sinh-hoạt ngày được phong-phú ; người trong xã-hội tĩnh-văn-minh có tính-chất cần-kiệm bảo-thủ, không hay ra đến ngoài, vì thế mà sinh-nhai ngày một nghèo-sèn. Người hay hoạt-động, thân-tâm đã lao-lục, lại được sinh-hoạt phong - hậu để đền lại ; người hay điềm - tĩnh, sinh - nhai nghèo-sèn, lại được thân - tâm an - nhàn để đền lại. Cũng là cái cơ tạo-hóa thừa - trừ.

Vả sự doanh-dưỡng của người ta, cũng tùy cảnh-ngộ mà định phong-sắc : người hoạt-động lắm, thì đường phi-dụng tất phải nhiều ; người hoạt-động ít thì phi-dụng cũng ít. Hiện nay người Âu-châu giàu có gấp mấy người Đông-Á, lấy của cấp-dưỡng của mười người giàu ở Á-đông chưa đủ cung-cấp cho một người Âu-châu. Người Âu-châu được giàu - thịnh như thế cũng là vì những chính-sách hạn-chế nhân-khẩu, không cho bành-trướng ra nhiều ; vả hay có chiến-tranh tàn-sát lẫn nhau, cũng giảm bớt nhân-khẩu. Hiện nay lấy nhân-khẩu và tài-sản mà so-sánh thời Âu Á khác nhau xa lắm. Nếu lấy người Âu ở vào cảnh-ngộ người Á chỉ trong trăm năm, nhân-khẩu tất mười lần nhiều hơn. Bấy giờ đem nhân-khẩu với tài-sản ra mà so-sánh, người Âu cũng như người Á hiện-thời mà thôi.

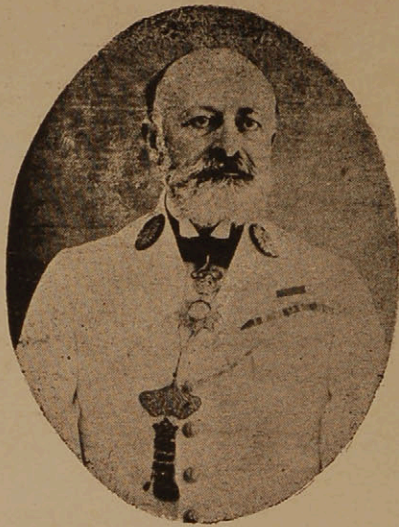
Nhà xã-hội-học có nói rằng : « Lấy sức người mà nói : người Âu mười mà người Á có một ; lấy số người mà nói thì người Âu mười mà người Á trăm. »

Nhà phong-thủy ở Trung-quốc cũng có nói : « Đinh đa tài thiếu, tài vượng đinh suy, 丁多財少財旺丁衰 », cũng là nghĩa ấy.

Người Âu-châu nên giàu mạnh lại là nhờ sức kinh-doanh, hay lấy nhân-lực kháng-đối với thiên-hành, phạm những điều tât-khổ vì trời làm cho người phải chịu đều lấy sức người mà trừ cho hết, tránh cho khỏi. Người Đông-Á đã chịu diên-nguy thống-khổ trong những lúc cơ-cận tât-dịch, còn lúc bình-thời số nhiều nhân-dân vẫn phải lấy thân-chống với đói rét đau ốm. Tuy - nhiên người Âu - châu đã giảm được cái thống-khổ thiên-nhiên, lại chịu nhiều cái thống-khổ nhân - tạo. Trong những lúc chiến-tranh vì tôn - giáo, vì chính - trị, vì

chủng-tộc, cái thảm-độc binh-đạo lại càng kịch-liệt hơn là thủy - hoả tât-dịch. Trong lịch-sử Á - đông cũng có lúc xảy ra loạn-lạc tranh-chiến, hoặc bởi cơ-cận hung-hoang mà sinh ra đạo-tặc, trong một thời-kỳ rất ngắn, hoặc bởi chính-quyền thay đổi, anh-hùng đua - tranh, trong một bộ-phận rất nhỏ, thực chưa hề có quan-hệ đến tôn-giáo, dân-tộc, hay chính - thể. Từ như vừa rồi Trung-quốc ba lần cách-mệnh mà số hi-sinh trong trường chiến-đấu chưa bằng một trận Âu-chiến. Có người nói : « Người Á-đông có tính ần-nhẫn, không hay chiến-đấu », kỳ-thực là vì người cùng của ít, cả đời chống đỡ với cái thống-khổ thiên-nhiên còn chưa xong, còn sức nào mà chịu thêm cái thống-khổ nhân-tạo. Có người đã kinh - nghiệm rằng những năm được mùa, người làng sẵn tiền hay chơi cờ-bạc, có người phải bán ruộng bán nhà, sinh ra lường-đảo trộm - cướp mà trong làng tao-nhiều không yên. Gặp năm mất mùa, người làng thiếu ăn, đều phải chăm cây chăm cuốc, nhân thể mà trong làng lại được yên-ôn. Kỳ thay tính loài người, lúc tránh được cái thống-khổ thiên-nhiên, lại gặp ra cái thống-khổ nhân-tạo !

Nói tóm lại : kết-quả hai cái văn-minh đều có lưu-tệ. Sinh-lý trong xã-hội không khác gì sinh-lý trong nhân-thân : những người hiếu-động, khí-huyết sung-túc dễ sinh ra thiên-thắng, hay mắc chứng huyết - sung. Những người trầm-tĩnh, khí-huyết hòa-bình, dễ sinh ra suy-nhược, hay mắc chứng huyết-hư. Huyết-hư là bởi đồ doanh-dưỡng không đủ, huyết-bạo không được đỡ, huyết-dịch không được trong, những nắm nhỏ lẫn vào mà sinh ra hư-lao, hay là loa-liệch. Bệnh-trạng xã-hội « tỉnh văn-minh », tức là bệnh-trạng huyết - hư. Huyết-sung là đồ doanh-dưỡng thái - quá, ngưng - trệ trong



**Quan cai-trị hạng nhất Blanchard de la Brosse,**

**Đồng-lý phủ Khâm-sứ ở Huế.**

Quan Đồng-lý DE LA BROSSÉ nguyên trước là chánh tòa giao-thiệp với các báo-quân, rồi làm trưởng tòa Chánh-trị ở phủ Toàn - quyền. Trước nữa thời làm chánh chủ-bút tạp-chí REVUE INDOCHINOISE, ngài cũng là một tay văn-học vậy. Hồi nước Xiêm nhượng cho Đông-Pháp mấy hạt Battambang và Siamréap, ngài có theo quan Toàn quyền BEAU sang kinh-lược nơi địa-giới nước Xiêm, khi về làm một bài kỹ-thuật văn-chương hay lắm, đã nổi tiếng trong làng văn Đông-Pháp hồi bấy giờ. Gần đây thời ngài về nghỉ bên Đại-Pháp, nhân được quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng SARBAUT cử làm phó văn-phòng cho ngài. Đang ở chức ấy thời ngài được quan Khâm-sứ PASQUIER mới sang làm Đồng-lý phủ Khâm-sứ ở Huế. Quan DE LA BROSSÉ lại là bạn thân với quan Phó Toàn-quyền ROBIN và quan Cai-trị LACOMBE hiện làm trưởng tòa chánh trị ở phủ Toàn-quyền; coi đó thời biết ngài là người giao-thiệp rộng và lại đồng một chánh-kiến với các bậc yếu-nhân trong Chánh-phủ Đông-Pháp bây giờ.

N. - P.

tràng-vị, phát ra hơi men, hút vào mạch máu, mà sinh độc, hay sưng gan sưng dạ, hoặc phát ra ung-thư. Chứng-trạng xã-hội động-văn - minh tức là chứng-trạng huyết-sung.

Ngày nay Âu-Á đã giao-thông, văn-minh hai cái xã-hội ngày càng tiếp-cận ; thế-tất điều-hòa hỗn-hợp, như hai giòng nước đã chảy thông vào một chỗ cao chỗ thấp phải cho bằng mới thôi. Lấy thực - sự mà xem : Người Âu - châu lấy sức tranh - cạnh hoạt-dộng, đã đem biết bao nhiêu là tư-bản để mở-mang sự-nghiệp, khai-thác lợi-nguyên ở bên Á-đông. Người Á-đông cũng lấy sức cần-mẫn khắc-khở, đã cùng-cấp biết bao nhiêu là vật-sản để ứng-dụng cho người Âu-châu. Người Âu-châu lấy khoa-học đã chế ra biết bao nhiêu là cơ-khí, để mở-mang công - nghệ cho người Á-đông. Người Á-đông cũng lấy tư-chất tinh-mẫn nhẫn-nhục đã có biết bao nhiêu người làm công trong các công-xưởng cho người Âu - châu.

Đây là nói vật-chất-văn-minh, hai cái xã-hội đã giao-thông với nhau mà đều được ích-lợi ; đến như tinh-thần-văn-minh lại càng hiền - minh lắm : Những học - thuyết Âu - châu như « thiên-phú nhân-quyền », « vật cạnh thiên trạch » (天賦人權, 物競天擇) truyền-bá sang Á-đông, đã mau như gió đi, mạnh như nước chảy, trên từ việc chính-trị của quốc-gia, dưới cho đến việc giao - tế trong xã - hội, đều có biến - thiên, cơ không còn một sự gì là không chịu cái ảnh - hưởng những học - thuyết ấy. Từ mấy năm về trước, các nước Âu-châu cũng đang khảo-cứu học-thuật bên Đông - phương. Các nhà lịch-đu, nhà văn-hào nước Nga, nước Pháp, nước Đức đã có nhiều nhà trước-tác, có ý tôn-sùng Khổng-giáo, lấy nhân-nghĩa làm chân-chính, lấy vũ-lực làm

hiềm-ngheo. An-trị sau này xã-hội Âu-châu không chịu ảnh-hưởng mà biến-hóa tinh-chất ?

Chúng ta ngày nay gặp lúc giao-thời, hai cái văn-minh đang xúc-tiếp với nhau ; ta không nên trái nghịch với trào-lưu hiện-thời, mà ta cũng không nên yếm-khí cái phong-hóa cựu-thời ; trong lúc xu-hướng phong-trào cũng phải bảo-tồn quốc-túy. Phạm xã-hội nào cũng phải lấy an-tĩnh làm cơ-sở. Có số nhiều người an-tĩnh mới sinh-sản ra số ít người hoạt-dộng. Đại-thế nước ta là nước làm ruộng, là xã-hội tĩnh-văn-minh, có số ít người hoạt-dộng như người trong chính-trị, văn-học, thương-cổ, cũng là nhờ số nhiều nông-phu công-nghệ cấp-dưỡng mà sản-ra. Người Âu-châu hay đi khai-hóa ra bên ngoài, đại-thế là xã-hội động-văn-minh cũng là nhờ số nhiều các xã-hội an-tĩnh cấp-dưỡng mà sinh ra.

Vì như một nơi thành-thị đô-hội nào-nhiệt phồn-thịnh hơn các thôn-lạc chung quanh. Song nguyên-nhân cái phồn-thịnh ấy, chính là bởi số nhiều thôn-lạc chung quanh mà sinh ra. Thôn-lạc càng nhiều thì thành-thị càng thịnh, Xã-hội hoạt-dộng vẫn là số ít mà xã-hội an-tĩnh vẫn chiếm số nhiều.

Chúng ta đã sinh ra trong một xã-hội an-tĩnh, tương-lai cầu sinh-hoạt trong số ít, hay là cầu sinh-hoạt trong số nhiều ? Nếu chúng ta vì con cháu mà mưu sinh-tồn, tương-lai khiến cho ra làm quan-lại, làm văn-học, làm thương-cổ để cầu sinh-hoạt trong số ít, hay là cho làm nông-tang, làm công-nghệ để cầu sinh-hoạt trong số nhiều ? Khiến cho điều đồng gạo mà ăn, thuê nhà mà ở, làm người hoạt-dộng trong thành-thị, hay là khiến cho cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, làm dân an-tĩnh chốn điền-viên ? Cái vấn-đề này

không cần phải hỏi lại hỏi đi, ai cũng đã giải-quyết, vậy chúng ta đối với cái xã-hội an-tĩnh này, cũng không nên

yếm-bạc cho lắm.

NGUYỄN BÁ-HỌC  
dịch-thuật.

## CẦM-HỌC TÂM-NGUYÊN

### 琴學尋源

(Khảo về nghề đàn ở nước ta)

#### TỰ

Trong đạo trị dân, lấy bốn món làm chủ : Lễ, Nhạc, Hình, Chánh. Nhạc tuy coi như tuồng không dính chi với trị-dạo, mà cũng quan-hệ lắm, vì là điệu đàn, ca, xướng, hát, tự lòng người mà hiện ra. Cho nên người xưa lấy điệu đàn ca mà coi chánh-trị, phong-hóa. Thiên « Nhạc-ký » trong kinh Lễ có nói rằng : « Nhạc giả thông luân-lý giả dã ; thị cổ thâm thanh dĩ tri âm, thâm âm dĩ tri nhạc, thâm nhạc dĩ tri chánh. » (樂者通倫理者也。是故審聲以知音。審音以知樂。審樂以知政。). Nghĩa là : Nhạc là thông với luân-lý ; ấy cho nên xét tiếng mà biết điệu, xét điệu mà biết nhạc, xét nhạc mà biết việc chánh - trị. Nén sách có chữ khen một ông huyện giỏi rằng : « Minh cầm nhi trị » (鳴琴而治). Vì đó nên xưa học sách kinh Thi (詩經) đem ba trăm thiên, nào là Phong (風), nào là Nhã (雅), nào là Tụng (頌), ca mà hòa với đàn ; coi như đức Khổng-Tử là một bậc chí-thánh, mới vừa hết tang, đã ôm đến đàn<sup>(1)</sup>. Còn người xưa đi học chữ, đều có học đàn, để cho biết thâm-âm (審音). Hiện bây giờ các nước văn-minh bên Âu-châu, nhất là nước Đại-Pháp, cũng đem điệu đàn mà xen với tiếng học ; trong các trường học đều có dạy đàn. Thiết điệu đàn là một điệu hay, thế mà đến sau lại có nhà nói rằng : « Gia hữu cầm, nữ-tử dâm. » Tôi dám chắc rằng nhà đó không rõ điệu đàn, nên nói có sai. Nhưng mà lời nói ấy cũng hữu-sở-nhân. Vì là điệu đàn đến lúc biến-phong (變風), thời nghe ra giọng Trịnh (鄭), Vệ (衛), cho nên nghe tiếng đàn toàn cả dâm - thanh. Nếu nhà đó được nghe chánh-thanh (正聲), thời chắc là không nói lời ấy bao giờ. Trong kinh Thi, thiên Châu - nam (周南) với thiên Thiệu - nam (召南) là chánh-phong (正風), mà đầu thiên Châu-nam lại có thơ Quan-thơ (關雎) nói chuyện cầu một người con gái cho đến nổi nằm không yên gối, ngủ không ngon giấc, như là : 寤寐思服。輾轉反側, mà cho là chánh - phong, vì là cầu mà được chánh, ấy là chánh. Cũng như đàn mà được chánh-thanh, tức là chánh-phong, thời con gái làm sao mà hư được.

Chốn Kinh-thành đây, vốn rừng to-đồng, phàm xưa nay những tay đàn hay, đều là người có ở Huế cả. Tôi cũng chả dám tự xưng là được cầm-gia-tam-muội, nhưng mà thấy ngón đàn giờ, so với ngón đơn xưa, thiết là chân trời góc bể. Ngón đàn xưa của ta thời hòa-nhã nghiêm-trang, mà ngón đàn nay thời

(1) 孔子既祥五日彈琴而不成聲十日而成笙歌(家語).

lắc-sắc tục-tợm, toàn cả dâm-thanh ; cho nên tôi sợ điệu đờn quá thành Trịnh-Vệ, rồi phong-hóa hoặc tùy theo đó mà đổi ra biến-phong chẳng ! Ấy mới tìm-tòi mà làm ra quyển « CẦM-HỌC TÂM-NGUYÊN » này, kéo dề lâu rồi điệu chánh-thanh bọn lần như tro, dẫu sau có ai muốn đẽo-gọt lại nữa, e cũng khó lắm chẳng !

Trong những người đờn hay, có người nói với tôi rằng : « Đờn giờ bây lổm, không nghe được. Ngón thời dậm xiên dậm quàng, đờn thời li-lắc li-lưởi, không có một ngón nhấn cho đúng chữ, dường sợ đau dây, lại thêm ca thời như giọng rao cháo rao chè, thiết đã khó nghe, mà lại thêm múa-men bộ-tịch, lại càng dề ghét lắm nữa. Thế mà khi nào mình đờn, thời người nghe lại cho đờn mình dở, e thiên-hạ giờ không có tri-âm chẳng ! — Tôi đáp rằng : « Nói như vậy, cũng phải mà cũng không : Nói rằng đờn giờ bây, nhấn không đúng chữ, thời phải, là vì họ đờn giờ không biết nhịp, nên phải dậm dậm bạ mà đờn cho vừa nhịp, mà đã dậm vô, thời có rảnh tay dẫu nữa mà nhấn. Còn như nói thiên-hạ giờ không có tri-âm, e chưa phải, là vì người nghe đờn, lỗ tai đã quen nghe biến-thanh, ít khi được nghe ngón đờn chánh-thanh, cho nên cho đờn nay là hay. Cũng như người quen nghe giọng hò-đò, cho giọng ngâm Kiều là dở. » — Lại có người nói rằng : « Điệu ca giờ cũng nên sửa lại. » — Tôi lại đáp rằng : « Không vội gì sửa gắp. Ca với đờn cũng như bóng với hình, hình sao thời bóng vậy. Hễ khi nào những người đờn nay đều quyết-chí sửa theo điệu chánh-thanh xưa, thời điệu ca tự-nhiên phải đổi lại. »

Có kẻ hỏi tôi rằng : « Những người đờn xưa hay, nào có ai chẻ bản gì mới không ? Chớ như đờn nay, tuy không hay, mà có bài mới, như là : « Chàng chàng ơi ! . . . » vân-vân . . . » — Tôi đáp rằng : « Điệu đờn cũng như điệu thi, điệu từ vậy. Xưa nay nhiều nhà thi tao, từ nhà, ngấm ra như nhà ngọc phun châu, viết ra như thêu bông dệt gấm, mà thi thời cũng chẳng qua làm luật-thi, triết-cú, trường-thiên, mà từ thời cũng chẳng qua làm Trúc-chi, Giá-cò, Tây-giang-nguyệt, vân-vân . . . Nói trong chừng nấy mà cho hay, cũng đã công-phu lắm rồi, lựa phải bày thêm điệu mới. Đờn cũng vậy. Bản xưa đờn không hết, hưởng chi là bày ra bản mới nữa. Cái nhà bày bản mới như là « Chàng chàng ơi ! . . . » đó, là cũng như học-trò học chưa hết Thi, Thơ, Lễ, Dịch, Tánh-lý, Xuân-thu, mà đã muốn làm thêm một bộ kinh mới nữa. . . . . »

Trước hết tôi cũng chưa dám múa bút khua nghiên, còn ý nhường cho kẻ quảng-bác hơn làm, mà sau những người quen kẻ biết thường cứ khuyên-lơn mãi, tôi mới làm sách này ra, hoặc có ích được ít nhiều chi cho phong-hóa chẳng !

Đôi lời quê-kịch, nói giạ ra đầu.

Năm Khải-Định thứ 2, mùa đông tháng 10.

HOÀNG YẾN tự-tự.

★  
★ ★

I

## CẦM-HỌC TIỂU-DẪN

### 琴學小引

Ai cũng biết rằng đờn là một thú đứng đầu trong bốn thú phong-lưu tài-tử : cầm, kỳ, thi, họa ; mà không biết rằng

Thánh-nhân xưa bày đờn ra, là để chánh-tâm dưỡng-tánh. Sách Bạch-hồ-thông 白虎通 có nói rằng : « Cầm giả cầm

*dã, cấm chịu tà, dĩ chánh nhơn-tâm dã*» (琴者禁也。禁止於邪。以正人心也。) Nghĩa là : Cấm là cấm, bày cấm ra để cấm điều bậy, mà sửa cho ngay lòng người. Xưa vua Thuấn đờn cây đờn năm dây, ca bài ca *Nam-phong*, mà thiên-hạ đại-trị ; ông Mặc-Tử-Tiện đờn mà trị dân Đản-Phủ ; đức Khổng-Tử ở nước Tề ba tháng, nghe nhạc *Thiệu* mà quên ăn. Cho nên người xưa đờn có *lục kị*, *thất bất đàn*, *bát tuyệt*, không phải như mình đờn bây giờ, gặp chẳng hay chớ.

### Lục kị (六忌)

1° — *Kị đại-hàn*. Hễ lạnh lắm thời vật gì cũng go mình lại, cho nên khi giá trời đờn không hay.

2° — *Kị đại-thử*. Hễ nóng lắm thời vật gì cũng nổ ra, cho nên gặp lúc nóng như lửa đốt, đờn không hay.

3° — *Kị đại-phong*. Khi gió thổi ào-ào, cát bay tờ-mở, đờn không hay.

4° — *Kị đại-vũ*. Khi mưa như chút xuống, nước đổ lao-xao, đờn không hay.

5° — *Kị tấn-lôi*. Khi dong réo vang trời, sấm gầm dậy đất, đờn không hay.

6° — *Kị đại-tuyệt*. Khi tuyết chất đầy đàng, trắng trời sáng đất, đờn không hay.

### Thất bất đàn (七不彈).

1° — Nghe tang không đờn.

2° — Khi nhạc đánh có chuông trống ồn-ào không đờn.

3° — Việc-vàn bói-rối không đờn.

4° — Trong mình không sạch - sẽ không đờn.

5° — Khăn áo không chỉnh-đón không đờn.

6° — Không xông trầm không đờn.

7° — Không gặp tri-âm không đờn.

### Bát tuyệt (八絕).

1° — *Thanh* (清). Hễ đờn hay [dầu] dụng cây đờn tiếng đục đi nữa, đờn cũng ra trong.

2° — *Kỳ* (奇). Khi đờn hay có ngón xuất-kỳ nhập-diệu, tự-nhiên trở ra ngón đờn hay.

3° — *U* (幽). Hễ trong lòng có chuyện gì u-trầm, thời hiện ra nơi ngón đờn. Xưa đức Khổng-Tử đờn đờn, thầy Tăng-Tử với thầy Tử-Cống đứng bên cửa mà nghe. Khi Ngải đờn xong, thời thầy Tăng - Tử nói rằng : « Y ! nghe ngón đờn thầy mình dường có ý tham-ngân, sao mà bất-nhơn thế ? » Thấy Tử-Cống đem lời thầy Tăng-Tử nói đó mà thưa lại, thời đức Khổng-Tử nói rằng : « Sâm (tên húy thầy Tăng-Tử), thiệt người hiền trong thiên-hạ, nay đã quen thâm-âm rồi. Khi ta đương đờn vừa có một con chuột chạy ra, con mèo thấy, mắt lăm-le, chân nhẹ-nhẹ, go mình bò theo rượng mà lần tới. rình bắt con chuột ; ta muốn cho bắt được, nên cho ta là tham-ngân cũng phải. » (1)

4° — *Nhã* (雅). Ngón đờn tươi mà hòa-nhã, không lụp-chụp lau-chau.

5° — *Bi* (悲). Khi trong bụng có chuyện gì bất-bằng, thời đờn nghe ra bi-sầu, ai-oán.

6° — *Tráng* (壯). Khi gặp chuyện gì đắc-ý, thời đờn nghe ra mạnh mẽ hùng-hào.

7° — *Du* (悠). Ý mình tại chỗ cao-xa, thời ngón đờn nghe ra thăm-thẳm. Xưa Du Bá-Nha (làm quan thượng-đại-phu nước Tấn) đờn, Chung Tử-Kỳ nghe mà

(1) *Hàn-thi ngoai-truyện* 韓詩外傳.

biết rằng : « dương-dương hồ, chí tại cao-sơn. » (1)

8° - Trường (長). Ý mình tại chỗ sâu-xa, thời ngón đàn nghe ra dài-dặc. Bá-Nha đàn mà Tử-Kỳ biết rằng : « dăng-

dăng hồ, chí tại lưu-thủy. » (1)

Ấy là khuôn-phép trong điệu đàn, những người muốn học đàn, xin phải cho biết, mới thấm mùi đàn, như không biết mùi, thời chẳng khác chi ăn đồ cao-lương, mà tưởng là giẻ rách.

## II

## CẨM-HỌC THÔNG-KHẢO

Trước khi khảo-cứu các thứ đàn, tôi xin kê sơ về « bát-âm » (八音) để coi cho biết.

Trong Ngũ-kinh thông-nghiã 五經通義 nói rằng : « Tám thứ tiếng là : tiếng đồng (kim 金), tiếng đá (thạch 石), tiếng tơ (tì 絲), tiếng tre (trúc 竹), tiếng kèn (bào 匏), tiếng đất (thổ 土), tiếng da (cách 革) với tiếng gỗ (mộc 木). »

Trong Thích-tri tượng-nhạc-lục 釋智

匠樂錄 nói rằng : « Tiếng đồng là những tiếng chuông (鐘), bác (搏 chuông nhỏ, trác (錘 chiêng), nao (號 chiêng nhỏ ; tiếng đá là tiếng khánh (磬) ; tiếng tơ là tiếng đàn, những là : cầm (琴), sất (瑟), không-hầu 笙篥, tranh (箏), trúc (筑), tỳ-bà (琵琶) ; tiếng tre là tiếng tri (篋), địch (笛), thược (簫), tiêu (簫), quản (管) ; tiếng đất là tiếng huân (埴), phủ (缶) ; tiếng da là tiếng trống (鼓 鞀) ; tiếng gỗ là tiếng chúc (欵), tiếng ngữ (鼓). »

## III

## CÁC THỨ ĐÀN

## Đàn Cầm 琴

Đàn Cầm nguyên Phục-Hy-thị 伏羲氏 bày ra đầu. Sách Kim cô kỳ-quan 今古奇觀 biên rằng : « Xưa vua Phục-Hy thấy chim phụng-hoàng về đậu trên cây ngô-dồng, nghĩ rằng : « Chim phụng-hoàng là lớn nhất trong loài chim, ăn thời chỉ ăn trái tre, uống thời chỉ uống lệ tuyết, đậu thời chỉ đậu cây ngô-dồng mà thôi. Vậy thời cây ngô-dồng là một cây báu nhất trong loài cây, đem dùng làm nhâ-nhạc được. » Bèn khiến người

đốn cây ngô-dồng xuống, cưa ra làm ba khúc ; đem khúc ngọn gõ thử xem, thời nghe tiếng quá trong ; đem khúc gốc gõ thử xem, thời nghe tiếng quá đục. Thử đến khúc giữa, thời tiếng đủ nặng, nhẹ, đục, trong. Bèn đem dể nơi nước chảy dầm bảy-mươi-hai ngày, nghĩa là theo số khí-hậu ; rồi lấy lên, dể trong im đợi cho khô, mới gạch thước tắc sai người thợ khéo là Lưu Tử Kỳ 劉子奇 đeo ra mà làm thành đàn, đặt tên là Diêu-cầm 瑤琴. Đàn dài ba thước sáu tắc sáu phân (2), nghĩa là theo vành trời có 366

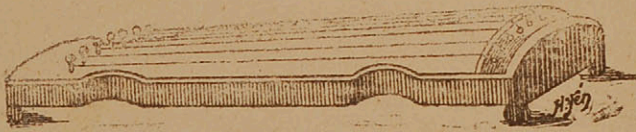
(1) Lã-thị Xuân-thu 呂氏春秋.

(2) Thước tắc trong này đều theo thước mộc, nhưng không rõ thước xưa có đúng theo thước nay hay không. Thước mộc bây giờ bằng 4 tắc tây (0m 40).

độ (trong sách *Cầm-thao* 琴操 cho là tượng 366 ngày, tức là nhà thiên-văn Âu-châu ngày nay nói rằng trái đất đi khắp vòng mặt trời 366 ngày), trước rộng tám tắc, nghĩa là theo bát-tiết (八節), sau hẹp bốn tắc, theo tứ-thời (四時), dài hai tắc, tượng lưỡng-nghi (兩儀) : trục (軫) ngọc, phiếm (箏) vàng ; mười hai phiếm, tượng 12 tháng, lại thêm một phiếm giữa, tượng tháng nhuận ; năm giây, tượng ngũ-hành (五行) mà theo

ngũ - âm (五音) : *cung, thương, giốc, chủ, vũ* (宮, 商, 角, 徵, 羽).

Đến sau Bá Ấp-Khảo, con vua Văn-Vương nhà Châu, thêm một dây, kêu là *dây văn* (文絃). Đến đời vua Võ-Vương lại thêm một dây nữa, kêu là *dây võ* (武絃). Thành ra đàn cầm có bảy dây : *Cung, thương, giốc, chủ, vũ, văn, võ* (宮, 商, 角, 徵, 羽, 文, 武) (*hình vẽ I*).



H. v. 1. Đàn Cầm.

(vẽ theo thức đàn lễ-khi để tại Tân-Thơ-Viện ở Huế)

Trong *Tam-lễ-dồ* 三禮圖 với *Quảng-nhã* 廣雅 kêu dây văn, dây võ là dây thiếu - *cung* 少宮 với thiếu - *thương* 少商, thời kêu bảy dây là : *Cung, thương, giốc, chủ, vũ, thiếu - cung, thiếu-thương* (宮, 商, 角, 徵, 羽, 少宮, 少商).

Theo trong *Tam-lễ-dồ*, thời dây đầu là *cung*, dây thứ hai là *thương*, dây thứ ba là *giốc*, thứ tư là *vũ*, thứ năm là *chủ*, thứ sáu là *thiếu-cung*, thứ bảy là *thiếu-thương*. Vậy kể từ dây đầu trở lên, thời bảy bậc là : *Cung, thương, giốc, vũ, chủ, thiếu - cung, thiếu-thương*. So với bậc đàn bảy giờ, thời tưởng là : *họ, xự, xừ, xàng, xê, cống, phàng* (合, 四, 仞, 上, 尺, 工, 反).

Còn đàn bên Âu-châu cũng bảy bậc : *do* (đọc là *dô*), *rê* (đọc là *rê*), *mi, fa*, (đọc là *pha*), *sol* (đọc là *xô-lơ*), *la, si* (đọc *xi*) ; so với bậc đàn mình thời bậc đàn Tý đúng : *họ, xự, xừ, xàng, xê, cống, phàng*.

Nguyên đầu bày đàn cầm ra như thức kê trên đó, đến sau các nhà tinh nhạc, lần lần bày thêm đàn nọ đàn kia. Đời nhà Nguyên (Tàu) có : đàn một dây (nhứt-huyền-cầm), đàn ba dây (tam-huyền-cầm), đàn năm dây (ngũ-huyền-cầm), đàn bảy dây (thất-huyền-cầm), đàn chín dây ( cửu-huyền-cầm).

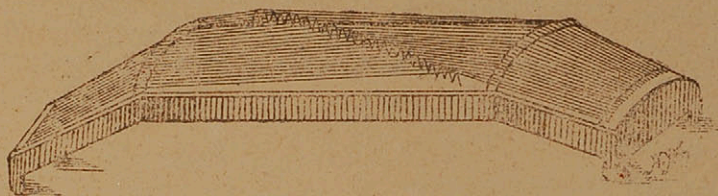
Đàn cầm có nhiều tên : Đời vua Tuyên-vương nhà Châu đặt tên là *Hương-phong* 嚮風 ; đàn của người Thôi - nhơn 崔翹 kêu là *Ngọa-băng* 臥冰 ; của Đái Qui 戴逵 kêu là *Hắc-hộc* 黑鶴 ; của Trọng - Nhực 仲若 là con Đái Qui, kêu là *Dược-phương* 躍鴈 ; của Liễu Văn-Sương 柳文暢 kêu là *Xuân-phong* 春風 ; của Tư-mã-Tương-Như 司馬相如 kêu là *Lục-ý* 綠綺 ; của Thái-Ung 蔡邕 kêu là *Tiểu-vĩ* 焦尾, v. v....

Bài đàn Cầm cũng có nhiều tên : *Phụng-qui-lâm* 鳳歸林, *Hạc-lê-thiên*

鶴唳天, *Phụng-cầu-hoàng* 鳳求凰,  
vân-vân....

Các bậc đàn Cẩm hay thủa xưa, những

là : Bá-Ấp-khảo 伯邑考, đức Không-  
Tử 孔子, Du Bá-Nha 俞伯牙, Tư-  
Mã Trương-Như, vân-vân.....



H. v. 2. Đờn Sắt.

(vẽ theo thức đàn lễ khi đề tại Tân-Thơ-Viện ở Huế)

### Đờn Sắt 瑟

Trong sách *Đế-vương-thế-kỷ* 帝王世紀 chép rằng : « Đờn Sắt nguyên của Bào-Hy-Thị 庖犧氏 bày ra, dài bảy thước hai tấc hai mươi lăm dây ». Trong *Tam-lê-dồ* lại nói rằng : « Đờn sắt dài tám thước một tấc, hai mươi ba dây ; đàn thường dùng thời mười chín dây. » Mà Văn-Tử 文子 với Thi-Tử 尸子 đều nói rằng : « Đờn Sắt hai mươi lăm dây. » (H. v. 2).

Trong sách *Tục-văn-hiến-thông-khảo* 續文獻通考 nói rằng : Đờn Sắt đời nhà Minh hai-mươi-lăm dây, hai bên dây đỏ, sợi giữa dây vàng, kêu là *quân-huyền* 君絃.

Theo như các lời trước này, thời đàn Cẩm, đàn Sắt đều dùng dây tơ cá. Cho nên sách có chữ rằng : *Ti đồng* 絲桐.

Xưa có Hồ Ba 瓠巴 đàn Sắt hay lắm, cho đến cá cũng nổi lên nghe.



H. v. 3. Đờn Tranh

### Đờn Tranh 箏

Trong bài *Tranh-phủ* của *Nguyễn-Vô* (阮瑀箏賦) nói rằng : « Đờn tranh dài sáu thước, ứng theo số lục-luật 六律, dây mười hai sợi, trọng bốn mùa, trụ cao ba tấc trọng tam-tài 三才. »

Trong sách *Phong-tục-thông* 風俗通 nói rằng : « Đờn tranh nghe ra giọng nhà Tần, có người cho là người Mông-Điền 蒙恬 bày ra. »

Người Phó-Tử 傅子 lại bác rằng : « Đờn Tranh trên tròn tượng trời ; dưới bằng trọng đất ; giữa trống, thông lục-hiệp 六合 ; mười hai dây, mười hai

trụ (tức là bảy giờ kêu là ngựa) tượng mười hai tháng ; thiết là một cây đàn có nhọn - trí ; người Mông-Điền là một tôi vong-quốc (nói nhà Tần), há dễ nghĩ được đến chỗ khôn khéo như thế đâu ? »

Nhà đó bác cũng hơi ép quá. Phạm người thông-minh trí tuệ, đời nào lại không có, hướng chi nhà Tần cũng còn có bày ra đàn khác nữa. Còn việc thanh, suy, hưng, vong, tự trời một phần, vua một ít, tôi một ít. Gặp Tần Thủy-Hoàng bạo-ngược vô-đạo, dẫu cho Mông-Điền có giỏi đi nữa, cũng không quá Nhị-Thế

được. Coi như Trần Thiệp với Không Minh thời biết.

Còn đờn Tranh của ta đờn bây giờ, thời mười sáu dây, mà dây bằng đồng. (H. v. 3). Tuy chưa rõ đời nào bày ra đầu, nhưng cũng định chừng đời nhà Thanh sửa lại, vì là đời nhà Thanh có sửa lễ-nhạc lại nhiều.

Xưa những người đờn Tranh hay là : Tần Tố-Nữ 秦素女, Triệu-Nữ 趙女, Lý Thanh - Thanh 李書青, Sử - Tùng 史從, Lý Tùng - Châu 李從周 cháu nội Lý Thanh-Thanh, vân-vân...

### Đờn Trúc 箏.

Trong *Nhạc-thơ* 樂書 nói rằng : «Đờn Trúc hình như đờn Cầm, mười ba dây, cổ nhỏ, vai tròn, khi đờn thời tay trái ôm đờn, tay mặt cầm một miếng tre mà nẩy.»

*Thuyết-văn* 說文 lại nói rằng : «Lấy tre mà uốn cong lại, buộc năm dây mà đờn, ấy là đờn Trúc.»

*Phong-tục-thông* lại nói rằng : «Đờn Trúc hình như đờn Sắt.» Mà *Quảng-Vận* (廣韻) lại cho là đờn Trúc hình như đờn Tranh, mười ba dây.

### Đờn Không-hầu 箏篳

*Thích-danh* 釋名 nói rằng : «Đờn Không-hầu nguyên Sư-Diên 師延 đời Xuân-thu bày ra. Sau Sư-Quyên 師涓 đờn cho vua Bình-Công nước Tần nghe đến khi nước Tấn bị nước Trịnh với nước Vệ lấy đất chia nhau, cái đờn đó còn lại, cho nên người ta kêu tên là Không-hầu, nghĩa là không quốc chi hầu.

Trong *Phong-tục-thông* lại nói rằng : «Đờn Không-hầu lại có một tên là *Khảm-hầu* (坎篳); đờn ở giữa trống cho nên kêu là Không-hầu.»

Trong *Sự-vật-kỷ-nguyên* 事物紀原 thời nói rằng : «Vua Linh-Đế nhà Hán ưa đờn Không-hầu, đờn ấy hình cong mà

dài, hai mươi ba dây, khi đờn thời kẹp vô trong bụng, mà đờn cả hai tay.»

Trong *Văn-hiến-thông-khảo* 文獻通考 lại nói rằng : «Đời nhà Đàng chế đờn Không-hầu hình như đờn Sắt mà nhỏ, bảy dây, lấy cây khảm mà đờn.»

### Đờn Tỳ-bà 琵琶

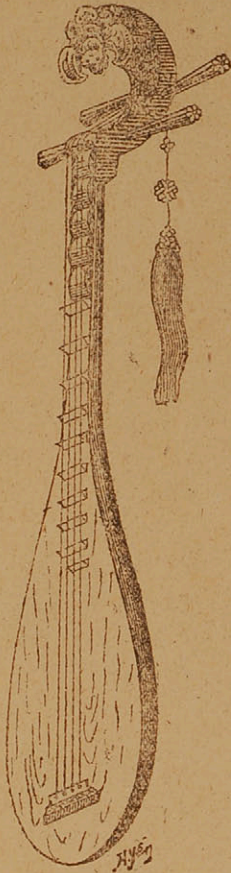
Trong *Thích-danh* nói rằng : «Đờn Tỳ-bà nguyên ở Hồ làm ra, khi đi dàng ngồi trên ngựa mà đờn. Lấy tay nẩy ngược lên, kêu là *tỳ*, nẩy xuôi xuống kêu là *bà*, ấy cho nên đặt tên là *Tỳ-bà*.»

Trong *Kiều* có câu rằng : «Nghề chơi ăn đứt Hồ-cầm một trương,» tức là đờn Tỳ-bà đó. Chữ *trương* đó nghĩa một cây đờn, sách có chữ rằng : «cầm nhưt trương, kỳ nhưt cuộc,» vân-vân...

Trong *Thích-trí-trọng-nhạc-lục* nói rằng : «Đờn Tỳ-bà nguyên người Đổ-Chí 杜摯 nhà Tần làm. Lúc nhà Tần đập vạn-lý-trường-thành, dân-sự mệt-mỏi, Đổ-Chí mới bày ra cây đờn ấy để đờn cho vui lòng dân.»

Ấy cũng như đời Đông-Châu, ở nước Tề có người Quản-Trọng với người Bào Thúc-Nha kết bạn với nhau thiết lắm. Nhơn nước Tề loạn, Quản-Trọng phò Công-tử Củ qua trốn nước Lỗ; Bào Thúc-Nha phò Công-tử Tiêu-Bạch qua trốn nước Lữ. Sau công-tử Tiêu-Bạch về làm vua, hiệu là Hoàng-Công. Thúc-Nha tiến Quản-Trọng cho vua Hoàng-công, bèn sai người sang Lỗ đem Quản-Trọng về, mà sợ Lỗ không cho, nên giả lấy cờ khi tranh ngôi, Quản-Trọng có vì Công-tử Củ mà bản Hoàng-công một mũi tên trúng nơi mồm áo, đòi bắt sống Quản-Trọng về mà giết, mới bỏ lên xe đem về. Khi đi giữa đàng, Quản-Trọng sợ người nước Lỗ đuổi theo, bày ra cách hát cho quân lính hát cho vui

đề quên mệt, mà chạy mau cho khỏi dặt nước Lỗ. Từ đó về sau, hễ khi làm-lụng



H. v. 4. Đàn Tỳ-bà

nhọc-nhân, người ta hay bắt-chước đó mà hát cho đỡ mệt.

Trong Văn - hiến: thông-khảo nói rằng « Đàn Tỳ-bà trở ngò đồng ra mà làm, bụng như rùa, cổ như phụng. » Tục-văn-hiến - thông - khảo

cũng nói rằng : « Đàn Tỳ-bà đời nhà Nguyên làm bằng gỗ. đầu cong, cổ dài, bốn trục, giữa cổ có phiếm mặt rộng, bốn dây. » Tức là đàn ta đàn bây giờ đó. (H. v. 4).

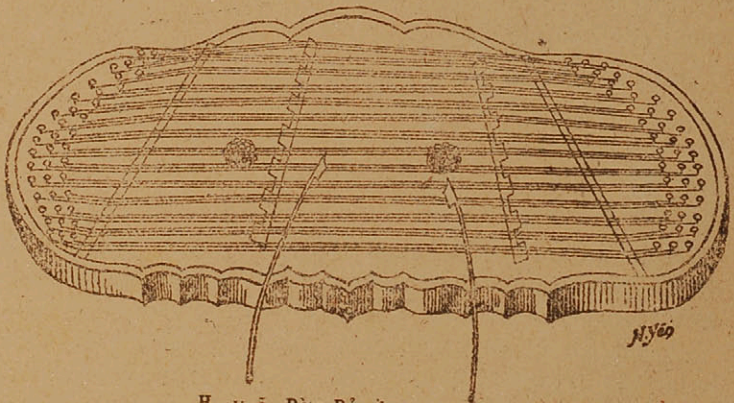
Người Trịnh Hỷ - Tử 鄭喜子 nhà Đàng có dâng cho vua một cây đàn Tỳ-bà bảy dây.

Xưa những người đàn Tỳ-bà hay, là : Châu-Sanh 朱生, Nguyễn Hàm 阮咸, Tôn Phóng 孫放, Khổng Luật 孔律, Hạ Hoài-Tri 賀懷智, Khang Côn-Lôn 康崑崙, Vương Phấn 王芬, Tào Bảo 曹保. Tào Thiện-Tài 曹善才 là con Tào Bảo, Tào Cương 曹鋼 cháu nội Tào Bảo, Bùi Hưng-Nô 裴興奴, vân vân...

#### Đã-cầm hay là Dương-cầm 打琴 (洋琴)

Đàn Đã-cầm hình như trái cật, bề dài một thước năm tấc, bề ngang một thước, cột bốn-mươi-hai dây bằng đồng, chia ra làm mười-bốn bậc, mỗi bậc ba dây, khi đàn thời để đàn trước mặt, hai tay cầm hai miếng tre hình như búa mà đánh, cho nên kêu là Đã-cầm (H. v. 5).

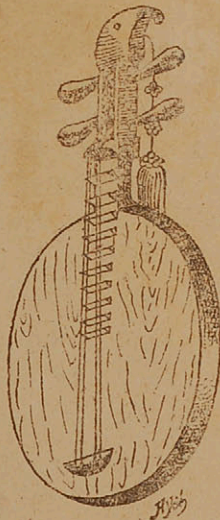
Đàn này mới có từ nhà Thanh.



H. v. 5. Đàn Đã-cầm.

### Đờn Nhật 日琴.

Đờn Nhật hình tròn như mặt trời, cho nên kêu là *Nhật*. Cản dài bảy tấc, mặt rộng tám tấc, mười phiếm, bốn dây mà hai tiếng, hai dây dài một tiếng, hai dây tiểu một tiếng. (H. v. 6).



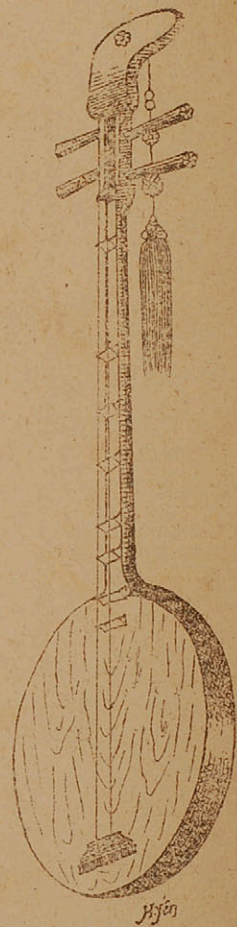
H. v. 6. Đờn Nhật

### Đờn Nguyệt 月琴.

Đờn Nguyệt hình như mặt trăng, cho nên kêu là *Nguyệt*. Người ta cũng kêu một tên nữa là Nguyễn-cầm 阮琴, vì là nguyên của Nguyễn Hàm 阮咸 người nhà Tấn bày ra.

Đờn này thùng rộng tám tấc rưỡi, dày một tấc rưỡi, cản dài một thước bảy tấc, tám phiếm, bốn dây, lên hai tiếng như đờn Nhật, mà nay đờn thời chỉ buộc hai dây mà thôi. (H. v. 7).

Nhà nhã - nhạc nước mình lấy đờn Tranh, đờn Nguyệt, đờn Tỳ, đờn Nhị với đờn Tam làm ngũ-diệu 五妙, kêu là đờn năm cây. Ấy cho nên người mình, hễ ai đờn hay được cả năm cây, thời cho là bậc phong-lưu tài-tử.



H. v. 7. Đờn Nguyệt

### Đờn Nhị 二絃琴.

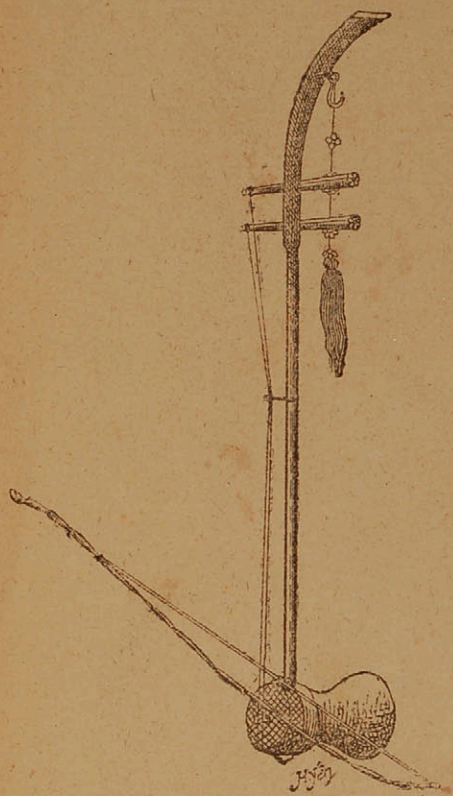
Đờn Nhị tục kêu là đờn Cò, vì là mới học cây đờn này, thời kéo hai dây tồn - tang nghe ra như cò-ke, cho nên kêu là Cò.

Đờn này nguyên là đờn Hồ bày ra, cho nên đờn Tàu hiện đờn bây giờ cũng còn sơ-sài lắm. Lấy một cái gáo dừa xoi hai lỗ, tra một cái cầu, hình như cái gáo mình múc nước, miệng gáo thời lấy lòng-bóng trâu hay là da mà bịt, cầu khoét hai lỗ, xỏ hai cái trục buộc hai

bằng da kỳ-dà hay là da trăn, cần cũng bằng trắc hay là bằng gỗ, mà dài hơn. (H. v. 8).

### Đờn Tam 三絃琴

Đờn Tam buộc ba dây, cho nên kêu tên là Tam. Đờn này hình như đờn



H. v. 8. Đờn Nhị

dây, giữa mặt đờn có một con ngựa để kê hai sợi dây; chặng giữa dây có một cái khuyết cột vô nơi cần, muốn đem xuống đem lên tùy-ý, với một cái cung bằng tre buộc lông đuôi ngựa: nơi miệng gáo gần chỗ tra cần, gắn một khối nhựa thông (bạch-tùng-du); khi đờn thời tay trái cầm cần mà nhấn, tay mặt cầm cung kéo qua kéo lại, lông đuôi ngựa dính bột nhựa thông, cọ với dây tơ, vì rít mà kêu.

Hoặc có nhà không làm bằng gáo dừa, lại làm bằng ống tre, nhưng mà thường đờn Tàu cần ngắn, tiếng ét mà xãng, cho nên người mình mới đổi cách lại cho dẹt, sửa lại cho đẹp hơn: tiện ống bằng trắc, hoặc bằng ngà, bịt mặt

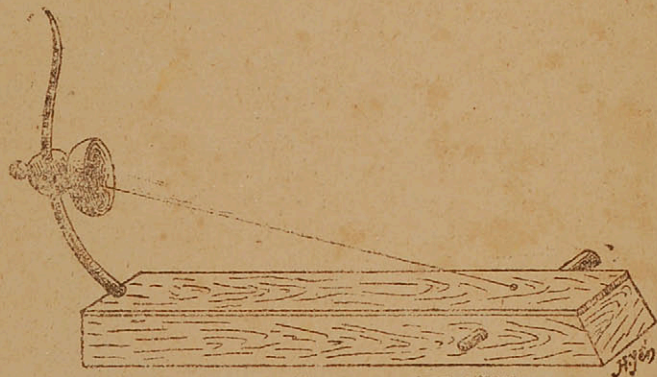


H. v. 9. Đờn Tam

Nguyệt mà nhỏ hơn. Thùng bằng gỗ, rộng năm tấc, dày hai tấc, hai bên bịt bằng da trăn, cần dài một thước năm, tra ba trụ, cột ba dây, giữa mặt đờn cũng có ngựa kê dây như đờn Nhị, giữa cần cũng có khuyết, nhưng mà khuyết đờn Nhị thời bằng một cái vòng đồng, chớ khuyết đờn Tam thời làm một miếng ngà hay là xương, xoi ba lỗ luồn ba dây qua. Khi

đờn thời ngồi xếp bằng, kê đờn trên đầu gối chun mặt, tay trái ôm cần mà nhấn, tay mặt cầm một miếng gỗ dài chừng

hai tấc, rộng chừng tám phân, hay là lấy miếng đời-mồi mà đờn. (H. v. 9).



H. v. 10. Đờn Bầu

### Đờn Độc-huyền 獨絃琴

Đờn này tục kêu là đờn *Bầu*, là vì nơi cần có tra một cái bầu cho âm tiếng.

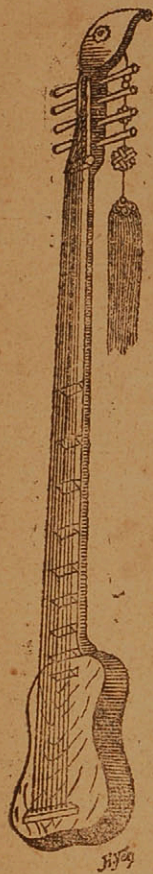
Đờn Độc-huyền tại Bắc-kỳ bày ra đầu. Lúc trước ở Huế chưa có đờn ấy. Đến năm Thành-Thái thứ tám, có mấy người mù ở làng ngoài vò, đem theo một cây đờn *Bầu*, hát xoan, hát xẩm, ngâm Kiều, hễ hát gì thời đờn theo nấy, nghe ra cũng hay, nhưng mà không đờn theo bản đờn Huế được. Từ đó mới có người đem đờn *Bầu* hiệp theo điệu đờn năm cây mà đờn ra bài ra bản. Đến bây giờ đờn *Bầu* cũng thịnh-hành lắm, cho đến chốn ngõ hẹp ngang cung, đi đến đâu đâu cũng nghe tiếng đờn *Bầu*. Vì là hình-thức đờn *Bầu* sơ-sai lắm dễ dóng, không tốn-kém bao nhiêu. Lấy ba tấm ván dài chừng hai thước, rộng chừng bốn tấc, dóng lại như một cái thùng, hai đầu cũng dóng bit lại, một đầu tra một cái cần, giữa cần tra một cái bầu, buộc một sợi dây bằng đồng, giăng thẳng lại đầu kia buộc vô nơi trục ma vận. Khi đờn thời cầm một mảnh tre vót nhọn khẩy mà đờn. (H.

v. 10). Lúc đầu, người Bắc mới đem vào thời đờn từ trên khay xuống, cách ngồi thời ngồi trệt, gác bàn chun trái lên trên đờn mà kê cho cứng, còn chun mặt thời dựng gối lên xếp về sát ngực. Cây đờn thời để phía bên chun mặt. Nay người ta đờn, thời lại để cây đờn nằm ngang trước mặt, ngồi xếp bằng, chun mặt gác lên trên đờn mà kèm, còn đờn thời cầm mảnh tre khẩy dưới khay lên. Cách ngồi bây giờ trông nhà hơn

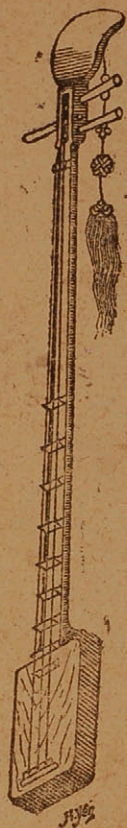
### Đờn Cầm Nam 南琴

Đờn Cầm Nam nguyên ông Luân Quốc, công 倫國公 bày ra. Tên húy ngài là Dục 昱. Trong *Hoàng-Nam tiền-biên liệt-truyền* 皇南前編列傳 có chép công-nghiệp của Ngài rực-rỡ vẻ-vang lắm. Ngài là một tay rất mực phong-lưu, tinh-thông nhà-nhạc; phạm điệu hát, câu hò, bài ca, khúc lý, về tay Ngài sửa-sang lại phần nhiều. Ngài thấy điệu hát mình cung cao lắm, đờn xưa ít ăn theo, ngài mới hiệp cả Cầm, Sắt, Ty-bà lại một, chế ra một cây đờn mới, kêu tên là *Nam-cầm*. Đờn ấy thùng dày, hình

như quạt lá-vả, cần dài ba thước, tám dây (H. v. 11). Nam bắc truyền-bá, ai ai cũng cho là hay. Ngài có dạy cho một cô hầu ngài đờn hay lắm. Sau cô ấy lại dạy cho chị Đâu - nương 斗娘. Chị này quê làng An-cự, phủ Thừa-thiên, lúc còn tóc đê vá đào, tên đê nhạc-tích. Đến khi trắng tròn hoa nở, da tuyết tóc mây, làn thu-thủy, nét xuân-sơn, thiệt là nghiêng thành nghiêng nước,



H. v. 11. Đờn cầm Nam.



H. v. 12. Đờn Đáy.

lại thêm đờn hay hát giỏi nữa, cũng khá cho là tài sắc vẹn hai. Sau gặp một

ông chồng làm quan Tham-tán. Ông này cũng đờn hay ; khi rảnh-rang công-việc, vui cảnh gió trăng, hai vợ chồng trau-nhồi điệu đờn, luyện-tập khúc hay, lúc bấy giờ đờn cầm Nam không ai hay lọt được. Đến khi ông chồng tách miền trần-giới, về cảnh Bồng-lai, thời chị Đâu-nương thê không đờn nữa. Đến bấy giờ đờn cầm Nam thất-truyền, thiệt tiếc lắm thay ! (1)

### Đờn Nhà - trò 歌 籌 琴.

Đờn Nhà-trò tục kêu là đờn Đáy, vì là mặt đờn phía sau khoét lũng ; ấy cho nên cũng kêu tên chữ là Vô-đề-cầm 無底琴 ; thùng vuông, cần dài ba thước, ba dây, khi đờn thời cầm một mảnh tre mà khảy (H. v. 12), hình-thức gần như đờn cầm Nam hay là đờn cầm Nam mà sau họ sửa thức lại chăng ? Đờn Đáy đờn theo điệu hát nhà-trò, mau, chậm, thấp, cao, thiệt hay lắm. Hiện bây giờ người tỉnh Nghệ đờn đờn Đáy hay, vì là tại chỗ nhà-trò mà ra.

Ở Hà-tỉnh bây giờ có Cửu Đạm đờn hay như ở tỉnh Nghệ. Trước thời có Cửu Xương, Cửu Ninh, đờn cũng hay lắm.

Lại nghe trang-truyền rằng đờn Đáy nguyên ông Lý Thiết-Quái 李鐵拐 bày ra. Xưa có hai vợ chồng kia ăn ở nhân-từ mà nghèo, cứ đi làm củi đốt than mà ăn. Ngày nọ gặp một ông già cho một cây đờn, biểu tập đờn ca thời giàu-có. Hai vợ chồng đem đờn về mà không đờn được. Sau lên tìm ông già ấy, thời ông dặn mỗi bữa lên đó ông dạy cho. Đến khi đờn được rồi, thời ông già biến mất. Vừa gặp ngày lễ Vạn-thọ vua Võ-đề nhà Hán, hai vợ chồng đến đờn hát. Khi đó có ông Đông Phương-Sóc 東方朔 nghe

(1) Nam-cầm-khúe diễn-nghĩa-ca. 南琴曲演義歌

bài đờn, cứ lưng - lẻo ngậm-ngùi như là bài đờn đã quen nghe từ khi nào rồi. Mới hỏi ai vẽ cho, thì hai vợ chồng nói hình-dạng ông già dạy đờn ra. Ông Đông Phương-Sóc mới sức nhớ lại là ngón đờn ở Cung-tiên, nguyên của ông Lý Thiết-Quải đặt. Ấy cho nên làng Cồ - đạ, huyện Nghi - xuân, tỉnh Hà-tĩnh, mỗi khi lễ Nhà - trò tế, thì ông Hán Võ-đế, ông Đông Phương - Sóc với ông Lý Thiết-Quải. Sự - tích đó không biết có thiệt không. Tôi tìm các sách đờn mà chưa thấy rõ.

### Ống Sanh 笙.

Trong *Lê-ký* 禮記 nói rằng ống Sanh nguyên bà Nữ-Oa 女媧 bày ra. Trong *Thuyết-văn* nói rằng ống Sanh mười-ba ống kết lại một, tiếng như phụng reo.

*Văn-hiến-thông-khảo* nói rằng đời Hậu-chúa có bày Sanh mười-sáu ống. Đời nhà Đàng lại có Sanh mười-hai với mười bảy ống. (H. v. 13).

*Tục-văn-hiến-thông-khảo* nói rằng đời nhà Nguyên có Sào-sanh (巢笙) với Hòa-sanh (和笙) làm bằng tre bồng,

mười-chín ống.

Xưa có nhiều người thổi Sanh hay, nhưng là: Vương Tử-Tấn 王子晉; Đông Song-Thành 董夔成, là người hầu bà Vương-mẫu; vua Hoàn-Đế nhà Hán 漢桓帝; Đỗ - Quì 杜夔 người nước Ngụy, v. v. . .

### Hoàng 簧.

Ống Hoàng nguyên bà Nữ-Oa bày ra, trong ống có cái lưỡi gà bằng sắt.

Hiện bây giờ ta có thổi thứ ống có lưỡi gà đó, cũng là một thứ Hoàng (H. v. 14)

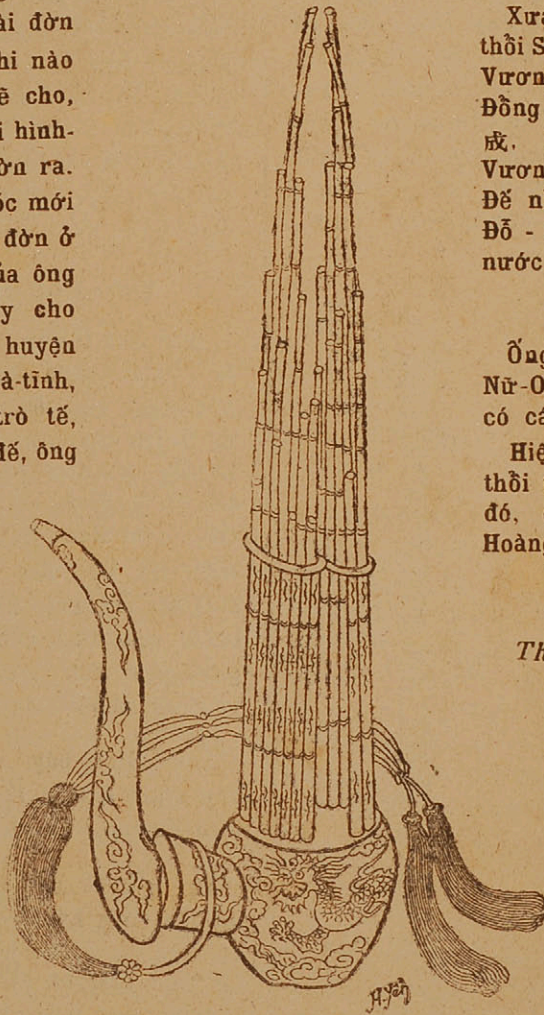
### Vu 竽.

*Thuyết-văn* nói rằng Vu làm ba-mươi sáu ống, dài bốn thước tám tấc.

### Tiêu 簫.

*Thông-lễ-nghĩa-toàn* 通禮義纂 nói rằng ống Tiêu đời Phục - Hy mười-sáu ống.

*Sự-Thủy* 事始 chép rằng bà Nữ-Oa chế ống Tiêu.



H. v. 13. Ống Sanh.

(Vẽ theo trong sách « Thanh-triều lễ-khí đồ-thức - 清朝禮器圖式, quyển VIII tờ 57.)

*Phong-lục-thông* nói rằng ống Tiêu của vua Thuấn, hình so-le như cánh phụng, mười ống, dài ba thước.

Hiện bây giờ cái kèn của Mọi về chợ phiên hay thổi đó, cũng là một thứ Tiêu chăng?

*Bác-nhã* 博雅 nói rằng Tiêu lớn hai-mươi - bốn ống, không đáy, Tiêu nhỏ mười-sáu ống, có đáy. Thứ không đáy kêu là *Động-tiêu* 洞簫.



H. v. 14. Ống Hoàng.

H. v. 15. Ống Tiêu.

*Tục-văn-hiến-thông-khảo* nói rằng đời nhà Minh chế ống Tiêu bằng trúc, dài một thước chín tấc năm phân, tròn ba tấc, đầu ống khoét một lỗ, kêu bằng *Sơn-khẩu* 山口, lỗ ấy dùng mà thổi, trước năm lỗ, sau một lỗ. (H. v. 15)

Ống Tiêu của ta hiện thời bây giờ, hình thức cũng vậy, đều có nhỏ với ngắn hơn.

Những người xưa thổi ống Tiêu hay, là : nàng *Lộng-Ngọc* 弄玉, con vua nước Tần, *Tiêu-Sử* 簫史, vua *Huyền-đế* với vua *Linh-đế* nhà Hán, *Trương Lương* 張良, *vân-vân* ...

**Địch 笛.**

*Quảng-nhã* 廣雅 nói rằng Địch bảy lỗ, tức là ống *Sáo* ta thổi bây giờ (H. v. 16).

Xưa những người thổi Địch hay, là : *Mã-Dung* 馬融, *Tống-Vĩ* 宋祿, *Tử-Giã* 子野, *Nô-Nhan* 奴顏. Đời nhà *Đàng* có *Lý-Mộ* 李謨 hay nhất trong nước.



H. v. 16. Ống Địch.

H. v. 17. Ống Quán

Địch có khúc riêng kêu tên là : *Chiết-dương-liễu* 折楊柳, *Mai-hoa-lạc* 梅花落, *Già-cô* 鷓鴣, *vân-vân* ...

**Quản 管.**

*Quảng-nhã* nói rằng Quán như ống *Trì*, dài một thước, tròn một tấc, sáu lỗ không đáy.

*Văn-hiến-thông-khảo* nói rằng đời nhà *Đàng* có chế ống *Quản* bảy lỗ, kêu là *Thất-tinh-quản* 七星管, lại có một lỗ một bên, lấy lụa ruột tre mà dán lại, để cho reo tiếng, kêu là *trợ-thanh* (助聲). Tức là thứ ống ta thổi ngày nay, mà người mình hay kêu lầm là ống *Địch* đó. (H. v. 17). Họ hay lột lụa mo cau, hay là lụa hành-củ mà dán lỗ máy. Hoặc hái lá khoai tía, lấy móng tay mà chà

cho hết nhớt, rồi lấy cái lụa mà dán, cũng nhậy lắm. Hoặc lấy giấy hút thuốc tày mà dán cũng được.

### Trì 篪.

*Thế-bản* 世本 với *Tùy-chi* 隋志 nói rằng ống Trì nguyên ông Tô Thành-Công 蘇成公, chức hầu đời vua Bình-vương nhà Châu, bày ra, dài một thước bốn tấc, tám lỗ.

*Trần-thị nhạc-thơ* 陳氏樂書 nói



H. v. 18. Ống Trì.



H. v. 19. Ống Huân.

rằng ống Trì như ống Địch mà có đáy, thổi ngang, sáu lỗ. (H. V. 18).

### Huân 埙

*Thế-bản* với *Tùy-chi* nói rằng ống Huân nguyên Bạo Tân-Công 暴新公 cũng chức hầu đời vua Bình-vương nhà Châu bày ra.

*Phong-tục-thông* nói rằng Huân làm bằng đất to như trứng gà, tròn năm tấc rưỡi, dài ba tấc rưỡi, sáu lỗ; tức là cái tu-huyệt của con nít hay thổi chơi đó; nhưng mà tu-huyệt của ta có hai lỗ mà thôi.

### Thước 箛.

*Nhĩ-nhã* (爾雅) nói rằng ống Thước như ống Địch, đều ngắn và nhỏ hơn, có ba lỗ mà thôi. (H. V. 20).



H. v. 20. Ống Thước.

## IV

### NHỮNG NGƯỜI ĐỜN CÓ TIẾNG XƯA NAY

Nước ta số người hơn mười-lăm triệu; mà kể những tay đờn hay cũng không mấy kẻ, ấy mới biết nghề chơi cũng lắm công-phu, điệu đờn khó không phải dễ.

Xưa thời có ông Dừng với ông Thẩm đờn hay lắm; còn thời ống tiêu thời có ông Tam. nên có câu ca rằng: « Nước Nam có bốn mĩ-miền, NGẠN CỜ, THIỆU VÈ, TAM TIÊU, DỪNG ĐỜN. » Nghĩa là: ông Ngạn đánh cờ cao, ông Thiệu vẽ khéo, ông Tam thổi ống tiêu giỏi, ông Dừng đờn hay.

Kể theo hai ông đó, thời có ông Bền với ông Nhòn. Rồi đến cậu Tống Văn-

Đạt. Trong bài tự sách đờn của ngài Nam-Sách, ngài có nói rằng: « Cậu Đạt nguyên là một tay phong-lưu lắm, thường cứ tới-lui chơi-bơi với những danh-công cự-khanh, ai ai cũng trọng. » Đến sau nữa thời có cậu Ba-Toán; ông Phò 24, tên húy là Trần Quang-Phổ; Đội Chín, con cậu Đạt; Đội Phước, con Đội Chín. Đội Chín giữ được sách nhà, đờn xưng tuyệt-diệu; Đức Đức-Tôn ưa lắm, cho làm suất-đội Nhạc Chánh; đến khi Đội Chín mất, Ngài Ngự thương lắm, truyền đòi con

đền, hỏi con thử có nối nghiệp được không, thời có cậu Phước đờn cũng hay, Ngài bèn cho kể theo đội Chín mà coi Nhạc-Chánh ; cậu Thứ ; ông bá Yến, người Minh-hương ; cậu Khánh ; cậu Trương-Sáu ; ông Thông-phán Châu Hữu-Ninh ; ông Bồ Trương Trọng-Hữu, cậu Cung ở Kim-luông ; ông Hoàng-giáp Phạm Như-Xương, người làng Ngân-câu (Quảng-nam) ; ông Tấn sĩ Đỗ Huy-Liêu, người Bắc-kỳ ; ông Cử Lê Cảnh, người làng Bích-la (Quảng-tri).

Đờn-bà thời có chị Tứ với chị Thiện, nguyên người Nội ra. Chị Tứ đờn hay cả năm cây, thêm trống phách cũng giỏi nữa.

Trong Hoàng-phái thời có ngài Nam-sách. Ngài Nam-sách chẳng những là Tranh, Nguyệt, ngài xưng tuyệt-diệu, mà cây đờn Tỳ-bà ngài cũng quán đờng-thời. Ngài nguyên học với cậu Đạt. Trong bài tự sách của ngài, có nói rằng : Ngài rước cậu ấy về học đến năm năm, mới được truyền y-bát. Ngài Trương-An ; Ngài Tuy-An, hay cây đờn Tỳ-bà ; ông Tịnh-Kỳ, con ngài Định-Viễn ; ông Thông-phán Tôn - thất Toại, hay cả đờn Tỳ với đờn Tranh ; ông Thị Tôn-Thất Linh ; ông Hầu Chí. Ông này đờn Nguyệt chỉ hay được một bài cô - bản mà thôi, mà cũng đã nổi tiếng rằng : « Đờn Hầu Chí, li Hiệu Giò. » Cũng như xưa Tống Kỳ làm thi có một câu hay : « Hồng-hạnh chi đầu xuân-ý nào » (紅杏枝頭春意鬧), thời nổi tiếng rằng « Hồng - hạnh Thượng - thơ ». Ấy mới biết đờn với thi cũng như nhau, hễ hay được một bài, một câu chi, thời cũng đã có tiếng. Ngài Mỹ-Hóa thời ông Tiêu tuyệt-diệu.

Kề về người bây giờ, thời có : Ông Trợ Đông, tên húy là Ưng-Dũng 膺 衡, phòng ngài Gia - Hưng, được

truyền y-bát, ngón đờn đàn-bệ lắm ; những người ngồi nghe ông Trợ Đông đờn, dường như đến chỗ điện-đài cung-các, nghi-vệ nghiêm-trang, tự-nhiên trong mình ké-né không dám ồn-ào. Ông hay đờn Nguyệt mà Tranh cũng hay nữa. Ông Phủ Thông, tên húy là Đoàn Diệu (1) 段 燿 ở An-cự, đờn thăng-mặc lắm.

Ông Kiềm-thảo Trần Trinh-Soạn 陳 貞 讓, họ hay kêu là cậu Cả Soạn, người Minh-hương (Thừa-Thiên), hay cả Tranh, cả Nguyệt, nguyên đặc-pháp của ngài Nam-sách ; ngón đờn tươi lắm. ít ai sánh được, nghe tiếng đờn như rờng múa phụng reo, diều bay cá nhảy, dẫu ai trong bụng có việc rối trăm chiều, sâu chất muôn học đi nữa, nghe đến tiếng đờn của ông Kiềm Soạn, thời vui lòng khỏe dạ, hớn-hở mặt mày, nào sâu-nào đi đâu không biết. Ông Kiềm Soạn chẳng những là đờn hay, mà cờ tướng thiết quán trong cả nước. Bốn thú phong-lưu, chiếm được hết hai.

Cửu-Tâm, tên thiết là Nguyễn Chánh-Tâm 阮 正 心 người Kế-môn (Thừa-thiên), ở Quảng-tri, hay cả Tranh cả Nguyệt, nguyên học ông Đội Phước với ông Trợ Đông.

Ông Hầu Ưng-Biêu 膺 褒, thường hay kêu là mẹ Chín-Thành, đờn tuy đủ cả sáu cây, mà được xưng tuyệt-diệu thời được cây đờn Nhị với cây đờn Độc-huyền ; nghe ngón đờn rúc - rĩa đến xương, thiết như oán, như tố, như khắp, như mộ.

Quan Tuần Nguyễn Khoa-Tân 阮 科 濱, người An-cự (Thừa-Thiên), hiện làm tuần-phủ Hà-tĩnh, đờn Tranh hay.

Quan Thị Ưng-Ấu 膺 蕙, phòng ngài Tuy-Lý, hiện làm Thị-lang bộ Học.

(1) Ông Đoàn Diệu mới qua đời năm Khải-Định thứ 3.

Cậu ấm Phan Đình-Uyên 潘廷諗 (1), thường hay kêu là cậu ấm Ba, người Phú-lương (Thừa-thiên), đờn cây đờn Độc-huyền cũng hay, mà thôi ông Tiêu, thời hiện bây giờ không ai sánh được; tuy thập Tri, đội Thức (đều người Nhạc-chánh) có tiếng ông Sáo hay mặc dầu, mà đến ông Tiêu, thời cũng phải nhường bước trước cho cậu ấm Ba.

Cậu Khóa Hải, tên thiệt là Ngô Phò 吳譜, người làng Bác-vọng (Thừa-thiên), hiện ở tại An-cự, đờn tuy có hơi nay, nhưng mà rộng.

Đờn-bà thời bây giờ còn có cô Phò 24, người dòng Nguyễn-Khoa, làng An-cự (Thừa-thiên), với cô Khỏe (2), con cậu Cung, hiện làm bạn với ông đốc

Soạn (ông Phò 24 với cậu Cung đã kể trước này rồi), đờn Tranh hay. Cô Phò Sáu đờn cũng được mà ca hay lắm.

Ấy là các bậc đờn còn giữ cốt-cách trong điệu chánh-thanh. Người biết đờn cũng còn nhiều, mà thiên về Trịnh-Vệ, hễ hỏi đến cung-diệu nhịp-nhàng, thời lơ-mờ không sách-hoạch gì hết.

Hoặc cũng còn tay đờn hay nữa, mà không có tên vào đây, là tại tôi không có duyên nghe họ đờn, hay là họ không có duyên mà gặp tôi chăng ?

(Kỳ sau dạy cách đờn và có in các bài đờn)

Minh-xuyên HOÀNG YẾN

Tri-huyện Bình-kê (Bình-định).

## DU-LUẬN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

### I

#### TẠI LÀM SAO MÀ SỰ QUỐC-DÂN GIÁO-DỤC KHÔNG CÓ CƠ TIẾN-BỘ ?

*Bản-chí lấy làm vui lòng đăng bài luận sau này của ông TRẦN DUY-NHẤT, vì các ý-kiến của ông, nhất là về quốc-văn, thật là hợp với chủ-nghĩa của bản-chí. Vạy bản-chí có lời biếu đồng-tình với ông, và chắc rằng các bạn đọc báo cũng một ý như thế.*

N.-P.

Quốc-dân giáo-dục là gì ? Là cái học có thể phổ-cập được khắp mọi nơi, khiến cho mọi người trong nước đều có cái tri-thức phổ-thông để sinh-hoạt ở đời. Muốn thế, mà muốn phổ-cập một cách nhanh-chóng, mà vẫn bảo-tồn được cái hồn của nòi-gióng thì phải học thế nào ? Quyết là không thể lấy ngôn-ngữ, văn-tự của nước ngoài mà truyền-bá được ; vì học chữ ngoài thì trừ-phi tiêu-tán mất cái thanh-âm văn-tự là cái hồn của nòi-gióng mình, lại phải cái khổ học cho thuộc chữ,

nhớ tiếng, rồi lại phải diễn ra tiếng mình thời mới hiểu rõ, khác nào cũng một con đường mà phải trở đi, lộn lại, hai ba lần, rồi rành công toi vất đi vô-ích ! Vì để cái công ấy mà học trực-tiếp ngay bằng chữ mình thì chẳng là tấn-tốc lắm ru ?

Nhưng ngàn thay ! học-giới nước ta xưa nay, một là có lòng vị-kỷ, tự-cao chỉ muốn học cho hay lấy một mình, để mà lên mặt với nhau ; hai là lười-biếng trí - khôn, không chịu sáng-kiến phát-minh ; ba là có tính

(1) Cậu ấm Ba đã qua đời năm Khải-Định thứ 4.

(2) Cô Khỏe cũng đã mất năm Khải-Định thứ 3 rồi.

hiển-kỳ, kinh tinsách ngoài như Thánh như Thần, cho là bất-di bất-dịch; bởi thế học chữ Hán trải mấy nghìn năm, mà không nhân đó định đặt lấy một thứ chữ riêng cho đích-dáng dễ người mình dùng cho chóng phổ-thông, như chữ Quốc-ngữ của ta ngày nay vậy.

Ôi ! quý-hóa thay là chữ Quốc-ngữ, thần-diệu thay là chữ Quốc-ngữ ! Chữ Quốc-ngữ thật là có cái tài biến-báo một cách nhanh-chóng lạ thường ! Ai mà đã học thì chỉ trong vài ba tháng đã biết đọc biết viết như chơi, chớ chẳng như học chữ Hán ngày xưa, có người học như cuộc kêu mùa hạ, thâu đêm suốt sáng, vừa hại cho tinh-thần, vừa hại cho sức-lực, mà thập-niên đặng-hỏa mới đọc viết thông-thông. Có phải chữ Quốc-ngữ có cái tài rút vắn được năm, tháng, ngày, giờ, khiến cho người ta đương già hóa trẻ, đương tử hóa vui không ? Thử hỏi suốt trong thế-gian này có cái chữ nào học mà chóng biết được như thế không ?

Ấy chữ của mình quý-hóa như vậy, mà người mình có biết quý biết dụng đâu ! Cứ thấy cái hình-dạng của chữ mà chỉ - định sai-lầm, chớ có nhận vào phần trong là cái thanh-âm, do thanh-âm mới tả ra hình-dạng là chữ đề mà ghi nhớ lấy đâu ! Gần đây các bậc thông-minh trong nước, có cái nhiệt-thành thương tiếng yêu nước, thấy thế không được yên tâm, mới khởi ra cải-chính chữ quốc-ngữ là chữ Việt, chữ Nam, hay là chữ ta cũng vậy ; rồi các ngài lại đứng đốc-công xây luôn ngay lấy nền Nam-học nhà mình, Nam-học ấy mới chính là cái cốt của sự quốc-dân giáo-dục vậy.

Ôi ! hai chữ Nam-học quý-báu rực rỡ kia xuất-hiện đã trải mấy thu rồi, khác nào hai vầng Nhật Nguyệt chói-lọi một góc trời Nam. Nhưng ngăn thay ! chẳng bao lâu lại bị những đám

mây độc-địa kia che lấp, tuy nhờ ngọn Nam-phong, mra Trung-bắc, xua đuổi đi, hóa-tán đi, mà vẫn khi tỏ lúc mờ, khiến cho quốc-dân ta không được hưởng cái ánh-sáng ấy. Nói cho đích, là sự Quốc-dân-giáo-dục hay là Nam-học này mà chưa thấy kết-quả gì, là bởi — ngoài những duyên-cớ mà lâu nay đồng-nhân ta từng kêu-ca bình-phẩm, là cái bôn-phận và cái phẩm-hạnh của tân cựu giáo-sư — tựu-trung lại còn mấy cái duyên-cớ như sẽ nói ở sau này nó ngăn - trở.

Mà muốn biết những duyên-cớ ấy thế nào, thì không gì bằng cứ xét ngay hiện - tình các trường Sơ-đẳng yếu-lược là cái khuôn đúc ra những người có phổ-thông giáo-dục, xem nó khuynh-hướng ra thế nào, thì mới tìm mối mà gỡ được.

Những trường Sơ-đẳng yếu-lược, cách dạy tách ra hai phương-diện : một bên thì Giáo - sư có bằng Sư-phạm cũ dạy Nam-ngữ kiêm Hán-tự ; một bên thì Giáo-sư có bằng Sơ-đẳng - Pháp - Việt, dạy Nam - ngữ kiêm Pháp - ngữ. Xét ra hai phương-diện ấy tuy khuynh - hướng khinh trọng có khác nhau, mà chung-quicũng chẳng bên nào được thành-tựu cả. Bởi kẻ nào mà còn học ở các trường này thì toàn là kẻ bị chắt lại, vì không có tư-lực lên trường tỉnh học được ; lại là những kẻ bị thải ra, vì nghèo khó không có sức nuôi thầy học ở nhà ; thành ra trên ép xuống, dưới ép lên, mới bắt ra hạng học-trò quý-hóa này ; dân nhà-quê cho hạng ấy là hạng nhõ-nhàng, cho học xoàng-xoàng, vừa làm vừa học, chớ không phải học đề ra đua-dẫn với đời.

Thế cho nên trong học-qui đã định : « Cứ đúng 7 tuổi thì bắt-đầu vào học lớp Đồng-ấu, mà vào học thì cứ từ đầu niên-học hay là niên-thủ ». Vậy mà đàng này thì thường có kẻ đến 17,

18 tuổi mới vào học, mà bất-cứ ngày nào, tháng nào cũng có người đến học. Có lẽ mỗi người học-trò tức là mỗi tuổi, mỗi lớp, cũng không phải là nói ngoa vậy. Nói đến sách học mới lại chán nữa ! Trường nào dạy kèm Hán-tự thì kẻ mới vào học tiên-tương hãy vác ngay quyền sách nhỏ (hoặc Tam-hoàng, Ngũ-đế ; hoặc Tứ-thư Ngũ-kinh v . . . v . . .) mà trấn-át thầy, ra điều ta đây chung-ái chữ nhỏ lấm lấm, rồi nói : « Hề con học hết chữ Quốc-ngữ rồi, thì thầy cho con học quyền sách này nhé ? » Khốn nạn ! nào có phải thầy không biết thế là trái lẽ đâu ; nhưng cũng cố nhắm mắt đưa chân mà chiều lòng chuẩn-hứa ; không có thì nó sẽ nguây-nguây cắp sách về, thì nguy cho thầy, vì thầy sẽ mang tiếng là ngồi nhà lương không vô ích. Còn trường nào dạy kèm Pháp-ngữ thì kẻ mới đến học cũng đoán-róc với thầy rằng : « Hề con học hết chữ Quốc-ngữ rồi thì thầy cho con học ngay chữ Tây nhé ? » Đàng này thì thầy hoan-ngheh lăm, vì có thể thì lại càng tăng giá-trị cho mình, mà lại dễ bùng mắt nó, qui-hồ chỉ chiếu-lệ cho kêu gào con lợn con giê cho qua lần đoạn lượt cũng xong.

Ấy bởi cái quyền-thế của kẻ đi học ngày nay to-tát tự-do như vậy, thì thầy dạy làm sao cho hợp chương-trình qui-tắc được, mà dẫu có hợp thì họa-chẳng chỉ hợp được quyền sở-luân-chuyên và quyền sở-soạn-bài đề-phòng khi lý-khám đấy thôi ; vở học của học-trò thì nhiều khi cũng hợp, nhưng hợp một cách khác, như : kẻ nào vì lẽ phong-tục, sự hoạt-động riêng mà phải nghỉ học, thì hôm nào đến học chịu khó chép lấy bài ở *Học-báo* hay ở sở-luân-chuyên mà làm cho đủ bài, chớ không cần phải học, mà cũng không cần phải nghe giảng

Xét ra những nguyên-nhân ấy đã cõ-nhiên là không hiểu chương - trình

qui-tắc rồi ; duy cái cơ sở-dĩ làm sao mà không hiểu ấy xem ra chỉ bởi dân-gian không biết cái giá-trị, cái mục-dịch của cả ba thứ học là Hán, Pháp, Nam ra làm sao, mà học sai đi cả, nay xin chứng-dẫn như sau này.

10/ *Cái mục-dịch học Hán-tự.* — Cái mục-dịch học để đi thi ra làm quan là cái mục-dịch đối với đoàn-thể xã-hội thì nay đã thuyên-chuyên sang mặt khác rồi, duy còn cái mục-dịch mê-tin ở khắp dân-gian thì khó lòng mà cảnh-lĩnh cho được. Kia như ngày nay trong chốn dân-gian vẫn học Hán-tự một cách sầm-uất, vẫn sùng Hán-tự một cách tôn-nghiêm ; duy cái cơ sở-dĩ làm sao mà sùng-học ấy xét ra không phải vì bảo-tồn mà học, vì chỉ có nệ-cổ, chớ không có lòng ái-cổ ; cũng không phải vì tu-thân luân-lý mà học, vì ngày nay trừ sức kim-tiền ra tưởng không còn gì mạnh bằng, và cách tu-thân xử-thế cổ-thời ấy có lẽ ngày nay cũng không hợp mấy ; mà cũng không phải vì bổ-khuyết quốc-văn, vì chữ mình còn chẳng biết, còn thiết gì đến quốc-văn. Như nay thử hỏi họ rằng : « Học Hán - tự để làm gì ? » thì một trăm người có đến chín-mươi-chía người đáp : « Học lấy chữ nhỏ để mà cúng-vái, đọc văn-tế, xem văn - tự, viết đơn - từ, làm đối, trường . . . » đấy. Ôi ! Sự học to rộng khác nào trời bề mệnh-mông, mà cái học chỉ khả - dĩ đề mà cúng - vái, đọc văn, viết đơn kiện mà thôi, nghe ra nó bồi-hồi trong dạ quá ! Có dễ suốt đời cứ ngồi nhịn mà cầu-khẩn Thần-minh ủng-hộ, cho không phải ăn mà no mãi hay sao ? và có dễ cứ bán ruộng cầm nhà đi đề mà mua lấy cái chức đọc văn-tế để tranh thịt tranh xôi, rồi mà xô-xát nhau, kiện-cáo nhau cho thỏa hay sao ?

20/ *Cái mục-dịch học chữ Pháp.* — Trước hết hãy nói : học chữ Pháp



chẳng qua cũng chỉ là nói hão mà thôi; vì nói được mà chính mình vị-tất đã làm được việc gì có ích-lợi trông thấy nhân-tiền, nghĩa là không kiếm được tiền vậy. Nhất là ở cái thời-đại này, phi tiền với quyền thì nói chẳng ai nghe, đe chẳng ai sợ, đạo-dức cũng xếp xó, tài-năng cũng gác lên. Vậy mà hai cái Hán-học và Pháp-học thì thật là chiếm-đoạt được cả hai cái của báu thứ-nhất ở đời này là tiền với quyền, gia-đĩ lại chiếm một cái địa-vị về đảng-tin-ngưỡng nữa, thì Nam-học còn cựa làm sao? Ấy là hai cái học ấy nó mới đứng riêng một địa-vị, nhiệm riêng vào một con người, mà cái sức đã mạnh ghê như vậy! Vô-phúc mà nó lại dung-hợp vào một người nào thì rõ thật chẳng khác gì hồ kia mọc cánh, ung nọ thêm chân, khiến cho cái nhuê-khí dục-vọng tham-ô càng thêm gớm-ghiếc!

Nay muốn xé tan cái màn u-ám ấy để dân-gian trông thấy cái ánh sáng Quốc-dân giáo-dục thì phải diên-giải cho họ hiểu biết mấy cái mục-dịch, cái lợi-ích của mọi sự học như sau này, nhân thế lại phá cái nghi-án của họ mê-tin chữ nhỏ nữa.

### 1. — Cái mục-dịch học phổ-thông và cái lợi-ích học trực-tiếp bằng chữ Quốc - ngữ.

a/ *Sự học phổ-thông.* — Học phổ-thông là gì? Là cái học mà phàm người ta đã xứng cái tên gọi là người, mà muốn giữ được cái địa-vị cao hơn muốn loài muôn vật, thì tất là phải học. Mà học phổ - thông ở bậc Sơ-đẳng này tức là bước qua cái cổng làng sự học mà ra, rồi tùy ý muốn đi phương nào thời đi, làm nghề gì thì làm. Vậy thì bước này coi tuy tầm-thường, mà kỳ-thật quan-hệ cho đời người ta lắm vậy. Thí-dụ như thế còn khi khó hiểu, muốn thí-dụ cho dễ hiểu hơn thì phải tỉ người ta lúc còn nhỏ, lần - quất ở chốn gia - đình

chẳng qua chỉ như cái trứng ở trong ổ trứng; duy đảng này thì có tri-giác vận-động, mà cái tri-giác vận-động ấy chẳng qua cũng chỉ đói thì muốn ăn, khát thì muốn uống, nhưng không biết sợ-dĩ làm sao mà có ăn có uống, cái tính ấy là cái tính « duy-kỷ » rất độc-ác xấu-xa. Cái tính duy-kỷ ấy nếu không chữa đi, để nó lớn lên thì sẽ chuyển thành cái tính « sát-tha » khốc-hại. Thế cho nên phải có giáo-dục; giáo-dục mà đã phổ-thông rồi thì tức là trút bỏ cái lối xấu tính hư kia đi, để biết cách làm người và để biết đại-lược về cách sinh-hoạt ở đời, tức cũng như con chim nó nứt cái vỏ trứng mà ra, đi kiếm ăn vậy. Người nào mà không học thì chẳng khác gì cái trứng ung trứng thối, bề ngoài thì vẫn nguyên hình cái trứng, mà kỳ-trung thì rất tởm rất ghê. Cũng như câu cách-ngôn của Tiên-nho ta: « Phú nhi vô-giáo, tặc cận ư cầm-thú », nghĩa là giàu mà không có giáo-dục thì cũng chẳng khác gì giống chim muông vậy. Câu ấy không phải chủ-ý chỉ - trích riêng nhà giàu đâu. Ngụ-y là đã giàu thì tất no đủ, hẳn không tàn-bạo cho lắm, thế mà cũng chẳng khác gì chim muông, hưởng chi lại phải cái tội nghèo nữa thì còn độc-ác tàn-nhẫn đến đâu, thì không biết tỉ với giống gì cho xứng! Thế nhưng mỗi thời mỗi khác, giàu ngày xưa thì còn hào-hoa bố-thí, chớ giàu bây giờ, nhất là kẻ giàu ở chốn thôn-quê, cho vay một vốn mấy lời, gà què ăn-quần cối xay, cho nên có làng bị một tay kẻ giàu nó chiếm mất quá nửa phần điền, khiến cho lắm người không còn lấy một sào, một thước, đến nỗi phải ly-biệt kẻ bắc người nam mà mang thuê vác mướn, bỏ quán bỏ quê! Ôi! giàu như thế phỏng có đáng không? nghèo mà nứt cho lắm, phỏng có ngon không? Tổng-chi chỉ bởi không có giáo-dục mà ra cả. Sao lại bảo rằng họ không

có giáo-dục, thế họ chẳng đi học là gì ? Thưa rằng : Có học, nhưng chú-ý chỉ học lấy chữ, để xem cho thông văn-tự, rồi mà hút cho lăm, vét cho đầy, cho nên bảo rằng không có giáo-dục cũng không phải là nói quá vậy.

*b/ Cái lợi-ích học phổ - thông bằng chữ Quốc-ngữ.* — Cái lợi-ích học chữ bản-quốc (Quốc-ngữ) đối với thiếu-niên học-giả nước mình có cái trợ-lực rất mạnh rất to ! Bởi tiếng mình thì ai cũng biết sẵn từ lúc bập-bẹ mà ra, nghe đã quen, nói đã thạo, vì đã qua một cái trường học tiếng rồi, — trường học tiếng là trường gia-đình giáo-dục vậy, — đến lúc đi học thì chỉ phải học cái hình chữ, để mà bày-tỏ những tư-tưởng ý-kiến của mình ra, và để ghi nhớ giúp cái óc về những điều mình đã học đã biết cho khỏi quên nhãng đi. Chớ nếu lại bắt học luôn ngay một thứ tiếng nào nữa, thì khác nào lại phải « tái-sinh » làm một giống người ấy, nghĩa là lại bập-bẹ bằng cái tiếng ấy một lần nữa. Cứ cái lý tất-nhiên như thế thì ai ai cũng biết rằng phi học bằng tiếng của mình thì không chóng phổ-thông được.

Ấy là cái học mình đối với mình, kể đi học đối với chính kể đi học, mà cái lợi-ích đã to-tát như vậy, lại còn cái lợi-ích gấp mấy muôn phần là cái lợi-ích kể học-giả đối với chúng-nhân trong quốc-dân xã-hội nữa ; nhất là một xã-hội như xã-hội của ta ngày nay, con đường sinh-hoạt còn đương eo-hẹp, sự giáo-dục còn mười phần khiếm-khuyết, thì nghĩa-vụ kể học-giả — nhờ được vận-hạnh có lực theo đòi học-tập được — lại phải nghĩ đến phần nhiều người khác mà chia-bôi san-sẻ cái quả giáo-dục vừa ngọt vừa bùi cho nhau ; nghĩa là nên học thế nào cho đã hay vào mình, lại phải ảnh-hưởng lưu-truyền đến mọi người khác mới phải. Sự đó tưởng chẳng

khó-khăn gì, miễn là chỉ học bằng Quốc-văn là đủ. Quốc-văn tức là tiếng của mình, tiếng của người mình, thì người mình ai nghe cũng hiểu ; vậy thì mình học ở nhà tức là học giúp cho cả nhà, cả xóm, cho chí cả làng ; mà đi đến đâu tức là đem cái hát-giống sự học tốt tươi mà gieo vung ra đến đấy, rồi mình lại thu-nhập lấy những điều khôn lẽ khéo mà thiên-hạ đã thả-ra. « Đi khúc dăng, học sàng khôn », phần nghe người bảo, phần bảo người hay, trí-khôn san-sẻ cho nhau, lợi-ích cùng hưởng với nhau. Nếu ai ai cũng mang một cái tư-tưởng như thế, cũng sẵn một cái hi-vọng như vậy, thì tưởng chẳng bao lâu mà quốc-dân sẽ thành một quốc-dân có giáo-dục thông-thường vậy. Đây là mới kể sự học sơ-đẳng tầm-thường, cách truyền-bá vô-hình giản-dị, làm ra chẳng phải công-phu gì mà sự lợi-ích đã bao- quát đường vậy. Chớ như cao hơn nữa là diễn-thuyết. Với bảo-trương là hai cái động-cơ truyền-bá văn-minh rất mãnh-liệt, rất tài-tinh mà cũng dùng bằng quốc-văn thì cái lợi-ích lại là vô-cùng vô-cực. — Thế nhưng muốn cho đồng-bào ta hồi-cổ đến cái tổ-mộ quốc-văn, thì trước hết học quốc-văn cũng phải có cái lợi-hữu-hình, nhất là ở vào thời-đại « duy-lợi-thị-cầu » này, thì lại cần phải thi-hành cái chủ-nghĩa ấy lắm. — Vậy ai ơi, có phải là giống người Nam, thì phải yêu lấy tiếng Nam, dùng lấy tiếng Nam ; chớ đừng có như ai chỉ những tham thanh chuộng lạ, động thấy của người là tối mắt lại, mà của mình thì khinh-thị cho là mọi-rợ nô-m-na, không thèm nói, chẳng thèm nghe. Nghĩ đến thăm-thê khôn xiết ! . . .

Trở lên là nói chung cả người nước nào mà học ngay bằng chữ quốc-ngữ của nước ấy — tiếng quốc-ngữ là tiếng chung của người các nước xưng-hô cái chữ của mình, như người

Pháp thì gọi chữ Pháp là quốc-ngữ, ta gọi chữ ta là quốc-ngữ, vân vân, — thì đều tiện-lợi như thế cả, chớ không những người mình học chữ mình mới tiện-lợi thế đâu. Duy chữ của người ta thì người ta trọng-vọng tin-dùng từ đời kiếp nào đến nay, người ta chịu phát-minh suy-nghĩ, nghiên-cứu sru-tầm, hết đời ấy sang đời khác, cho nên đến giờ mới dư-dật phong-đăng như vậy. Chớ như tiếng mình thì người mình coi khinh coi bỉ, tình-phụ hàng mấy mươi thế-kỷ nay; mãi đến sáu bảy năm rầy mới có ít người — vạn ức người mới có một người yêu-dấu — thế mà đã sinh-sản ra không biết cơ-man nào là con - cái Nam-âm; giá ta mà chịu học, chịu dùng, chịu tài-phùng nghiên-cứu mà cử-quốc đồng-nhân cùng nghĩ như thế cả, thì chưa biết chừng bây giờ đã giàu có đến thế nào rồi; chớ còn đâu ở cái cảnh-huống bần-hàn trong lúc này, là cái lúc người ta đương thi nhau bay-bồng tận mấy tầng mây, tò-mò tận đâu đây biển, mà người mình thì lăm người còn ngu-si dốt-nát, mờ-hồ không biết gì đến thiện-hạ-sự cả!

## 2. — Cái mục-đích học chữ ngoài để làm gì, và cách học thế nào cho phải.

Trong sự học chữ ngoài gồm lại có hai mục-đích: một cái thấp, một cái cao, một cái hẹp, một cái rộng, hay là một cái thuộc về vật - chất, một cái thuộc về tinh-thần.

a/ *Thuộc về vật-chất*, là cái mục-đích của mỗi người cần học lấy chữ lấy tiếng để giao-thiệp trực-tiếp hay là thư-tín vãng-lai; hoặc hỏi-han trong khi du-lịch, hoặc giao-tiếp những lúc bán buôn ở nước ngoài; chớ không phải như lăm kẻ rởm-đời mà vô-lẽ, ở nước mình, người mình với nhau nói truyện cũng dùng tiếng ngoại-

quốc, thế là không hiểu, chớ như thế có khác gì định ăn cắp hay là nói vụng người ta thì mới rõ cái lối giấu-giếm thăm-vụng ấy ra chớ!

Về cái mục-đích học để giao-thiệp này, như ta học chữ Hán ngày xưa thì thật là vô-dụng, vì cũng một thứ chữ mà mỗi nước mỗi xứ nói một giọng khác nhau, cho nên phi « bút-đàm » thì không hiểu; nhưng không có lẽ trong một nước — nhất là các nước phương Đông này — từ nhi-đồng, phụ-nhụ, ai cũng biết chữ cả hay sao? mà bảo lâm-thời « bút-đàm » được? Chẳng qua trong một nước phần nhiều người chỉ biết tiếng không thôi, chớ mấy người biết chữ. Thế mới biết muốn cho một dân-tộc ai ai cũng cầm được bút viết thì thật là khó; chẳng qua chỉ học khôn học khéo bằng miệng nói mắt trông, bằng cách giáo-dục phổ-thông trong trường thiên-nhiên-học-hiệu. Ấy tiếng đã có sẵn rồi, chỉ còn thiếu vạch ra chữ nữa, mà cũng không sao học mà vạch ra được; vậy mà có người còn mơ-tưởng những « đem tiếng đem chữ nước ngoài mà truyền-bá cho khắp bàn-dân mình, lấy đấy làm quốc-văn thay cho tiếng mình, » thì thật là không biết nghĩ. Có họa dùng đến phép Tiên đem nặn ra một xã-hội giàu-thịnh mới mà cho học như thế, thì mới có thể được.

b/ *Thuộc về tinh-thần*, là cái mục-đích đối với toàn-thể quốc-dân xã-hội mình mà học; phái này trong một nước chỉ độ mấy mươi người — mỗi môn một vài người học — cũng đủ; nghĩa là học lấy mọi đường học-thuật của nước ngoài, đem về lấy chữ mình mà hoặc dịch-thuật sách ngoài, hoặc trước-tác tổng-quát để truyền-bá cho quốc-dân mình cho chóng. Học như thế tức là thu lấy tinh-thần tư-tưởng của sách ngoài thôi, chớ không phải đem cả chữ ngoài về dạy người mình

học; cũng như mình thấy cái nhà ở nước ngoài to-cao đẹp-đẽ, mà mình muốn làm được như thế — và có thể khéo hơn thế — thì mình họa lấy kiêu-mẫu ấy đem về lấy vật-liệu của mình mà làm; chứ không phải khiêng cả cái nhà ấy đem về nước mình mà dựng lên đâu; như thế thì dầu phép thần-thông cũng không sao được! Thế nhưng muốn làm được cái nhà cao đẹp như vậy, thì ta không thể lấy tre lấy đất mà đắp nên được, tuy ta không có đâu những xi-mo, hòa-thô mà làm, nhưng ít ra cũng phải làm đến gạch, gỗ, cát, vôi, muối, thì mới chắc. Cũng như muốn dịch-thuật hay trước-tác cho khỏi kém tinh-thần tư-tưởng của sách ngoài đi, thì văn của mình cũng phải cao đã, tuy không bằng được văn của người, nhưng cũng phải suy-tư-soát mới được. Ấy bởi thế mà dân ta đối với chữ Hán có cái quan-hệ mật-thiết đặc-biệt hơn cả, là đề pha vào Quốc-văn ta cho chóng cứng rắn lên thì mới có thể chịu đựng nổi những tư-tưởng học-thuật của Thái-Tây được; báo *Nam-phong* sở dĩ có giá-trị hơn cả là bởi noi theo cái mục-dịch, cái tôn-chỉ như đã nói ở trên. Cứ thế thì cần gì phải lăm người học, thiết-tưởng suốt trong tam-kỳ, mà mỗi kỳ có độ một tập báo như báo *Nam-phong* này, thì có lẽ chẳng bao lâu quốc-văn ta sẽ được tinh-kiên với văn người, để người khỏi cười rằng ta vụng!

Về mặt học đề dịch-thuật trước-tác này, như ta học chữ Hán ngày xưa — cả đến chữ Pháplúc mới đầu nữa — cũng lại là vô-bổ nổi, bởi vì bấy giờ chữ ta chưa thành hình thì lấy gì phiên-dịch sang? Chẳng qua chỉ cắt nghĩa truyền-khẩu, rồi lại quên nhãng đi, học như thế có khác gì «bất bóng» không? mà vừa tốn công vừa vô-ích. Hai nữa là tiếng mình không được giời-giàu, thành ra cắt nghĩa chặt-chẽ câu-nệ, làm cho mất cả cái tinh-thần tư-tưởng của sách ngoài đi, tông-chỉ lỗi tại mình cả. Cho

nên muốn học chữ ngoài cho hay cho giỏi thì trước hết cái học của mình cũng phải thông đã, cũng như câu: «Anh-hùng nhiên-hậu thức anh-hùng», nghĩa là muốn biết bụng người thế nào thì trước hết mình cũng phải có cái bụng như thế đã.

Vậy thì nay có thể tóm một câu rằng: Muốn học chữ ngoài cho giỏi thì mình cũng phải có cái trí-thức phổ-thông đã, rồi sẽ học, cũng như phá cái đất hoang đi rồi muốn trồng thứ gì thì trồng, gieo giống gì thì gieo.

### 3. — Ngoài sự học đề pha vào Quốc-văn thì trong quốc-dân không phải dùng toàn-bức Hán-văn nữa.

Cứ như hai mục trên đã nói, thì hẳn ai cũng biết rõ rằng dân ta ngày nay chỉ nên học nguyên Quốc-văn mà thôi, để chóng phổ-thông và mau phổ-cập, còn chữ ngoài — nhất là chữ Hán — thì chỉ một phái học cho giỏi mà thôi, phái học ấy chỉ bằng một phái triết-học ở một nước cũng đủ, mà cái mục-dịch học thì vừa đề bảo-tồn lấy tinh-thần Hán-học, vừa đề pha thêm vào Quốc-văn, giúp cho quốc-dân khỏi phải học Hán-tự cho tốn mất thì-giờ, mờ cả óc sáng đi. Thế nhưng cứ như trên kia đã nói thì ngày nay trong chốn dân-gian còn học chữ nho để cúng-vái, đọc văn-tế, xem văn-tự, viết đơn-từ và làm đối-trương kia mà, thì làm thế nào mà tỉnh ra cho được? Nhưng phải giảng cho họ biết rằng như thế thì thật là làm-lấn dấy; cái làm ấy từ xưa đến nay chưa từng thấy ai xưng lên cho dân-gian sửa đổi, đề đến nổi tập-quán thành phiến. Nay phải chữa liền ngay mới được.

a/ *Khẩn vai Tô-Tiên*. — Ngày trước chữ nho có phổ-biến trong quốc-dân ta, nghĩa là ai ai cũng hiểu chữ nho

cả không? Hẳn không. Đã không thì sao lại dùng chữ nhỏ mà khấn - vái, còn ra nghĩa-lý gì? Thậm-chí có kẻ u-mé, chữ nhất là một không biết, mà cũng đọc truyền-khẩu một bài khấn bằng Hán-văn đề lâm-thời đem ra cúng khấn vong-nhân cũng giốt-dặc như mình, có khi là nhi-dồng phụ-nữ nữa, thì thử hỏi có vô-lý không? Nhưng mà không, chẳng trách được, vì trước kia ta có chữ riêng đề mà ký-tái đầu. Chỉ có chữ Nôm thì không thể được, vì sợ lảm chữ nhỏ-nháy ở bên, rồi nó sai-lạc đi, vậy chẳng ký-tái bằng chữ nhỏ thì còn làm thế nào được? Bây giờ ta đã có chữ phân-minh rồi, tội gì phải dùng cái lối ám-muội và trái lẽ ấy nữa; bụng ta nghĩ làm sao thì ta vạch ngay thế ấy, đọc ngay thế vậy, đề ta cũng hiểu mà tiền-nhân ta cũng hay. Còn như gia-phả, chúc-thư, trước kia làm bằng chữ nhỏ, thì nay đem dịch ra một bên chữ nhỏ, một bên Quốc-ngữ, đề mọi người cùng đọc, cùng nghe, cùng xem, cùng hiểu một cái lịch-sử gia-tộc nhà mình; chẳng hơn là cứ đề: Cao-cao, Tằng-tằng, Tở-tở, Tỷ-tỷ, thì mấy người đã biết mà biện-biệt cho ra.

b/ *Đọc văn tế Thần.* — Thần Thánh thì lúc sinh-tiền có phải là người Việt ta không? Có, vậy thì chi bằng ta làm văn-tế bằng Quốc-ngữ (chữ ta), rồi ta đọc thẳng ngay bằng tiếng ta, phỏng có tiện và hợp lẽ không? Can chi mà phải mua hơi mượn tiếng cho phiền. Thế cũng đủ, nhưng còn một lẽ cao hơn nữa, là không cứ Thần Thánh sinh hóa ở đây mà ta dùng quốc-âm tế vái đã đành. Kìa như các Cổ truyền-giáo ở đây chẳng cũng đem phiên-dịch sách Đạo bằng tiếng La-tinh ra tiếng ta đề ta cầu-nguyện là gì? Và chính các Cổ cũng đều thông tiếng ta cả. Bởi lẽ đạo-giáo xưa nay đi đến đâu là thích-hợp ngay đến đấy, thế mới gọi là quảng-dại từ-bi. Không những thế, đến như

người trần đi đến đâu cũng phải uốn mình noi theo phong-tục ở đó; cái lẽ « nhập quốc vấn tục » xưa kia Thánh-Hiền vẫn từng thi-dụng, nghĩa là đến một nước nào thì trước hết phải hỏi phong-tục của nước ấy thế nào đề mà theo cho khỏi phân-trái cái tâm-lý, cái lẽ-nghĩa của người ta. Mà muốn hỏi tí-mỉ thì hỏi bằng gì? Không lẽ bắt cử-quốc người ta phải biết tiếng mình đề mình hỏi được! Tất phải hỏi bằng thổ-âm của người bản-xứ. Như ngày nay các quan Bảo-hộ mà vị nào hiểu thấu những tinh-tinh phong-tục của ta, thì dịch là vị ấy thông-hiểu tiếng ta vậy. Lại còn một lẽ cao-dẳng phổ-thông nữa, là người ta đối với Qui-Thần chỉ cốt lấy lòng thành mà biểu-lộ ra cái lửa con mắt cũng đủ thấu đến cửu-trùng được, cũng như câu « tâm động Qui-Thần tri », hay là « Phật tức tâm, tâm tức Phật » vậy; can chi mà phải năn-ni vật-vã bỉnh như đầu-thân giá-họa sao nên! Đến như trần-gian có người thông-minh sáng-suốt, kẻ khác muốn cầu-khẩn vật gì, có khi chẳng đợi phải nói-nặng chi, mà người ta cũng hiểu suốt, nữa là Thánh Thần.

Nay phải giảng giải cho họ hiểu những lẽ đó, bảo từ rày cứ chữ mình mà cầu, tiếng mình mà tụng. Còn như Phật-kinh Thánh-chí, văn tế, văn bia cũ bằng Hán-tự thì nay nếu người nào có dạ thông-minh, có lòng vị-đạo, có nghĩa vị-tha, xót-xa vì thế-sự, thì cũng nên đem dịch ra Quốc-âm, đề vừa tụng vừa nghe vừa hiểu được, rồi mà cứu lại cái nhân-tâm mục - nát ngày nay; chớ cứ đề như trước, cả đời ẽ-a tụng-niệm mà mang-nhiên không biết chân-lý là đâu, lịch-sử thế nào, đến nỗi đường thẳng hóa ra bển mê, mà cửa từ-thiện bờ-đề biến ra trường đua-chen danh-lợi! Thì ra trước kia họ cứ tưởng cửa Thần cửa Phật là chỗ bá-cáo việc riêng, yêu-cầu lợi nhỏ;

mà kinh văn thì hễ tụng-niệm được nhiều là thành quả phúc, chớ không phải để đọc cho hiểu, mà khuyến-giới nhân-tâm, tự-tân cải-quá, bỏ lòng tà-dục; thế mới gọi là mê-tín, hèn nào mà tôn-giáo chẳng suy-đổi truy-liệt!

c/ Văn tự, văn khế giấy-má, đơn-lư. — Nay xin Nhà-nước thi-hành cái lệ phàm văn tự văn khế phải làm bằng Nam-ngữ thôi mới thấu-nhận duyệt-phê, không thì bắt phải đi về làm lại. Còn như giấy-má việc quan thì trước đây trong Bộ đã lục - tư vàng lời Thánh-dụ: « Phàm các giấy-má việc quan là thuần dụng chữ quốc-ngữ cả ». Không biết rằng các ngài thuộc-hạ đã phụng-hành và đã ban-bố cho dân-gian tuân-hành chưa. Nếu chưa thì xin kíp thi-hành ngay cho khắp.

d/ Cầu đổi, bài trướng. — Cái tục làm đổi trướng hiểu hỉ này không những kiêu-tinh cô-lậu, mà lại hại lấy sang con đường lý-tài nhiều lắm, hai đứa con bất-tiểu ấy, từ xưa đến nay nó phá hại không biết cơ man và mở nào là cửa-cải cơ-nghiệp ở cái nhà Nam-Việt này, nào liên Tàu, nào nhiều vóc Tàu, nào vóc Tây, vóc Tây, nào kim-tuyến chỉ mũi, nào kinh lồng hột bột, vân vân. Xét ra chẳng qua người mình có cái tính tự-phụ tự-khoa, phò-trương kiêu-hãnh, chớ chưa hề có mấy ai đã biết đem con mắt cảm-linh với tấm lòng trong-sạch mà chia-bôi việc buồn vui của kẻ khác; cái tâm-lý của người đem đổi trướng đi phúng đi mừng thì thế, đến như cái ý-chỉ của kẻ nhận những đổi trướng ấy thì lại chuộng cái hư-danh tăng-bớt, mà không có cái mỹ-tính mỹ-tính không biết cách xếp-đặt trong gia-đình cho huy-hoàng lịch-sự; cứ thích lòe-loẹt rườm-rà, nguy-nga lộn-xộn. Sao không noi gương nhả-nhận của người Qui-quốc chỉ dùng mảnh giấy mà quảng-cáo hay đăng báo, rồi

diễn-hỉ diếu-tang cho khắp vùng cổ-quốc tha-hương thấy đều chia buồn sẻ thú; có phải phong-thú cao-thượng là đường nào? mà lại có cái ý khuyến-khích nhân-tâm, ai ai cũng muốn làm nên sự-nghiệp hơn người để cho nhân-quần tưởng-vọng, hậu-thế cảm-hoài, mà không hao-phí tiền tài, chết trâu, chết lợn. Nay hễ cải-lương theo gương Qui-quốc mà làm bài diên bài diếu tất phải dùng bằng Quốc-văn, thì cái xa-phí về sự làm đổi trướng tất cũng bỏ dần đi hết.

Nói tổng-lại là ở dân ta từ việc tế Tồ, sự Thần, cho chí việc giao-tình giao-tế, nhất nhất vật gì cũng đều ngưỡng-cấp ư ngoại-nhân, lớn từ đổi trướng nghĩ-môn, màn quần áo nỉ, cờ quạt tán tàn, cho chí nhỏ từ bao sáp, thẻ hương, gói chè, bánh pháo, vàng mã vân vân, là toàn dùng ngoại-hóa cả, chung-qui chỉ « thủ hư-danh » mà « thụ thực-họa » đấy thôi; đồng-bào ta ơi, mau mau tỉnh-ngộ!

Nay đã diễn-giải cho quốc-dân hiểu biết cái mục-dịch, cái lợi-ích của mọi sự học rồi và đã xướng lên quyết phá cái nghi-án về sự dùng chữ ngoài mà thờ-phụng cúng-vái rồi, khác nào đã hé cho nom thấy cái ánh sáng của cái đèn sự học, nhưng lại phải xử-trí với họ thế nào để như là đã cho họ biết cái ánh sáng tốt đẹp ấy là ích-lợi, thì lại phải cho họ đem công việc của họ vào làm-lụng ở dưới cái ánh sáng ấy để cho họ mừng, nghĩa là phải tìm cách mà vận-dộng cho họ đạt tới cái mục-dịch như sau này.

4 — Nên thi lấy bằng Nam-học sơ-đẳng và nên lợi-dụng lấy những người có bằng ấy.

(Lợi-dụng những người có bằng ấy tức là khuyến-khích Nam-học, là cái lợi-khi truyền-bá sự học phổ-thông rất mãn-tiếp.)

Cái lẽ « học thố vu hành » là một lẽ đương-nhiên, dù ở nước nào, người nào đã có cái chí cấp sách đi học là đều có cái tư-tưởng ấy; nghĩa là việc đời có tạo-nhân thời phải có kết-quả mới thú; cũng như học thời phải có thi, thi thời phải có dụng thời mới muốn học. Vậy mà cứ xét cái kết-quả ở các trường Sơ-đẳng-yếu-lược nhà quê ngày nay, kẻ thôi học ra về, không trông thấy cái lợi-ích hữu-kỳ ở đâu. Khác nào kẻ vào rừng hay xuống sông kiếm lợi, mà phải lũng-thững trở về tay không, thì nó lấy làm chán ngán lắm. Vì nó có biết cái ích về trí - dục và thê - dục ở đâu. Cũng như đảng này cứ bảo rằng « học để biết cách làm người và để sinh-hoạt ở đời », thời không khỏi làm cho kẻ cho con đi học và chính kẻ đi học thêm chán-ngán mà bảo rằng: « học cũng như không », vì họ có biết cái lẽ cao xa kia đâu. Vả lại chính cái lẽ kia nữa thì về sự học để « biết cách làm người », tất chúng-nhân cũng chẳng công - nhận cho nào, vì họ cho là học « vô đạo »; mà về sự học để « biết sơ-lược về mọi sự hành-vi sau này », thì chúng-nhân không dùng, lại còn hết sức bài-bác chê-bại, không cho mở mặt mở mày ra được.

Vấn biết rằng sự học Sơ-đẳng-yếu-lược không phải là cái học để kiếm ăn ngay thật, song sự đó thiết-tưởng ở nước trình - độ văn - minh đã cao thời phải, chớ ở đây thì chưa nên bắt-buộc như vậy, vì cái trình-độ dân ta

còn đương ở cái thời-đại ấu-trĩ, như đứa trẻ thơ chưa nên bắt vào khuôn vào phép cho lắm, còn phải vượt-ve nịnh-ọt, dần-dụ dần-dần. Cũng như đây tuy chưa có thể trọng-dụng được, thời cũng nên cho cái quyền-lợi danh-dự gì đối với người dân cho biệt-nhôn tí-chút, để gọi là báo-đáp cái sự học của người ta. Nhưng phải có cách hạn-định mới được, nghĩa là tuyển lấy người thực học. Vậy thì phải thi lấy toàn học-trò các trường Sơ-đẳng-yếu-lược <sup>(1)</sup> ở lớp sơ-đẳng đã đủ niên-học với bốn tháng nữa <sup>(2)</sup>. Thi như thế lại lợi được một vài điều là học-trò học không được gián-đoạn, lại mới biết được cái kết-quả của các Giáo-sư dạy tiến hay thoái, biếng hay chăm.

Mà cái thi này vì không trái hẳn trật-tự trong Học-chính tổng-qui (ngày 21 Décembre 1917) lại hợp với những lẽ chính như sẽ nói ở sau này, cho nên không thể gọi là thi Tuyển-sinh được, vì thi Tuyển-sinh như trước thì niên-hạn định hoặc thấp hoặc cao không được nhất-tề và không cứ học ở trường nào cũng được dự-thi.

Vậy thì nay phải định hẳn cái thi này là thi lấy bằng « Nam-học Sơ-đẳng » mới được.

*Quyền-lợi của những người có bằng ấy.* — Ai có bằng ấy mà không có tư-lực đi học được nữa thì về dân sẽ cho cái danh-dự được ngôi-thứ và được quyền bảo-cử Chánh Phó-lý đồng với hạng Khóa-sinh cũ <sup>(3)</sup> (như bây giờ cũng nên rộng cho cả hạng Tuyển-sinh

(1) Đây sở-dĩ lấy nguyên học-trò các trường Sơ-đẳng-yếu-lược là có ý dử cho nhiều người đến học, thời không phải cấm mà các trường tư-thực ở nhà quê tự-khắc tiêu-mòn đi. Sau nữa những trường Sơ-đẳng-kiêm-bị chỉ lấy toàn những học-trò các trường yếu-lược đã trúng-tuyển vào học cho khỏi chen-chúc nhau, mà trẻ nhà quê đỡ phải lên tỉnh học khỏi nhiệm phải cái thói xa-hoang lầu-lỉnh nơi thành-thị, át mất cái tính hồn-nhiên viễn-lợi đi.

(2) Đến độ nghĩ hè là hết niên-học, mà đến cuối tháng Décembre mới thi là bốn tháng nữa.

(3) Ở khoản thứ 3, điều 21, nghị-định ngày 1er Décembre 1920 của quan Thống-sứ Bắc-kỳ định về việc bảo-cử ở Đng Lý.

cũ cũng được quyền dự-bảo như hạng Khóa-sinh, để gọi là an-ủi người trước và khuyến-khích người sau).

Còn thì tùy tài, tùy lực mà cho vào học trường Kỹ-nghệ; hoặc cho vào học một trường sẽ đặt là trường « Nam - học Sơ - đẳng Sư-phạm », hệ trúng-cách thì bỏ đi Trợ - giáo các trường tổng - học hay lương - học <sup>(1)</sup> nhà-quê; hoặc cho vào học một trường gọi là trường « Nam-học Chính-trị » để bỏ vào tông-sự các ti nha An-nam cũng nên. (Vi xem như Thượng - dụ định ngạch quan - lại An-nam ở Bắc - kỳ số 497, ngày 24 tháng 11 năm Khải-định thứ 3, viện Cơ-mật phụng-lục, thì tại điều thứ 26 về sự tuyển dùng Thừa-phái hạng năm, định thi lấy những người có bằng Sơ-đẳng Pháp-Việt, mà đây thi có bằng Sơ-đẳng Nam-học, mà lại học chuyên-nghiệp 2, 3 năm nữa thì cũng thế. Không những thế, như nay cứ xem như bọn Khóa Tuyển cũ làm phụ ở các nha các ti thì xem chừng cũng thạo, mà lại có lương-tâm nữa. Luận-giả có thể dám nói quyết rằng phạm sô-sách, giấy-má, bầm báo mà chữ viết khá, cách viết phải, tính-toán phân-minh ấy là do bọn ấy làm nhiều; ấy là chừa dạy chuyên-nghiệp đấy, mà trước kia học chưa ra thể-thống lắm, gia-dĩ lại không có chức-phận gì cả). Còn bao nhiêu người có tư-lực theo học được lâu thì bấy giờ sẽ cho vào học trường Pháp-Việt, mới bắt đầu cho học chữ Pháp để noi lên những bậc trên.

Lại còn một hạng những - nhỏ giờ - giang từ 10 tuổi đến 20 tuổi, có muốn học để đi thi ra ứng-dụng, thì phải cho học riêng một ban, chương-trình học phải giản-ước thiết-thực để tuyển ra ứng-dụng việc làng. Lớp này mà có thi thì sẽ gọi là thi Tuyển - sinh cũng được <sup>(2)</sup>. Thế là trong quốc-dân ta bớt được những hạng giờ-giang, thì bất-duy người được yên-hàn, mà con đường trị-an cũng vì đó mà bình-thản vậy.

Còn về phần quốc-dân ta nên xử-tri với những người có bằng Sơ-đẳng Nam-học thế nào, để làm cho nức lòng người học, và tức là khuyến-khích sự học? Chớ như từ đây về trước, những nhà thực-nghiệp, nhà kinh-lẽ trong nước, một là có tính hiếu-kỳ, hai là ít có tính tự-lập, — trừ câu đăng báo quảng-cáo với giấy cáo-bạch không kể, còn bao nhiêu giấy-má, sô-sách cho chỉ phẩm-vật-danh-từ là thuần dụng Pháp-tự cả; thành-thử đối với chức-nghiệp mình đã không được thịnh - đạt, vì dùng chữ như thế, thì tất chỉ dùng những người xa-hoang phóng-đãng rồi ra bất-sự sản - nghiệp; một người thế, mười người thế, thì một công-ti phỏng có đứng vững được không? Chẳng những thế, lại còn khiến cho quốc-dân không hiểu cái mục-dịch, cái yếu-tố, cái vật-giá của mình là thế nào. Sau nữa đối với sự học lại không có ích gì — vì đương lúc quốc-dân nhu-tài thiếu-học này, còn gì yêu nước bằng yêu lấy tiếng, yêu tiếng tức là yêu lấy sự

(1) Nếu xếp-đặt được như thế thì lại tiện, vì ít lương cũng được, bởi người làng nào cho dạy ngay ở làng ấy, trừ khoản lương ra, lại được thêm danh-dự và ơn-huệ ở trong làng nữa.

(2) Lớp này không biết dạy phụ vào trường nào được, vì các trường yếu-lực thì Giáo-sư đã dạy cả ba lớp, thì đã nặng nhọc rồi. Không lẽ lại lập riêng ra một trường, một thầy dạy nữa thì lấy gì mà chi-tiên? Hay là đặt ra một lớp học tối, mà lấy ngay Giáo-sư các trường yếu-lực dạy, rồi sẽ tính số học trò mà phụ-cấp cho. Các Giáo-sư ấy thì vì thế mà bất-buộc không chơi-bời được, thì cũng là một sự hay cho cả ba đường là: đức-đục, trí-đục và thể-đục, và cả đến tài-lợi nữa.

học, yêu sự học tức là dùng người học; học mà đã đắc-dụng thì ai chẳng muốn học, muốn xem, muốn nghe, muốn hiểu; đã muốn thế mới muốn yêu, muốn quý cái học; như trên đã nói một người học tức là học thay cho cả nhà, cả xóm, cả làng, cho cả chúng-nhân xã-hội nữa, ấy quốc-dân-giáo-dục là đây chớ đâu? Nếu không thế thì chỉ một sự con con này cũng đủ phá được Nam-học như chơi, là: thường thấy ở chốn thôn - quê những người có con đi học, thường đem con ra chỗ công-chúng mà giới-thiệu với mọi người ra điều con ta học giỏi kể - giờ (vì chính thầy Tổng-sư cũng khen rằng cháu học giỏi); nhưng vô phúc cho cháu mà gặp ông nào vì tình-cờ hay dụng-tâm mà đưa cho cháu cái thư hay cái giấy mẩu gì, vắn vắn, thì than ôi! cháu sẽ mịt-đặc! Bấy giờ đồng-nhân mới nhao-nhao lên như chợ vỡ mà nhạo-báng, mà chỉ-nghị: « Thế mà cũng đòi vác mặt đi học! . . . » Ông có con đi học nói: « Thôi đốt sách đi, từ mai mà đi không được đi học nữa, học không chịu học, chỉ đi chơi! . . . » Cậu con nức-nở cãi: « Tại thầy không dạy cái chữ ấy, chớ không phải lười mà không học! . . . » Ôi! thế thầy cũng giết nốt, vì thầy có chữ Tây đâu mà dạy, hay là thầy dạy tiếng « nom cầm » đấy! Ôi! một người thế, mười người thế, trăm người cũng chán thế, thôi thế là học - đường chỉ còn trở thầy với mấy cái ghế nát, lạnh-lùng thay! Xin các ngài quen lối hào-hoa, thích nơi cung-các, khi nào quá-bộ về chỗ lều tranh vách đất mà xem cái tấn-kịch vừa hí vừa bi như trên kia luận-giã đã diễn, cũng đủ thú-tinh và cảm-động vậy.

Đó, cái hương lửa thờ Thần Nam-học đã tàn như vậy đó, ta phải giục-giã nhau mà nhóm lên thì mới có cơ phục-hồi được; điều đó quan-hệ ở các nhà thực-tế rất nhiều, mà đối với các

nhà ấy có cái mặt-thiết cũng lớn, vì có dùng tiếng, quý tiếng thì mới muốn học, có học có nghe thì mới hiểu tình đoàn-thề, nghĩa đồng-bào, mà góp vốn buôn chung, chuyên dùng nội-hóa, công thương cũng bởi đấy mà phát-đạt vậy. Người ta phải có cái viễn-vọng trước là ích cho nhà cho nước, rồi tự-khắc lợi cho mình cũng ắt theo sau. Bậc thượng-lưu ở trong nước đối với quốc-dân chẳng khác gì những tay thủy-thủ đối với các thuyền-viên, gặp cơn gió cả sóng cao thì phải hết sức ra tay chèo chống cho khỏi bị khuyh-ngang, thì mới giữ được hoàn-toàn sinh-mạnh! Nhà đại công thương chẳng đứng vào bậc thượng-lưu là gì?

Vậy thì các ngài chớ nên khinh-rẻ tiếng mình mà không dùng; trừ điều gì đối với người ngoài thì hãy nên dùng tiếng ngoài. Và lại người ngoài đến đây là phận ít, cái lẽ phần ít bao giờ cũng phải theo ý phần nhiều; cũng như người Tàu sang đây buôn bán đồng-dục là thế, mà cũng phải biết tiếng mình cả, vì họ muốn được nhiều lợi thì họ cần phải trực-tiếp với nhiều người mình, chớ mình thì cần gì họ; cái lẽ « nhập-quốc » bao giờ cũng phải thế. Như người mình có muốn « xuất-dương » mà giao-thiệp về mọi đường cho rộng, thì không những chữ Pháp là thứ chữ đẹp-đẽ nhất, thông-dụng nhất, mà lại có quan-hệ với ta nhất, phải học đã đành, — đến tiếng nào, chữ nào mà có thể học được, cũng nên học cả. Hiện nay từ Trung-học trở lên, Nhà-nước cũng dạy thế đấy.

### 5. — Nên đổi lại trình-độ học Pháp-ngữ.

Như trên kia vẫn nói chữ Pháp là một thứ chữ đẹp-đẽ mạnh-mẽ nhất, đáng lẽ quốc-dân ta ai ai cũng nên học cả, mà không học được thì thật lấy làm đáng tiếc. Nhưng chẳng qua bởi cái công-lệ trong vũ-trụ hắt-bước

ta phải giữ lấy cái hồn thổ-âm, thì mới có thể sống được một cách khoan-khoái trong lòng ; lại bởi cái trình-độ của sự tiến-bộ nó đàn-áp ta phải nắm chắc lấy cái thổ-âm để cứ nhắm một phương-châm mà đi trên con đường tiến-hóa, vì thổ-âm ta đã có sẵn rồi chỉ phải học khôn học khéo nữa thôi, khác nào đi buôn đã có vốn, làm thợ đã có đồ rồi. Sau nữa lại bởi cái tình-cảnh eo-hẹp nó thúc-phục ta, không thể bỏ nhà mà đi làm việc người được, vì trong nhà quốc-âm ta còn bẽ-bộn, phải xếp cho ra ngăn-nấp, rồi đi đâu thì đi mới yên-tâm được. Những ngăn ấy lẽ nó bắt ta không thể đi trên con đường Pháp-ngữ một lượt cho khắp mặt quốc-dân, thế nào cũng chỉ một phái học được mà thôi ; nhưng đã học thì phải học cho đến chốn đến nơi, nhất là đi phải có phương-hướng để phòng khi cần đến, biết lối tìm về, chớ đừng để biệt mất tâm-hơi, phương trời thăm-thẳm.

Nhưng muốn đi cho khỏi lạc đường thì phải nhắm từ bước trước, nghĩa là từ bậc Sơ-dãng Pháp-học này vậy. Thế thì trước kia vẫn đi lầm đường lạc lối hay sao ? Có lẽ thế thật, nếu không thế thì sao có đi học rành - rành, mà vẫn mang tiếng là cái đồ vô-giáo-dục, thì cũng đáng tức thay cho thật ! Câu ấy ngày nay đã thành một câu sáo-ngữ, nghe đã chán tai, viết đã chán giấy : nào chán-chính, nào khuyên-răn, nào mĩa-mai, nào bài-kịch, mà vẫn tro-tro như nước đổ đầu vịt. Ấy thế mà đã quyết chí ra tay nẩy mực cầm cán cho đoàn hậu-tiến, ấy thế mà đã bôn-tần đua-tranh ra chân-giắt lũ con em kia đấy ! Sao vậy ? Sao mà lại gây nên những hạng học-thức gớm-ghe như vậy ? Thưa rằng có đi học nhưng mấy năm ở nhà trường ra chỉ để miệng mà kêu gào và để óc mà ký-ức dần lấy những tiếng là tiếng ; chớ không còn

thì-giờ và không có cái óc khác để học lấy những điều cần-thiết đến sự lập thân xử-thế mai sau ; mà những điều cần - thiết ấy phi học trực - tiếp bằng quốc-âm đã sẵn có, thì không thể chóng được.

Vậy thì nay muốn học Pháp - học cho chóng-vánh và cho tăng giá-trị lên thì chỉ cho nguyên những người có bằng sơ-dãng nam-học vào học ở các trường Pháp-Việt, bây giờ mới bắt đầu học chữ Pháp ; nghĩa là đã có trí phán-đoán giỏi, óc ký-ức rộng, rút lại là đã phá-ngu rồi sẽ gieo cái hạt-giống tốt-đẹp là chữ Pháp vào trong cái óc sáng-sủa già-giặn, thì mới có thể chịu đựng nổi, mà khỏi thành ra bắt cả hai tay vậy.

Cứ thế thì người học chữ Pháp phải ít, nhưng ít mà hay, còn hơn nhiều mà dở, nhiều lắm chỉ tổ quần chân thôi. Chữ Pháp là thứ chữ rất qui ; vật qui ít người biết dùng : ô-tô song-mã chỉ thượng-lưu dùng, dùng để đi đường rộng thênh-thang, chớ bỏ bằng cẳng tay không thể dung được. Sự học chữ Pháp cũng thế, cao-dãng sẽ học, nhưng hiện nay chưa có thể để đến bậc ấy sẽ học, phải học từ tiểu-học, rồi sẽ lần lên dần, cũng như thời-dại cơ-khí vậy : xe hỏa rồi đến xe hơi, rồi đến phi-dĩnh . . .

Xem thế thì biết trước kia dạy thế là phải, chớ không phải sai đờng, vì bây giờ quốc-văn ta chưa xuất-hiện, ngoài chữ Pháp ra tưởng không còn chữ gì khả-dĩ lấy mà truyền-bá được, cho nên phải dạy chữ Pháp, mà phải dạy từ lúc thanh-niên mới kịp. Bây giờ thì quốc-văn đã có, nên học đã thành, rồi cái sức lên được đến đâu phải theo cái công - lệ trong sự tiến - bộ mà giải-phóng cho lên đến đấy. Lúc này còn là lúc cái nhà Nam - học còn đương xây-dựng, rồi dần-dần xây hết

từng ấy lên từng khác, lúc nào hoàn-thành thì quốc-dân ta tha-hồ mà thanh-thoi chêm-chện, không phải cái nổi đi ăn nhờ ở đậu lồi-thôi. Con người ta có thời ấu-trĩ, tất có lúc trưởng-thành, hưởng là một dân-tộc, một quốc-gia, lại không theo cái trình-độ thiên-nhiên mà tiến lên, thì còn ra thế-diện gì nữa.

Nói thế tất có người cho là bội-bạc, chưa khỏi rên đã quên thầy Pháp-học. Nhưng mà không, đành rằng học-thuật của Đại-Pháp thì dẫu muôn đời ta cũng chưa theo kịp, muôn đời ta cũng không nên rời học-thuật của Đại-Pháp ra được; đây chỉ nói riêng về cái trình-độ quốc-văn muốn cho cao lên mà thôi.

### 6. — Tỏ-chức lại chương-trình học và đổi tên trường Sơ-đẳng-yếu-lược gọi là trường Nam-học-sơ-đẳng

Cứ các lẽ trên kia đã nói thì rõ ra rằng: ở các trường Sơ-đẳng-yếu-lược chỉ dạy độc-vị Nam-ngữ mà thôi, để sự học phổ-thông chóng lan khắp trong quốc-dân; mà kẻ học-giả khỏi vì thế mà phân-tâm ra « đứng núi này trông núi nọ »; như trước kia phân ra hai phái Hán-học với Pháp-học thì không những làm cho Nam-học bị kẹp ở giữa, mà chính hai phái ấy sinh ra phản-đối nhau, xung-đột nhau, phân-ly nhau; đã thế thì đời nào gây nên tình thân-ái, mối đồng-tâm, tình đoàn-thề, nghĩa đồng-bào được. Sau nữa cái ơn-huệ của Nhà-nước cũng vì thế mà không mưa cho khắp, khiến cho người thành-thị được hưởng hầu hết cái kết-quả giáo-dục tốt-tươi, « đã được ăn, lại được nói... »; mà dân nhà-quê thì đành chịu bó tay mà phàn-nàn rằng: « Nhà-nước ở không cần... » vậy.

Ôi! Có lẽ đâu cùng một dân-tộc, cùng một quốc-gia, mà nở lòng nào

lại coi nhau như khác giống khác dòng, ghét nhau như kẻ thù kẻ địch ấy! Bên Pháp-học thì chê bên Nho-học là « bọn hủ-nho »; bên Hán-học thì mỉa bên Tây-học là « phường vong-bản »; người thành-thị thì nhể dân thôn-dã là « cái nhà-quê »; dân thôn-dã thì mục người thành-phố là « quân thành-thị ». Thử hỏi suốt trong thế-giới này có nước nào mà tự khinh-bị nhau, bài-xích nhau như thế không? Cùng một nội giống với nhau mà đối-đãi với nhau tàn-tệ như thế, thì đối với kẻ khác giống khác nòi, sao cho thân-ái được?

Nay phải tìm cách mà hàn-gắn với nhau cho hai bên gây lấy cái chủ-nghĩa tương-đồng duy-nhất, để ngày thêm kết chặt mối đồng-tâm cho cốt-nhục tình-thâm, khỏi hóa ra tương-tương tương-tặc, khỏi phân ra người Bắc kẻ Nam; tưởng chẳng khó, miễn là chỉ hợp lại một qui-tắc học độc-vị Nam-ngữ ở các trường Sơ-đẳng-yếu-lược là xong; để ai ai cũng giốc một lòng trông một đạo về Nam-học vậy. Lại xin đổi tên trường sơ-đẳng-yếu-lược làm trường Nam-học-sơ-đẳng đi cho.

### 7. — Nên làm thêm sách quốc-ngữ

Nếu Nam-học đã được đứng riêng một địa-vị như thế, cái cây Nam-học đã không phải mọc chen mọc chướng như thế, thì cũng có cơ sinh-trưởng được; đã sinh-trưởng được thì tất là sẽ thêm từng vành mà vô phải nứt. Nhưng cần phải có mầu mà bón mà vun thì mới tốt; nghĩa là phải làm thêm sách quốc-ngữ, chớ như hiện nay chỉ có tập *Học-báo* và ít sách nữa hợp với trình-độ lớp sơ-đẳng yếu-lược mà thôi, thì những người được tốt-nghiệp Nam-học về, không có sách mà xem thì cũng đến cung thoái-chỉ mắt, và nếu có muốn nung Nam-học lên một từng nữa, thì lấy vật-liệu đâu mà xây-đắp lên. Vậy thì quyết phải làm

thêm sách, mà sách thì phải cao hơn lên. Nhưng nói dễ mà làm khó, vì lấy đâu được người làm sách bây-giờ ? Hay là có người mà không có thời-giờ thì phải ; này như : về bên giáo - giới thì bần-phận buộc phải đưa giắt đoàn hậu-sinh lên con đường tương-lai tiến-hóa ; về bên báo-giới thì nghĩa-vụ phải mang-bách về công việc xảy ra hàng ngày hàng tháng : hoặc đem người ta đi chiêm-bái những chốn đền-đài rực-rỡ của cổ - nhân, hoặc dẫn người ta đi chứng-kiến những công-cuộc lớn-lao trong trường tân-văn thể - giới ; về bên chính - giới thì chức-trách phải mưu-toan những việc lợi dân ích quốc, trái lại thì hiền-phận phi-gia, ngộ dân mà học lắm biết ra sợ làm ngăn-trở con đường tương-lai tiến-thủ của mình ; về bên cựu-học-giới thì tình - cảnh xui nên phải xuất - thân đi ngang về tắt mất nhiều. Vậy thì có dễ chịu ư ? Được, nhưng có điều chắt-bóp chút thôi, vì đem chắt mỗi bên một ít thời-giờ ra thì cũng có cơ làm được khá sách ; duy về bên chính-giới hiện tại-chức thì khó lòng mà nầy ra được, vì chắc đâu có cái can-đảm gác danh-lợi lên mà làm việc công-ích vô-hình ấy, hẳn phải mời đến các nhà trí-sĩ mới xong, các nhà ấy lại kiêm cả nhà cựu-học nữa.

Lại còn một bộ sách này cần-cấp mà quan-trọng lắm, cũng nên làm ngay, là bộ « Việt-Pháp-Hoa-tự-vựng » để giúp bọn học-sinh sau này, cứ theo đấy mà dùng, không phải để tâm học Hán-tự nữa, vì cái mục-đích học Hán-tự ngày nay cũng chỉ để pha thêm vào quốc-văn mà thôi. Và sự pha chữ nho vào văn quốc-ngữ cũng phải có phép-tắc nhất-định như bộ tự-vựng này làm giới-hạn để nhà làm văn khỏi dùng tràn đi, như có người lo xa mà đã phảinói : « Khéo chẳng lại ngã vào bức tường Hán-thư một lần nữa mà khốn đấy ! » Mà thật, lần này mà ngã vào thì lại

đau-đớn ê-chề gấp mấy nữa kia, vì không biết bệnh-căn ở đâu, nghĩa là phần nhiều người chỉ biết võ-chữ bằng quốc-ngữ, chớ không biết diện-mạo tinh-thần của chữ và điển-chữ ở đâu mà ra. Sự đó chúng ta nên chú-ý lắm đấy.

### 8. — Tổ-chức lại trường sở-học ở chốn thôn-quê

Cứ xét cách lập-trường Tổng-học ngày nay thì nhiều người đã công-nhận rằng không được thuận-tiện rồi. Thiết nghĩ chỉ có cách lập ngay ở khoảng giữa mấy làng, không cứ người thuộc tổng nào cũng được đến học, song cũng hạn-định là mấy làng một trường. Lập trường như thế thì lại nên chia số tiền lương Giáo-sư và số tiền sắm - sửa trường-cụ cho số đình điền toàn - hạt hay toàn-tỉnh cùng chịu mới công. Sự quân-san cho cả điền ấy, là bởi những nhà phú-hộ ở chốn thôn-quê đã rút mất cả ruộng của cùng-đình, lại không có hảo-tâm tự đem giúp vào việc học bao giờ. Có họa khi nào họ có được lợi vào — như mua ngôi thứ ở trong dân — thì họ mới chịu nhả của họ ra. Song thiết tưởng cách ấy tuy công-hiệu thật, mà không nên thông-hành ; bởi thời nay là thời trọng thực-nghiệp, trường học là cái lò đúc ra người có thực-nghiệp, mà lại lấy cái vật-liệu hư-danh xây đắp lên thì có lẽ trái hẳn cái tôn-chỉ trảng-tòn vĩnh-viễn. Tuy cũng là kể giúp công người giúp của, nhưng cái của ấy nó không có nghĩa-khi, nó tức là cái mồi đề câu sự học, không khéo nó làm cho mắc thì nguy. Và lại hiện nay con đường lý-tài của các hương-thôn đương vỡ-lở, chỉ sợ lập ra lắm trường hương-học, mà không có tài quản-đốc kinh-doanh, để đến nỗi quyết-liệt đi thì chán lắm ! Đến như kể học cũng không cần phải nhiều; nhiều mà ít kẻ có tinh kiên-nhẫn, có chí quả-quyết, rồi ra hồng học hồng không,

buổi đực buổi cái, thì lại làm mất quí-cử, mất giá-trị của sự học đi; phải dùng cách hạn-chế, là không nên dung- nạp những kẻ tự-ý muốn học sách gì thì học, chữ gì thì chữ, tóm lại là kẻ nào không theo đúng chương-trình qui-tắc thì tổng ra cho kỳ hết. Làm như thế thì lúc đầu có điều vắng-vẻ lạnh-lẽo thật, nhưng về sau thấy Nam-học có hiệu-dụng thì tự-khắc sốt-sắng mà theo. Ở đời việc gì cũng vậy, không nên nóng ở lúc đầu rồi tắt có ngày nguội lạnh; ví như nước, nước đã nóng sẵn, tắt lười-lắm không đun, lâu dần phải lạnh, không bằng nước lạnh, âm-ý đun dần, tắt lần lần sẽ nóng. Cái trình-độ của đời người nếu theo được cái tỉ-lệ như thế thì chắc rằng không đại gì mà vội-vàng cho vấp - vấp, mà sinh ra tàn-ác tham-lam, cũng như câu : *có chí làm quan, có gan làm giàu* vậy. Nay lại nói đến sự học, muốn làm cho sự học tăng giá, cho người học ham-vui, thì phải dùng đến cách hình như cấm-đoán như trên đã nói mới cao; chớ đừng nung-niu chiều-dãi, như kẻ chiều con không phải lối, rồi nó sẽ được thể mà vôi-vĩnh éo-le; nó khóc, giỡ nó nín, thì nó nghĩ cái khóc ấy có giá-trị, mà lại càng khóc già; nó chơi, giục nó học đi, thì nó tưởng nó mà không học thì nguy cho mình lắm đấy, rồi nó cứ ngồi ý ra đấy mà xem. Ta phải lấy cái gương mà phản-chiếu mới được, ta phải có ý, muốn cho nó theo cái sở-dục của ta, thì ta phải dùng phương-pháp kích-thích mới thần-diệu, muốn cho nó đi chơi, thì ta sẽ bảo gọi cho nó rằng : «*đừng đi chơi nhé !*», rồi tự-khắc nó sẹ lúi-lũi mà đi. Không những trẻ con mới thế, người lớn cũng vậy : cấm không cho họ nấu rượu, thì họ lại càng nấu lậu già lên; giá bây-giờ giao cho họ cái khí-cụ gì, bảo họ làm cái công-nghệ có ích rõ-ràng, mà họ cũng nghĩ là đánh lừa họ để lợi-dụng cho mình, rồi họ sẽ chối

đây-dây cho mà xem. Đến như sự học cũng vậy : giục-giã cho họ học, rủ-rẻ họ đến học — nhất là người ngoài giục-giã rủ-rẻ thì lại khiến cho họ ngờ-vực lắm, họ tưởng rằng đánh lừa cho họ học để mà lợi-dụng, mà sai-khiến cái học của họ mà mình dạy cho ấy, rồi làm cho họ bỏ cái học tổ-truyền là cái học có đạo-giáo hẳn-hoi, mà họ vẫn coi là cái đạo cao hơn hết thấy, tức là đạo nho vậy. Cũng bởi thế mà xã-hội ta đây nhờ được tay Chính-phủ Bảo-hộ ân-cần âu-yếm đưa giắt cho ta bước lên con đường văn-minh tiến-bộ mà coi như có ý kềm chận những nước tự mình đi du-học lấy. Sao vậy? Bởi người ta có tính tự-lập, không phải ngờ-vực chi ai, người ta chỉ giốc một lòng trông một đạo, mà mạo-hiêm bước xuống luân - thuyên, đi ngao-du các miền dương-hải, liếc mắt nhìn trông những phong-cảnh nước biển non xanh thăm-thẳm biết mấy muôn trùng, cao-kỳ hùng-dũng là cái học-thuật của Thái-Tây vậy.

Đến như sự thấy kẻ đi học xa - xói lặn-lội, rét mướt nồng-nàn cũng không nên ngại cho họ. Bởi xét ra cái tâm- lý của người ta cũng lạ, hễ càng lặn-lội khó khăn, trèo đèo vất-vả mà làm được việc gì, miễn là việc ấy có lợi mà thôi, thì lại cho là có giá-trị, mới muốn tìm-tòi, mới biết yêu chuộng. Cho nên những dân-tộc ở nơi hàn-lãnh thì chóng văn-minh, mau tiến-hóa, vì người ta chịu lao-tâm khổ-tử, nay phát-minh ra cái này, mai sáng- kiến ra cái nọ, để chế-ngự với thiên-thời khí-hậu, chịu bôn-tàu đông tây để cầu lấy sự sung - sướng. Trái lại thì những dân-tộc ở về nơi cực-nhiệt hay sinh ra cái chủ - nghĩa chán đời, vì cái sự nồng-nàn rất khó kiếm đồ để chế - ngự, thường có khi nghĩ đến kiệt-tinh cùng-từ cũng đành chịu bó tay. Khoảng giữa thì

những dân-tộc ở nơi ôn-độ, tất sinh ra lười biếng trí-khôn, không từng suy-nghĩ, bởi cái hi-vọng của người ta chỉ lấy ấm-no làm bản-vị, mà ấm đã tiếm đủ rồi, miễn là chỉ phải vận-dụng chân tay làm cho dạ-dầy đầy đủ, thế là mãn kỳ sở-dục rồi, ngoài ra chỉ ngồi mà ngâm-vịnh dung-dinh vô lo vô lự. Ôi ! một dân-tộc mà đặt, vào cái cảnh-tượng thái-bình như vậy, phỏng có khác gì trên mặt đất không có gió - giông, không - khí đứng trơ không chuyển-dịch, khiến cho người trầm-nịch mê-li mà xã-hội có khác gì cây cỏ. Đó là lấy cái lý-thuyết đề tĩ với người đi học, hễ càng phải đi học xa-xôi vất-vả bao nhiêu thì cái buổi học lại càng có giá-trị bấy nhiêu ; cũng như đi học trường ở ngoài làng thì ích-lợi như thế, mà học ở trường trong làng thì không ích-lợi được thế. vì coi ra dễ-dãi tâm-thường. Cũng một lẽ ấy mà xưa kia hễ học trò nghèo thì hay có chí, nhưng xin chớ nghèo vào cái buổi này, mà giữa đường phải dứt gánh học-hành thì cũng khổn ! Than ôi ! cái con ma bần-bách kia, sao mi đành-hanh độc-ác quá vậy, tự cái tay mi vui-giáp chưa biết bao nhiêu là hiền-tài anh-kiệt ! Mong sao cho tiết được cái giống nhà mi, thì xã-hội mới đến kỳ tiến-hóa.

\*  
\* \*

Nước Đại-Pháp Bảo-hộ ta là nước sản ra chữ tự-do, cho nên đối với nước nào, người nào, việc gì, cũng xử-trí theo một cách tự-do ; lại giàu cái chủ-nghĩa hòa - bình, cho nên nhất-thiết việc gì cũng thi-hành một cách ôn-hòa tuần-tự. Như xưa có lẽ cũng biết rằng dân ta học sai đường lạc lối, nhưng lẽ thứ nhất là không muốn ngăn-cản cái ý sở-thích của ta mà cho tự-do hành-dộng ; lẽ thứ hai là đề chăm-chước sửa-đổi dần-dần cho khỏi vợi-vàng vấp-ngã. Thế nhưng thiên-

ngi ở một dân-tộc như dân ta xưa nay vẫn giàu cái bụng phục-tòng, hằng đem cái giấy vận-mạnh mà ký-thác trong tay người trên, dù người trên tự co tự ruỗi thế nào cũng cứ nhắm mắt vâng theo, chớ chưa thấy tự-cử-động được bao giờ ; vậy mà Chính-phủ lấy bụng khoan-dung ôn-hòa vô-độ mà cho hành-dộng tự-do thì việc gì cũng đành xếp hết. Chính-phủ thì rộng dung cho dân như thế, mà người mình thì quyền trên đối với phận dưới lại hay thi - vi cái chính-sách cưỡng-bách hiếp-tòng, làm cho dân thấy mà khiếp đi, đến nỗi coi chỗ học-đường hầu như nhà giám-thất, mà cho cái học là một cái tội phải bắt-bớ, phải chạy-bậy mới được tha ra.

Xem ra cả hai cách ấy cùng không công-hiệu, thì nên chọn vào đất giữa là hơn ; nghĩa là không cho tự-do hẳn, mà cũng không nên cưỡng-bách thật, phải tìm đường mà dẫn-dụ thì hơn. Thí dụ : muốn bỏ con gà ở ngoài (tự-do) vào lồng mà nuôi, thời không nên chộp lấy (cưỡng-bách) mà hồng, phải lấy cơm gạo mà dử mà ne thì tự-khắc nó sẽ nhảy vào. Như đây muốn cho nhân-dân bước vào cái nhà giáo-dục cho nhiều thời phải đem cái lợi-lộc, cái cơm gạo giáo-dục mà dử cho nếm thử đã, rồi tự-khắc quen-mui, xua đuổi đi cũng cứ trớn vào đấy.

Tôi nay cũng là một kẻ gánh vác cái trách-nhiệm làm dân trong nước, trông thấy cái tiền-đò sự học của nước nhà mờ-mịt như vậy, không lẽ cứ ngồi mà im hơi lặng tiếng, bất-dắc-dĩ phải bật ra những giọng tru-tư, lời thảm-thiết mà kêu gào, khác nào kẻ điên-rồ vậy ; dầu có điều gì do nhiệt-huyết phát-tiết ra quá-đáng, cũng xin hải-nội chư-quân-tử cứ bình-tĩnh mà công-kích thế nào luận-giả cũng sẵn lòng thay cho sự học mà hoan-ngheh.

Cũng như cái vườn giáo-dục do tay vụng-về lĩnh giống mà gieo ; còn sự làm thế nào mà bồi-dưỡng gìn-giữ lấy cây-cối ấy thì trên nhờ ơn mưa-móc của Nhà-nước tưới-nhuần, dưới cậy tay quốc-dân vun bón cho ngày càng thêm tốt thêm tươi, để cùng hưởng cái mùa-màng hoa-lợi sự học.

Nhưng trước là luận - giả hãy vì thời-giờ xúc-bách dân ta phải cải-cách sự học, sau là vì thời-giờ quý báu của hải-nội-chư-tôn mà hoan-ngheñh sẵn mấy điều này, quyết thế nào cũng có người phản-đối. Xin bày ý-kiến như sau này.

Về phái Hán-học thế nào chẳng phản-đối về một lẽ rằng : « Luận-giả dám cả gan bài-kích Hán-học mà xưng lên cái chu-nghĩa từ-bỏ Hán-thư đi, nếu Hán-thư không hay, thì sao bấy lâu làm cho non-sông tổ-rạng, nhân-cách hoàn-toàn thì bởi đâu mà ra ? » — Phải, Hán-thư có hay thật, cho nên trước kia ta cứ kháo nhau rằng : người ấy, người nọ hay chữ chớ ! Nhưng thiết - tưởng chữ lăm cũng không làm gì ; bởi chữ đề làm văn, cũng như vật-liệu đề làm nhà, được người kiến-chúc giỏi thì cũng gạch, cũng vôi, cũng gỗ ấy mà ra chiều đẹp-đẽ xênh-xang ; phải tay kiến-chúc vụng thì chỉ bề - bộn phí-phao, mà xấu-xa cục-kịch. Như Hán-thư cũng đủ cả luân-lý, chính-trị, triết-lý, phong-tục, văn-vân, nhưng tiếc rằng : Hán-nho không có tài kết-cấu, tổ-chức cho có trình-độ, trật-tự ; lại dùng nhiều phép « suy-diễn » mà ít dùng phép « qui- nạp ». Sách học thì thật là thiên kinh vạn quyển, nhưng đại-loại cũng chỉ tu, tề, trị, bình, và ít nhiều điều triết-lý, lẽ huyền-vi nữa thôi, đến như khoa-học nghệ-học thì khiếm-khuyết. Vì sự học không bờ, không bến, không chủ-dịch, không phương-châm như thế, khiến cho trong nhà Hán-học bề-bộn lồi - thối, không chỗ lên chân,

không nơi ngừng cõ, làm cho kẻ học-giả phân-mang khoáng-dăng, phí mất bao nhiêu công-trình, tổn mất bao nhiêu não-lực, kỳ cho đến tóc bạc da mồi, mắt mờ lưng cong, vẫn lạo-đào trường-ốc, mà chưa nắm được cái « cốt-tử » ở đâu. Tru-trung chỉ được phần ít người, hoặc có cái « thiên phó chi tính », hoặc được ở cái « giáo-dục - gia - đình » mà nảy ra những người trung, liêm, hiếu, nghĩa, văn-vân.

Sao bằng phép học ngày nay được ; đại khái : bõn - phận mình đối với mình thì chăm-chỉ, thực-thà, sạch-sẽ, ôn-hòa, điều-độ, văn-vân ; đối với gia-tộc thì hiếu, nghĩa, vàng lờ, yêu-mến, từ-tốn, văn-vân ; đối với nhân-quần xã-hội thì lân-tuất, giúp-đỡ, bênh-vực, công bằng, biết ơn, văn-vân ; khi ra gánh vác việc đời đối với quốc-gia chính-phủ thì tuân-mạnh-lệnh, giữ luật-pháp, văn-vân ; thế cũng tiem đủ làm một người hoàn-toàn rồi, còn thì đề thời-giờ mà học lấy những điều cần-thiết đến sự sinh-hoạt ở đời — sự sinh-hoạt ấy tức là cái quả-đội đề bảo-thủ cái thành-quách đạo-đức, trí - thức, cho khỏi thiên-lạc khuynh-phúc đi, nếu không thời mất xanh đề đời trắng, lòng đỏ chóng hóa đen, thông-minh hóa ra mê-muội, đạo-đức biến ra hung - tàn — nào cần gì mà phải nay kinh, mai sử, nay thét, mai gào, mà chung-qui cũng chỉ đến thế thôi, và lại không được như thế cũng nhiều. Ấy hai phép học cổ kim giá-trị lợi-ích khác nhau là thế đấy ; đồng-bào ta nên tiếc nữa thôi.

Đó là mới kể qua cái giá - trị phép học hay là sách học đầy thôi, chớ không có bút mực nào mà tả - mạc hình - dung được cái cách dạy cách học thân-điện, mặt-mà, ăn-ái, linh-lợi ngày nay, so với cách dạy, cách học chậm-chạp, giảng-giải, cay-nghiệt, còm-còm đời xưa, thì còn xa cách nhau một trời một vực nữa. Bày

chỉ có thể tổng-thuật đại-y thương-tử mà kết được một đoạn nữa, là đem so-sánh cái công-phu học cho biết được chữ đề mà học-tập nghĩa-lý tư-tướng xem lợi-hại khác nhau là thế nào. — Học chữ quốc-ngữ cho già lắm chỉ ba tháng là biết hết được mặt chữ, đó là một điều lợi gấp 50 lần học chữ nho, vì chữ nho không có mậu-tự học đến 12 năm trở lên mới biết được giới-giào chữ học. Thế rồi lại phải học làm sao cho hiểu nghĩa cả mọi chữ ấy, thì biết gấp mấy mươi lần nữa. Vậy nên học chữ quốc-ngữ chỉ mấy tháng là hạ-bút viết được thư, mà học chữ nho thì mười mấy năm mới viết được, — viết được thư mới thiết thực-sự, chớ hay chữ mà hay ở sách thì chẳng khác gì xem diễn ảo-thuật vậy. Nói thế, nhiều người cho là « phi chữ di » ; nhưng tiếc chữ làm gì? Bởi chữ chẳng qua là cái đồ-vật để đưa-dây tư-tướng ý-kiến đi, cũng như là cái chèo để chèo thuyền đi vậy, chèo mà nát thì còn thay được, chớ thuyền mà nát thì chèo phải gác lên. Rút lại chữ nào cũng là chữ, chỉ có hay dở khác nhau ; nhưng dở mà cố tập-luyện thì cũng có ngày hay được; thế thì không phải cứ chữ nho mới là quý, quý là quý nghĩa-lý, tư-tướng cũ ở sách nho mà thôi.

Trong khi bùi-ngùi ngẫm-nghĩ như vậy, bất-giác nẩy ra cái cảm-tưởng thần-tích thời-giờ cho cổ-nhân, cho Tộc-quốc vô-cùng. Ôi ! chỉ vì học chữ của ngoài, mà trong một đời người có cái óc mềm-non sáng-sủa, có cái quang đời linh-lợi kiên-cường làm cho tiêu-ma gây-mòn đi mất ; giá đem từng ấy cái quang đời mà không-chất lên hết đời ấy đến đời khác thì ngày nay quốc-vào đã chót-vót đến thế nào rồi, hoài của ! ... Đó là mới kể người học đối với chính mình người học mà đã hao-mòn lãng-phí như thế, chớ đối với sự ảnh-hưởng di-truyền sự học cho quốc-dân, thì lại thiệt-thòi gấp mấy mươi phần kia nữa,

vì người dân không tòng-học đối với kẻ học-giả khác nào lớp bàng-thỉnh-học-sinh trong một cái trường, mà đảng này học bằng chữ ngoại-quốc, thì còn nghe-ngóng gì được, tiếc thay !

Nhưng mà thôi, chẳng qua nước mình thuộc đô-hộ của người Tàu ở những cái thời-kỳ dài-rằng-rắc, mà người Tàu bắt ép mình học đấy thôi. Đồng-bào ta ơi ! nên vãn-hồi cho chóng, đề gọi là sám-hối cái điều lầm-lỡ xưa kia !

Hoặc có người bảo : « Ngày nay Cao-đẳng-học có, Thành-chung-học nhiều, rồi ra hoán-cải xã-hội cũng nhờ đó, chớ quốc-dân giáo-dục đã vợi-vàng gì. » — Phải, vẫn biết rằng trong xã-hội ngày nay đã trồng được những cây cao bóng mát, quả ngọt hoa thơm, đề bổ-dưỡng tri-khôn, giúp-đỡ sức khỏe ; thế nhưng cũng phải trông vào những đồng lúa mung-lung bát-ngái kia, đề mà ăn cho khỏi đói đã, vậy thì phải tìm cách mà làm cho thủy-hạn vô-tai, côn-trùng tuyệt-diệt thì mới có phần thu-hoạch được phong-đăng. Vả lại sự phổ-thông-giáo-dục bậc Sơ-đẳng này là cái móng nhà giáo-dục, móng có bền-chắc thì mới xây nổi được những tầng trên.

Nay vì lẽ phải cải-cách sự học rất khẩn-cấp mà luận-giả ý-nghĩ sơ-lược mấy điều, trên là cúi xin Nhà-nước lưu-tâm tế-sát, may ra có khả-thủ được điều nào xác-dáng thì xin khởi-hành cải-cách ngay cho ; dưới xin Quốc-dân gia-y suy-tầm, may ra được lẽ gì khả-dĩ bổ-cứu vào những ý-kiến thuần-chất này thì thật là đại-hạnh-phúc. Còn về phần luận-giả nếu còn sót ý gì ở trong óc về sự học cũng xin chất ra cho kỳ hết mà cống-hiến Quốc-dân, đề nhân dịp này mà phá cho xong cái nghi-án về sự giáo-dục này, cho ai nấy được vui lòng mà lạc-nghiệp an-cư.

TRẦN DUY-NHẤT.

## II

## BÀN VỀ VIỆC HỌC Ở NHÀ QUÊ

Bản-chỉ tiếp được bài sau này, bản lại bài của ông HOÀNG HỮU-ĐÔN đã đăng trong số 43, và có ý phản-đối mấy khoản trong bài ấy. Xét ra thời ông HOÀNG HỮU-ĐÔN lập-luận về một phương-diện riêng, chủ-ý khuyên những người định chuyên học về Pháp-văn nên bắt đầu học sớm để theo kịp trình-độ, nên trong bài ông không nói đến quốc-văn và Hán-văn, chớ bản-tâm ông không phải là bản nên bỏ Hán-văn và quốc-văn để theo học chữ Pháp cả đầu. Song bản-chỉ cũng sẵn lòng đăng bài sau này, để cho rộng đường công-luận về một vấn-đề rất quan-trọng cho quốc-dân ngày nay.

N. P.

Bản cái vấn-đề việc học nhà-quê nước ta bây giờ, là chỉ tựa cái hiện-thời tình-thế nước ta, về cái chỗ thiết-yếu ấy mà trừ-tinh cái việc học, để cầu lấy cái sự ích-lợi là rất tiện-lợi rất chóng tấn-tới ở vào đâu đó thôi. Tôi vừa rồi có xem *Nam-phong* trong số báo 43 có đăng bài bàn về việc học nhà-quê của quan huyện Hoàng Hữu-Đôn, Tri-huyện Yên-phòng bây giờ soạn ra đó, tôi đọc đi đọc lại bài ấy hai ba lượt, không có thể không nghĩ đến cái vấn-đề việc học nước ta bây giờ, nghĩ đi nghĩ lại hai ba lượt, không có thể không phát ra lời bình-luận, để đem ra chất-chinh với quốc-dân lấy cái lẽ phải.

1<sup>o</sup> Quan Huyện nói câu thứ nhất rằng: « Cái vấn-đề việc học nhà-quê ở nước ta bây giờ, là một cái vấn-đề cần-cấp, ta phải nên giải-quyết cho mau, để gây dựng lấy cái cơ-sở phổ-thông giáo-dục cho quốc-dân ta. » Quan huyện vì cái ý nghĩ đến quốc-dân, muốn đem một lời nói của mình, gây dựng lấy một sự giáo-dục cả một nước, nói rất phải, nói rất to-tát, thật cũng gọi là lời nói ông nhân-nhân, có cái ích-lợi chung cho mọi người vậy.

Này, gọi là cái việc học nhà-quê, cũng tức là ở các nước văn-minh bây giờ gọi là cái quốc-dân phổ-thông giáo-dục đó, quốc-dân phải có giáo-dục, giáo-dục phải từ lúc đồng-ấu, cái lẽ ấy ai cũng biết là thế, nhưng gọi là phổ-thông, nghĩa là cử cả toàn-quốc nhân-

dân mà phải huân-đào cho ai cũng có một cái tư-cách như thế; giá-phông cử cả toàn-quốc nhân-dân mà ai cũng đã lọt vào trong cái phổ-thông giáo-dục, thời thành ra cử cả toàn-quốc nhân-dân ai cũng biết rằng mình phải có cái trách-nhiệm đối với thân, đối với nhà, đối với nước, đối với xã-hội, đối với đời, ai cũng biết mình phải làm cái nghĩa-vụ đối với thân, đối với nhà, đối với nước, đối với xã-hội, đối với đời; quốc-dân là quốc-dân văn-minh, tư-cách là tư-cách chính-đáng, bây giờ rồi tập-hợp nhau, dựng lên quốc-thể, đặt ra quốc-chính, phát-dương cái quốc-hoa ra, tôn-trọng cái quốc-quyền lên, mở-mang lấy quốc-thể, thu nhậ lấy quốc-lợi, làm cho đến quốc-thể vừa giàu vừa mạnh, như thế rồi mà nước mình mới có thể đứng lên là một nước ở trên thế-giới. Tôi xét ra việc học ở các nước bây giờ, đều là đã ở vào cái thời-dại toàn-thịnh, thế mà cái việc học ở nước mình bây giờ, còn ở vào cái thời-dại ấu-trĩ, có lẽ còn bảo bây giờ mà không giải-quyết đi, thời còn chờ đến bao giờ nữa mới giải-quyết chăng?

2<sup>o</sup> Quan huyện nói câu thứ nhì rằng: « Nước ta từ khi các trường Huấn Giáo đóng cửa, các thầy đồ nho không đặc-dụng ở chốn hương-thôn, chính-phủ đâu có Học-vụ-tổng-qui, cũng chưa nhất-luật thi-hành, cho nên con trẻ ở chốn nhà-quê, đều thành ra ngư-ngác không biết lấy gì làm đèn sách tập-rèn, ở chỗ

nhà-quê bây giờ hầu thành ra vô-học vậy.»

Ồ! dân đã đến nỗi vô-học, thời đâu bảo cho là vô giáo-dục cũng được, dân đến nỗi vô giáo-dục, thời cái sự đáng thương đáng đau biết là đường nào. Ở vào cái thế-giới bây giờ, có phải là ở vào đăm cạnh-tranh không? Thế-giới cạnh-tranh, không khỏi ra cái mục-dịch sinh-tồn, cạnh-tranh sinh-tồn không khỏi ra cái sự lợi-dụng về học-vấn, xét x. m sử các nước, ở về bên Âu bên Mỹ, cho đến Á-đông ta, như nước Nhật-bản, ở như những các nước ấy, người ta lo-liệu cho quốc-dân về đường giáo-dục không điều gì là không vẹn-toàn đầy-đủ, việc học xếp-đặt, từ chỗ kinh-thành tỉnh phủ huyện, cho đến chỗ thôn-dã, nhà trường như rừng, học trò như trời, dần-dần ra không một người nào không có học, không một người nào không biết chữ, đem việc học nước ta mà so-sánh với việc học ở các nước bây giờ, sao người ta thịnh thế mà nước mình suy thế? Nói đến cái chỗ ấy, có phải là xấu-hổ cho quốc-dân ta là chừng nào. Nước ta há có phải rằng không có thầy dân đường chỉ lối cho được, là một nước văn-minh-tiên-tiến-quốc, là Bảo-Hộ Chính-phủ đó ư? Bảo-Hộ Chính-phủ đối với quốc-dân ta sốt-sắng cái lòng thành khai-hóa, đảm-đang cái trách-nhiệm khai-hóa, đã lâu nay lo tính về việc học, nào đã trải mấy thứ học-vụ hội-đồng tru-hoạch, nào đã dựng bao nhiêu là trường ở kinh tỉnh phủ huyện, thế mà sao còn để cho quốc-dân ta phải cái nỗi thương đau về sự vô-giáo-dục, tôi nghĩ đi nghĩ lại cái chỗ ấy hai ba lượt, muốn vì đó giải-quyết cái sự khó-khăn, mà không có thể nào không qui-tội cho quốc-dân ta được. Nay Bảo-hộ Chính-phủ với dân ta, cũng như tò-vò với con nhện, tò-vò nuôi con nhện, tưởng không có

thê sao cho tận-kỳ-tình được, chỉ có lẽ dân ta đối với Bảo-hộ Chính-phủ, phải làm cho khéo, cho được hai bên cũng thỏa-thuận, cho được hai bên cũng ích-lợi là mới xong. Bảo-hộ Chính-phủ có cấm mình lập hội đâu, có cấm mình nói đâu? Hội Khai-tri-tiến-đức sáng-lập ra mới ba năm nay, mà hội Bắc-kỳ Tư-vấn-hội-nghị-thiết-lập ra đã mười mấy năm nay rồi; huống chi lại trong đăm quan-trường, những người trọng-yếu nhân-vật, há có phải là không có người nào là người mà Bảo-hộ Chính-phủ có thể trông-cậy tin dùng đâu? Nếu có ông nào có cái tư-tưởng đến quốc-dân, mà nghĩ đến cái chỗ quan-trọng của quốc-dân, là cái việc học đó, hoặc làm cái cách một mình đứng lên nói với Chính-phủ, hoặc lại làm cái cách đem mấy người trong chính-dảng lên mà nói với Chính-phủ, hoặc lại làm cái cách dắt-dìu cả bọn hội-viên lên mà nói với Chính-phủ cái sự tình dân mình, khi đã đạt được với Chính-phủ, khắc là cái ân-ý của Chính-phủ cũng phải đạt được đến dân mình, đến bấy giờ rồi mà Chính-phủ đối với cái giáo-dục tiền-đồ của quốc-dân ta bây giờ có lẽ nào không lo-liệu cho dân ta lấy một cái phương-pháp rất tiện-lợi, lấy một cái tấn-tới rất mau-chóng hay sao?

Cái sự đã qua đi rồi, không nói chi nữa. Cái sự sau này đó, có thể làm thừa, tôi không biết rằng quốc-dân ta có tấn-tới đến bậc ấy không? Nếu quả có người thật, chúng ta sắp-sửa đắp cái đài kỷ-niệm cho trong học-giới nước ta; nếu thật không có người thời chúng ta cũng chỉ lẳng-lặng mà than-thở về cái vận-mệnh nước Nam ta, chỉ thế này mãi-mãi mà thôi, chúng ta còn nói gì nữa.

30 Quan huyện nói câu thứ ba rằng: «Bây giờ những người nói đến sự học nước nhà, ai cũng lấy chữ quốc-

vấn làm gốc, cái ý ấy tôi cũng biể u-  
đồng-tình với mọi người, nhưng cứ  
cái thời - thể bây giờ, người ta nếu  
không học chữ Pháp, thời không thể  
sao có mở-mang trí-thức mà còn  
mong sao tấn-tới bằng người. » Quan  
huyền nói cái câu ấy, tôi không có thể  
biểu-đồng-tình với ngài được, tôi xin  
chia ra một mặt chữ Pháp một mặt  
chữ Nam ta ra đây mà bàn.

Nay bàn cái công-dụng chữ Pháp  
và chữ ta phải tự trong cái chỗ phổ-  
thông học-giới, xem học đàng nào thì  
mau, đàng nào thì chậm, đàng nào thì  
dễ, đàng nào thì khó, để làm cái thăng-  
bằng. Thử tìm về cái mặt chữ ta mà  
coi : Nước ta ở về lúc tiền-cổ-thời-đại,  
thời chữ ta ở về lúc bấy giờ chúng  
ta không biết vào đâu mà khảo-cứu  
được đã đành rồi ; từ lúc cận-cổ-thời-  
đại là cái lúc sự học nho đang thịnh  
đó, thời bấy giờ bực tiền-bối ta mới  
nhân chữ nho mà đặt ra chữ ta, tức  
bây giờ chúng ta gọi là chữ nôm ấy  
chính phải đó, chữ nôm không phải  
là không tiện-lợi, thế nhưng mà chỉ  
phải một lẽ rằng người nào có học chữ  
nho thời mới có thể dùng được chữ  
nôm, thế thời thành ra cái sự tiện-lợi  
của chữ nôm chỉ ở về phần những  
người trung-lưu-dĩ-thượng, còn những  
người trung-lưu-dĩ-hạ thời vẫn không  
khỏi được cái sự khó-khăn về trong  
đường phổ-thông vậy.

Máy làm sao mà bây giờ có cái chữ  
quốc-ngữ xuất-hiện ra đó, nước ta mà  
có chữ quốc-ngữ, ấy là trời cho ta  
lấy một cái dịp rất tốt, để cho tấn-tới  
mau lên theo kịp bằng người đó ;  
làm sao biết ? nghĩa là : chữ tức là  
tiếng nói, tiếng nói tức là chữ, ta chỉ  
phải dùng mất một ít công - phu mà  
thành ra được sự lợi nhiều lắm, tôi  
xét ra người nước ta mà học chữ  
quốc-ngữ, người nào thông sáng mau  
trí-khôn, chỉ độ mấy ngày thi đã dịch  
được, lại độ vài mươi ngày mà đã

biên-chép được, người nào dần-dộn  
chậm tri-khôn, có khi phải vài tháng  
mới dịch viết được, lại vài tháng nữa  
mới biên-chép được ; xem thế, biết  
cái công học biết được chữ quốc-ngữ,  
chỉ là cái công hằng tháng, chớ không  
phải cái công hằng năm vậy.

Đến như cái sự tiện-lợi của chữ quốc-  
ngữ, thời ở về trong học-giới tiện-dụng  
đã đành rồi, cho đến về trong cái  
đám giao-thông, thời lại có thể miệng  
đọc tay viết, ý-từ rõ - ràng, không ai  
không phải chịu cái chữ quốc-ngữ là  
tiện-lợi. Nay, tôi thường có khi đứng  
ở bên dưới cái chỗ diễn-thuyết, có  
bài diễn-thuyết dài đến mấy nghìn van  
câu, thế mà cái khi diễn đọc đó, tôi  
dẫu không có thể nhớ hết được cái  
lời nói trong bài, nhưng tôi có thể  
hiểu suốt qua được cái ý trong bài,  
thế mới biết rằng cái chữ quốc - ngữ  
tiện-lợi, là ở vào cái chỗ học-giới và  
cái chỗ giao-thông đó vậy.

Lại có một cái lẽ rằng : cứ lấy cái  
trí khôn của tôi, mà tôi có thể học  
được, giá-phông ở trong học - giới  
nước ta bây giờ mà gọi là cái cách  
văn-minh ấy, có đủ cả được những  
sách giáo-khoa, tôi tự-liệu như tôi,  
còn có thể đỗ được mấy khoa tốt-  
nghệp, tôi cũng không phải rằng tôi  
nói quá ra thế đâu, nghĩa là tôi cũng  
đã lượng cái trí khôn của tôi, mà cũng  
lại có thể lượng được cả cái trí-khôn  
của cả quốc-dân ta thế vậy.

Còn về mặt chữ Pháp, tôi chỉ đề  
cho làm món học giao - thiệp, chớ  
không đề cho vào làm món học phổ-  
thông. Chữ Pháp đàng học, là ở về  
phần việc học cả thế-giới, chớ không  
những ở về phần việc học một nước  
ta thôi ; có cái lẽ rằng nước ta nhờ  
nước Pháp bảo-hộ, thế thời ở về trên  
cái chỗ sự học giao-thiệp đó, phải gia  
thêm cái công-trình hơn người nước  
khác mà thôi.

Chữ Pháp không lợi cho sự phổ-thông, là tự tại vì cái sự học chữ Pháp có phần khó-khăn lắm, mà cái sự học khó-khăn đó, tưởng những ông có con em đi học chữ Pháp ấy, cũng đã hiểu lắm rồi ; vì cái sự học cho biết chữ được đã khó và lâu, biết là dùng vào chỗ giao-thiệp học về phần ít người thời được, nếu đem dùng vào chỗ phổ - thông học về phần cả đoàn-thể quốc-dân, thì sao được.

Tại lại thử nghĩ mà coi, chữ Pháp mà ở vào trong học-giới ta, thì khác gì chữ nho mà ở vào trong học-giới ta, cũng là chữ nước khác cả; quốc-dân ta học chữ nho hai nghìn năm nay, còn chưa thành được hoàn - toàn phổ - thông, huống-chỉ bây giờ lại đem cả quốc-dân mà đổ xô nhau vào học chữ Pháp, để cầu lấy phổ-thông cho mau, thì có lẽ lại phải chờ độ hai nghìn năm nữa, mới phổ-thông được chăng ?

Thế cho nên một đảng chữ Pháp một đảng chữ ta, đảng nào là cái lợi-khí cho sự phổ-thông, có lẽ chỉ ở trong cái ánh sáng con mắt của quốc-dân ta, có thể phân-biệt rành được. Bây giờ học chữ Pháp, nếu chỉ có cần lấy cái sự kiếm-ăn cho mau, thì cũng không bảo rằng là không khoái-hoạt, nhưng nếu muốn gọi là quốc-dân-tư-tướng-chi-học, tất phải quay về mặt quốc-văn mà lý-hội, thì mới là chính-đáng-chi-nghĩa vậy.

40 Quan Huyện nói câu thứ tư rằng : «Quốc-dân ta bây giờ, kể về cái sự học chữ nho, thật là không có sự ích-lợi cả.» Ý quan Huyện bảo rằng bây giờ nước ta bỏ sự thi chữ nho rồi thì những người nào theo học chữ nho bây giờ là không còn có cái vẻ-vang thì đó, không còn có cái sung-sướng làm quan nữa, thành ra vô-ích quá lắm vậy. Cứ lấy ý tôi mà nghĩ, quốc-dân ta với sự học chữ nho, có lẽ không bao giờ không được phần lợi-ích : này trước khi chưa có sự học chữ nho, bấy giờ nước ta ra nước thế nào, mà sau khi đã có sự học

chữ nho, thì nước ta lại ra nước thế nào, quốc-dân ta có lẽ đọc cái bài «Hán-học-khảo» của ông Nguyễn Bá-Trác ở trong báo *Nam-phong* mà có thể biết được lờn-lướt, lại đọc những bộ «Việt-Nam-quốc-sử» của những nhà sử-học nước ta mà lại có thể biết được tường-tận, tôi đây cũng không phải kể chi ra cho ròm, cứ tôi mà đối với sự học chữ nho lại tìm ra được một sự lợi-ích cho quốc-dân ta khác nữa.

Này, nói cái sự lợi-ích của sự học chữ nho, nên tựu về phần cả toàn quốc-dân ta mà tìm lấy cái sự lợi-ích, chứ không phải rằng chỉ tựu về phần ít người mà tìm lấy cái sự lợi-ích mà thôi đâu ; lại nên tựu về trên chỗ tinh-thần của quốc-dân mà tìm lấy cái sự lợi-ích, chứ không phải rằng chỉ tựu về đường vật-chất của quốc-dân mà tìm lấy cái sự lợi-ích mà thôi đâu. Chữ nho dạy cho ta có vua tôi, có cha con, có vợ chồng, có anh em, có bè - bạn, lại có nhà có nước, có nhân - quần xã - hội ; tựu vào trong chỗ xã - hội ta mà coi, có lẽ rằng ở trong cái không-khí của nước Việt-Nam này, đều là những sự học chữ nho lộn vào trong ấy cả ; người ta không thở hút bằng không-khí thì tất chết, người nước Nam ta nếu ai không thở hút bằng chữ nho, thì tất cũng không có thể sống được, làm sao thế vậy ? Nghĩa là cái trật-tự của xã-hội mà tôn-nghiêm, ấy là cái cách học chữ nho đấy ; cái tinh-ý trong xã-hội mà liên-lạc, ấy cũng là cái cách học chữ nho đấy ; lại cho đến cái hình-thức của xã-hội phô-bày ra đấy, cái gì không phải là cái cách học chữ nho ; nếu kể nào phạm đến cái trật-tự ấy, trái với cái tinh-ý ấy, cùng là sai với cái hình-thức ấy, tất là bị xã-hội cho là người bỏ đi, chứ không phải là người xã-hội có dung cho được ; làm người phải ở ra ngoài xã-hội, mà không có thể lọt vào trong xã-hội, thì người ấy dầu sống cũng như chết vậy.

Cho đến bây giờ cái thời-cực có thay-đổi đi, cũng là cái phong - khí nó có khi phải thay-đổi, bây giờ cái phong-hóa cũ toan những bị cái phong-trào mới làm cho đến nổi đồ - nát, thế nhưng mà cái danh-nghĩa còn đáng sợ là như thế, cái lòng người còn nhớ xưa là như thế, hồ-đề đã ai ra khỏi được cái phạm vi chữ nho vậy.

Và lại xem về trong xã-hội ta bây giờ: này, những người nào còn có cái hơi-ho chữ nho, thời xem ra những người ấy, nào là lời ăn tiếng nói, cùng là các công-việc làm, đều là có phần đáng kính đáng yêu cả; còn những kẻ nào, thật là không có một tí hơi-ho chữ nho thời xem ra người ấy, nào là lời ăn tiếng nói, cùng là các công-việc làm, đều là có phần đáng ghét đáng xấu cả, thế mới biết rằng cái sự lợi-ích của sự học chữ nho, chính là ở về trên chỗ đạo-đức của quốc-dân ta, có cái cảnh-tượng trông thấy được, có cái công-đức ghi-chép được, cả toàn-thể quốc-dân ta phải nên công-nhận là thế vậy.

Mà có phải những thế mà thôi đâu, chữ nho làm cái dựa cho chữ ta: nước ta về lúc trung-cổ-thời-dại dĩ - tiền, tiếng nói và lời nói của ta, vốn là ít-ỏi lắm, cái tiếng nói và lời nói ít-ỏi, xem thế biết là cái trình-độ dân ta bấy giờ còn kém lắm; từ khi có cái sự học chữ nho lan vào, mà thành ra cái trình-độ nó lên vùn-vụt; trình-độ đã lên vùn-vụt, rồi mà tiếng nói và lời nói của dân ta, bất-dắc-bất tự ở chỗ đang ít-ỏi mà thành ra nhiều; cái tiếng nói và lời nói đang ít-ỏi thành ra nhiều, ấy là cái trình-độ dân ta đang kém mà đã thành hơn rồi đó. Trải qua hai nghìn năm cho đến bây giờ, mà cái tiếng nói và lời nói của ta, thành được là hoàn-toàn cụ-thể, bảo không phải là cái công-của sự học chữ nho sao?

Ta thử nghĩ mà xem, ở trên chỗ

cửa miệng ta làm sao làm chữ nho thế? Cửa miệng ta làm chữ nho, kể về người thâm chữ nho, có cái thượng-thượng thú-vị về chữ nho đã đành rồi; mà ở về những người thiên chữ nho ấy, cũng có cái trung-thượng thú-vị về chữ nho; lại cho đến những kẻ không có học một chữ nho nào, một lời nói một tiếng nói không có đời chữ nho ra được không có kẻ chi, thế mà thường-thường có lúc vớ được câu thành-sáo của chữ nho, cũng là nói khoác nói lác cho sướng mồm, thế cũng có thể bảo họ là có cái hạ-thượng thú-vị về chữ nho đó vậy.

Lại có cái lẽ dễ mà nói, tiếng nói của ta bảo rằng đầy-đủ, là chỉ tự về cái trình-độ đã qua đi rồi mà nói thời được, chớ nếu bảo rằng tự về cái trình-độ bây giờ mà nói thời lại không được; ngày xưa ta phải mượn cái cụ-danh-từ của chữ nho, để ta bù vào những cái tiếng mà trước kia ta không có; bây giờ ta lại phải mượn những cái tân-danh-từ của chữ nho, để bù vào những cái tiếng về hiện-thời bây giờ của ta cần phải có; ta bây giờ chỉ sợ rằng không có tiếng để bù vào cho đủ, hưởng-chi lại còn làm cho thiếu đi; bây giờ chỉ sợ rằng giữ cho còn lại có phần không xong, hưởng-chi lại còn làm cho mất đi, đã không có thể làm cho thiếu đi, lại không có thể làm cho mất đi, thế thời phải tìm cách để bù vào, lại phải tìm cái cách để giữ lấy; bây giờ bảo rằng một đàng bù vào, một đàng giữ lấy, tất phải có học chữ nho mới được, thế thời muốn rằng một đàng bù vào, một đàng giữ lấy, tất phải có phần học chữ nho nhiều mới xong. Giá-phỏng rằng bây giờ dân ta không có học chữ nho nữa, thế thời cũng không có kẻ rằng những tiếng của ta bây giờ cần phải có, cũng còn có thể mượn tiếng mới của các nước để bù vào cũng được, nhưng mà những tiếng nói đã thành

tiếng rồi, vốn y-cứ vào chữ nho đó, bây giờ không học chữ nho nữa, thời ý-nghĩa chữ nho tất là mù-tịt, ý-nghĩa chữ nho đã mù-tịt, rồi mà những tiếng nào nói bằng chữ nho ấy cũng không còn hiểu gì nữa; người ta khi đã không hiểu cái tiếng nói ấy là thế nào, tất là cũng không buồn nghe cái tiếng nói ấy nữa; đến khi không buồn nghe tiếng nói ấy thời còn nói đến tiếng ấy làm chi nữa ! Ấy bây giờ rồi mà cái tiếng nói của ta không tài nào giữ cho khỏi đang đủ mà lại thiếu, vậy thế thời bây giờ những người không học chữ nho nữa ấy, có phải là người thức-thời, hay không phải là người thức-thời ? Những người mở mồm ra bảo rằng không học chữ nho làm gì nữa ấy, có phải là bọn tiến-hóa-phái, hay là thoái-hóa-phái ?

Tôi cũng không phải không bảo rằng chữ nho làm cái trở-lực cho sự tiến-hóa bây giờ, nhưng tôi lại không có thể không bảo rằng chữ nho làm cái trợ-lực cho sự tiến-hóa bây giờ ; nghĩa là nếu đem cả quốc - dân mà theo vào học chữ nho để cầu lấy phổ-thông khác gì bây giờ số cả quốc-dân vào mặt chữ Pháp để cầu lấy phổ-thông, sự phổ-thông không mau được, tức là sự tiến-hóa không mau được ; muốn phổ-thông cho mau để tiến-hóa cho mau, tất là số cả quốc-dân vào mặt chữ quốc-ngữ, ấy là cái lẽ nên thế, mà lại là thế khả-tất đó vậy. Bảo chữ nho làm cái trợ-lực cho sự tiến-hóa của quốc-dân ta bây giờ, nghĩa là sự học chữ nho đã là một cái nguyên-lực của điều đạo-đức của ta, lại là một cái phụ-lực của tiếng nói ta nữa, cho nên sự học chữ nho, là cái cấp-vụ thứ nhì ở trong học-giới bây giờ, dầu bảo cho là cái cấp - vụ thứ nhất, cũng không phải là không đáng vậy.

Tôi cũng không phải là không bảo rằng chữ nho đáng bỏ, thế nhưng tôi

chỉ không dám nói rằng chữ nho đáng bỏ ngay. Giá-phỏng một mai cái trình-độ dân ta tấn-tới lên lắm, mà tiếng nói của ta cũng tấn-tới lên lắm, bao nhiêu những sách nho có thể dịch sang sách ta hết, mà cái chữ quốc-văn của ta phát-đạt, đã đủ cái thể-cách quốc-văn, đã thừa cái tài-liệu quốc-văn, cho đến một chữ một tiếng đều có thể ghi-chép được cả, dễ làm cho thành một bộ quốc-văn-tự-diện thật là hoàn-toàn, đến lúc bấy giờ rồi thời là sách nho không phải mở đến nữa, chữ nho không phải viết đến nữa, mà cái âm-hưởng chữ nho lúc nào cũng còn vang-vẳng ở trong học-giới ta, cái tinh-thần học nho lúc nào cũng nhơn-nhơn ở trong não-chất ta, thiên-vạn-cổ cái cách đại-giáo-dục-phương-pháp của ông đại-thánh-nhân ở phương Á-đông này, không có dứt cái tâm-tích ở xứ Viêm-bang ta; rồi đây ta làm con cháu chữ nho chớ ta không làm nô-lệ chữ nho nữa, nghĩa là quốc-dân ta bây giờ không còn lại phải đem cái thân làm con cuốc kêu mùa hè ở trong đám học chữ nho nữa vậy.

Thế cho nên một cái câu nói bảo rằng bỏ chữ nho, ấy là một cái câu độ mấy trăm năm nữa mới nên mở miệng nói, chớ quốc - dân ta bây giờ không nên mở miệng nói ra thế, ấy là cái sự-thể nước ta ra thế đó vậy.

50 Quan Huyện nói rằng: « Bây giờ dân ta không cứ chỗ tỉnh-thành, chỗ nhà-quê, ai có con phải nên cho đi học chữ tây sớm, kẻo lỡ bước công-danh. » Ý quan Huyện bảo rằng bây giờ Nhà-nước định lại bộ Học-vụ-tổng-qui, phạm những học-trò vào trường nào cũng đều có niên-hạn cả, làm con em mà không biết cập-thời thành-trụ sớm đi, lỡ ra quá tuổi, muốn học cũng không học vào đâu được, thành ra không có cái đường tiến-thân ; mà khi đã không có cái đường tiến-thân nữa, thời là không có còn mong-mỏi

gi vào đường làm quan nữa đó. Cứ lấy cái ý tôi mà nghĩ, học phải học cho kịp thi, học từ lúc đầu còn xanh, tuổi còn trẻ, ấy là từ đời xưa cũng đã nói là thế. Thế nhưng mà học là học để làm người, học để cho rõ nhân-luân, học để mà dưỡng nhân-cách, học để cho rõ thế-đạo, học để mà ứng thế-sự, người xưa có câu nói rằng: « Không phải nhân có sự quả-báo mà mới tu-đức; không phải vị có sự công-danh mà mới đi học. » Cho nên sự đi học để làm sự lợi-dụng cho việc công-danh, chứ sự công-danh không có thể đem để làm cái mục-đích sự đi học được. Có con em cho đi học mà mong cho làm công-danh, thế là mình làm lầm con em mình; làm cái thân con em đi học mà cũng chỉ mong về đường công-danh, thì là mình lại làm cho lầm-lỗi cái thân mình; có lẽ nào quốc-dân ta lại làm cái sự lầm-lỗi cả con em, lầm-lỗi cả mình chăng?

Huống-chi hai chữ công-danh, nó bao-học cũng rộng lắm kể cái đường đất cho mình lập công-danh, hoặc là đối với thân mình nhà mình mà mình lập công-danh, hoặc là mình đối với nhà nước mà mình lập công-danh, hoặc là đối với xã-hội mà mình lập công-danh, cùng nữa là mình đối với cả thế-giới mà mình lập công-danh, tùy cái tài-lực của mình làm được đến đâu, tùy cái học-thức của mình biết được đến đâu, tùy cái trách-nhiệm của mình ở vào chỗ nào, tùy cái nghĩa-vụ của mình phải nên thế nào, đem thi cái tài-lực của mình ra, đem hành cái học-thức của mình ra, ấy là cái lúc mình bắt-đầu lập công-danh, làm cho hết cái trách-nhiệm của mình, làm cho trọn cái nghĩa-vụ của mình, ấy là cái lúc cuối-cùng mình lập công-danh; có cái công-danh hữu-thành, tức là công-danh của mình; có cái công-danh vô-thành, cũng là không mất cái tiếng là công-danh của mình; cái công-danh

hữu-thành đó, nhỏ thôi là chỗ hàng tỉnh hàng phủ người ta ai cũng khen, lớn ra thời cả quốc-dân người ta ai cũng khen, gần mà triều-đình mình bao-tướng, xa mà cả thế-giới người ta ai cũng phải sùng-bái, thế rồi mà cái công-danh của mình ở về trên cái danh-dự của mình, cũng đã hiển-bách lắm, cũng đã vinh-diệu lắm; cái công-danh vô-thành, hoặc bị cái cảnh-ngộ của mình nó khăng-khịu mà vô-thành, hoặc bị cái thời-thế của mình nó ngang-trở mà vô-thành, thế nhưng mà cái tài-lực của mình, cái học-thức của mình, có thể ai cũng biết cho được; cái trách-nhiệm của mình, cái nghĩa-vụ của mình, có thể ai cũng lượng cho mình được, thế rồi mà cái công-danh của mình ở về trên cái danh-dự của mình, vẫn không có hại gì, vẫn còn nguyên ở đó.

Cho nên người ta có chi công-danh, không phải có lúc nào mà không làm được, không phải lúc nào có lỡ được công-danh của mình. Người thiếu-tráng có cái công-danh của người thiếu-tráng, người lão-đại có cái công-danh của người lão-đại; người thiếu-tráng không đem cái thân của mình bỏ liều đi, mà người thiếu-tráng ấy khắc là có công-danh; người lão-đại không đem cái thân mình cho làm mỗi-một, mà người lão-đại ấy khắc cũng là có công-danh. Tiếng gọi là công-danh, muốn lên thì lên, muốn lùi thì lùi, muốn đi thì đi, muốn lại thì lại, cũng như là một cái con đường của mình đó thôi; tiếng gọi là thi-giờ, dù là trước, dù là sau, dù là sớm, dù là muộn, cũng là ở trong một đời mình đó thôi. Người ta có khi mình làm cho mình mất cái công-danh của mình, chứ không phải là có cái bước nào làm cho mất được cái công-danh của mình. Huống-chi lại có mất cái công-danh này, há lại không có thể làm được cái công-danh khác, mất cái công-

danh to, há lại không có thể nào làm được cái công-danh nhỏ; người ta nếu có đem cái thân mình làm làm-lỡ cái công-danh, chớ có đem cái công-danh mà làm làm-lỡ cái thân mình vậy; người ta nếu có đem cái thân mình đeo-đăng cái công-danh, chớ có đem cái công-danh đeo-đăng cái thân mình vậy; nghĩa là có như thế mới gọi là học được.

60 Quan Huyện nói cái câu cuối-cùng tất-yếu rằng: « Một rằng là bây giờ ta nhờ Đại-Pháp bảo-hộ ta đem cái văn-minh Thái-Tây mà khai-hóa cho ta, ta phải nên học chữ Pháp để trực-tiếp hưởng-thụ lấy cái văn-minh quý-báu ấy; hai rằng là ta phải học chữ Pháp để cho hiểu được tính-tình người Pháp mà ăn - ở cùng người. »

Tôi nghĩ rằng nói là văn-minh, thì thật là quý-báu thật, những đã gọi là văn-minh, tất là hoàn-toàn cụ-thể; mà thế nào là hoàn-toàn cụ-thể, tất là có cái văn-minh ở về trên chỗ tinh-thần, lại có đủ cả cái văn-minh ở về trên chỗ hình-thức. Cái văn-minh ở về trên chỗ tinh-thần có cái nghĩa gọi là văn-minh chất-thực; cái văn-minh ở về trên chỗ hình-thức có cái nghĩa gọi là văn-minh hoa-mĩ. Nếu chỉ có cái văn-minh ở về trên chỗ tinh - thần mà không có cái văn-minh ở về trên chỗ hình - thức, cũng là chỉ có cái văn-minh ở về trên chỗ hình - thức, mà không có cái văn-minh ở về trên chỗ tinh-thần, đều cho là cái văn-minh khuyết-diêm. Quốc-dân ta lấy một cái dòng-dõi cha rồng mẹ tiên, mà lâu nay lại phục-tập cái cách giáo-dục của các bậc đại-thánh-hiền ở phương Á-đông này, ta vốn đây há không phải là không văn-minh, nhưng cái văn-minh của ta sở-dĩ chứa thành được là hoàn-toàn cụ-thể, ấy là ta chỉ có cái văn-minh chất-thực, chưa có cái văn-minh hoa-mĩ mà thôi.

Quan Huyện nói cái văn-minh quý-báu, mà lại không nói cái văn-minh quý-báu ấy nó thế nào, ấy cũng là một cái khuyết-diêm về sự lập-ngôn. Nay, lập lên lời nói để chỉ-bảo người ta, cũng như là chỉ cái đường để chỉ-bảo cho người ta, chỉ đường không rành, có khi làm cho người ta đến lạc đường, nữa là lập ra lời nói không rành, tài nào không làm cho người ta nhận lầm mà học lầm. Cứ ý tôi nghĩ, gọi là cái văn-minh của Đại-Pháp, cũng gọi là cái văn-minh của Thái-Tây, cũng gọi là cái văn-minh của đời bây giờ mà thôi; cái văn-minh của đời bây giờ thế nào? một là cái văn-minh ở về trên chỗ tinh-thần, tức là cái dân-tri thì khai - thông, dân - đức thì hậu-thực, và dân-nghiệp được hưng-thịnh, đều có phần đạt đến cực-diêm cả; hai là cái văn-minh ở về trên chỗ hình-thức, tức là đồ tự-phụng cái thân mình, nào ăn, nào mặc, nào chỗ ở, cho đến đồ làm dùng ngày thường, nào đồ này, nào thức kia, không cái gì không có sự tiện-lợi và cái vẻ đẹp-đẽ; văn-minh như thế, cũng đã gọi là hoàn-toàn cụ-thể thật.

Tự cái việc học thiết-thực của nước ta, thời bây giờ làm cái mục-dích theo cách học mới của dân ta bây giờ, là đối với cái văn - minh ở về trên chỗ tinh - thần, một là mộ cái dân - tri của người ta khai-thông là thế nào, hai là mộ cái dân-nghiệp của người ta hưng-thịnh là thế nào, còn như dân-đức, thời ta xưa nay gọi là điều luân-thường đạo-lý, đã thành là quốc-túy của ta, ta phải nên bảo-tồn, ta lại nên tăng-tu để cho khỏi cái tiếng ngoại-quốc chê cười mình là vong-bản, thế là phải; còn như điều tân-đạo-đức, tức gọi là điều tự-do bình-đẳng đó, dân ta bây giờ chỉ nên có tư-tướng như thế, chưa nên có cái cách cư-xử như thế; nghĩa là phải chờ cho

đến sau khi dân-trí mình đã đại-khai-thông, dân-nghiệp mình đã đại-hưng-thịnh, mới có thể bắt-chước người ta được ; mà vừa lại là một lẽ mình chỉ tuần-tự tiến dần-dần, không có lập-đẳng. Không thể thời thành ra đem một cái dân-tộc mà dân-trí còn non-nớt, dân-nghiệp mới mở-mang, bây giờ hãy trước hết bỏ cái cựu-đạo-đức của mình vốn xưa nay có sẵn, để đi cầu lấy cái tân-đạo-đức ở đâu đâu, là một cái đạo-đức tối cao-thượng, chưa học nói mà nói, chưa học đi mà đi, sợ rồi ra cái sự học của mình cũng thành ra người vẽ con hồ không nên, rồi đổ ra cái tệ chỉ bắt-chước cái văn-minh ở trên chỗ hình-thức, không bắt-chước cái văn-minh ở về chỗ tinh-thần, tức như những kẻ bắt-chước ăn mặc đồ mới, chỉ biết có cái sự tự-phụng thân mình cho thật xa-xỉ, không biết còn cái cách phải đề-nén cái thân mình cho có tiết-độ ; những kẻ học theo cách tự-do bình-đẳng, chỉ biết làm sao cho cái thân mình được thuê-thỏa, không còn biết có sự liêm-sĩ của cái thân mình, dần-dần đến nổi hỗn-loạn luân-thượng, không sợ danh-nghĩa, đồ sô ra làm một thứ dân vô-giáo-dục, có lẽ không đáng sợ lắm thay ?

Đối với cái văn-minh ở về trên chỗ hình-thức, một là ở về đảng tự-phụng, hai là ở về đảng tác-dụng, những cái đồ làm dùng, thứ nào tiện-lợi, thời ta bắt-chước ta làm, để làm một sự lợi-dụng cho mình, để chấn-hưng lấy dân-nghiệp ; còn về đảng tự-phụng, nào đồ ăn, thức mặc, cửa nhà chỗ ở, cứ cho phải thể thì thôi, sao cho khỏi được cái tiếng xa-xỉ, và cái tiếng keo-bần quê-mùa, thế là hơn.

Còn như cái câu quan Huyện bảo rằng: « Ta phải học chữ Pháp để cho hiểu tinh-tinh người Pháp mà ăn ở cùng người », câu ấy thật là kém lắm, giá-phỏng cái câu nói ấy đã lọt vào trong đám học của mình, mà thành ra in vào óc người

ta, thời thành ra mình dạy cho con em mình chỉ có con mắt trông về đường phục-tông, chỉ có con mắt trông về đường nô-lệ, không còn có con mắt trông về đường tự-lập là thế nào nữa.

Này, nhân-quần ở với nhau, chỉ có cái lẽ phải tương-thân tương-ái là hết ; nếu ở với nhau mà không tương-thân tương-ái, thời thành là loài gì, chứ không phải là loài người đâu thế. Nước Đại-Pháp là một nước vị-nghĩa, người Đại-Pháp là người vị-nghĩa, tôi tưởng người Đại-Pháp coi người khác, chỉ coi là người đồng-hóa với mình, chứ không coi là người dị-hóa với mình, chỉ mong cho người ta làm bình-đẳng, chứ không mong cho người ta chỉ làm nô-lệ : hãy xem rục-rục rờ-rờ, ngọn cỏ tam-tài của Đại-Pháp phát-phơ phát-phẩy ở trên mặt địa-cầu, một màu là nghĩa tự-do, một màu là nghĩa bình-đẳng, một màu là nghĩa bác-ái, ấy là nước Đại-Pháp sở-dĩ làm nước Đại-Pháp, ấy là nước Đại-Pháp sở-dĩ làm nước văn-minh, mà chúng ta có muốn hưởng - thụ nữa, cũng bắt-quá là cái văn-minh ấy mà thôi. Bảo rằng bây giờ muốn hưởng-thụ cái văn-minh quý báu, mà mình không có tri - lự quý-báu, không có công-trình quý-báu, được chăng ?

Có một lẽ nói rằng dân mình ở với dân Pháp, có phần khác với dân các nước ở với dân Pháp, vì rằng nước mình chịu cái quyền Đại-Pháp bảo-hộ, thời trong cái chỗ cùng ở với nhau đó, có một cái tinh-y cùng ở với nhau, có một cái chính-sự cùng ở với nhau ; ta định lấy cái gì làm tinh-y cùng ở với nhau, thời có lẽ đã có điều đạo-đức, ta định lấy cái gì làm chính-sự cùng ở với nhau, thời có lẽ đã có điều pháp-luật. Nếu ta đã biết tôn đạo-đức, biết trọng pháp-luật, ai lại ở ra không tương-thân tương-ái với mình, con người ta chỉ có tự khinh mình mà sau

người khác mới khinh mình, người ta chỉ có tự rẻ mình, mà sau người khác mới coi rẻ mình ; nếu bây giờ dân ta ở với dân Pháp, một đảng ở ra cái mặt kiêu-ngạo, một đảng ở ra cái thói du-nịnh, bởi kiêu-ngạo mà sinh có sự phản-đối, bởi du-nịnh mà sinh có điều ô-my, còn làm sao cho có trông thấy cái thói trong-thân tương-ái được.

Cho nên làm cái cách người ta ở với người Pháp bây giờ, chỉ có một lẽ rằng ta chỉ cứ tôn đạo-đức, trọng pháp-luật, ấy cũng lại một cách mình tự xử mình rất hay ở vào đấy nữa đó ; việc gì cứ khu-khu về trên chỗ tinh-tinh người ta, để xem-xét cách cùng ở với nhau, vụ-cầu cái điều thỏa-hợp về một khi một thì, có phải là cái cách học về nhận-đạo đâu thế.

Tóm lại cái ý tôi nói với ý quan Huyện nói, có phần ngang-trái nhau nhiều, mà tôi cũng không phải là có ý làm ra ngang-trái thế đâu. Tôi với quan Huyện đâu không có quen-biết, nhưng cũng cùng là người đồng-bào Việt-Nam ta cả ; tôi thường xem báo - chương, thấy quan Huyện bàn-

bạc nhiều điều, như là bàn về việc « Đại-Nam khánh-niệm-tiết », cũng là cái « Cải-lương-phong-tục sách », cho đến bài này là « Bàn về việc học » cả một nước. Xem những việc nói đó đều là những cái vấn-đề to cả, tưởng một cái tầm nhiệt-thành của quan Huyện mà đối với quốc-dân ta, có phần là mười phần đủ mười.

Duy rằng cái bài bàn về việc học này, cứ ý riêng tôi thấy nhiều chỗ không phải là lời-lẽ chính-đáng ở cửa miệng quốc-dân ta nói ra, tức như sự học chữ nho, là một cái giáo-dục của quốc - dân ta, là một cái linh-hồn của quốc - dân ta, là một cái quốc - túy của quốc-dân ta, là một cái căn-bản đề lập - quốc thể mà quan Huyện nói là không có ích-lợi gì, thời tôi tưởng là ngài xét chưa đến nơi vậy. Tôi nhân có mấy lời bình - luận này, lại có lời bàn đến việc học nước ta bây giờ sẽ lại đăng báo sau, các ông xem báo xin sẽ phủ - chính cho, bĩ-nhân xin cảm ơn.

Cử-nhân NGUYỄN KHẮC-BỈNH

## NHỚ' HÀ-NỘI

*Bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ người,  
Nhớ nơi kỳ ngộ.....*

(Kim-Vân-Kiều)

Con người ta thừa còn thơ-ấu, những biết nương-núu đôi bên cha mẹ ; khi đã khôn-lớn rồi, bị cái trần-lụy nó buộc chặt vào hai chữ « danh lợi » : gánh nợ nam-nhi, đôi vai nặng-nề, tấm lòng hồ-

thi, ngàn dặm xa khơi. Nhưng có một điều, là dầu lúc trong nhà, dầu lúc ra ngoài, đã ăn-ở quen-thuộc nơi nào đôi ba năm, thời ngày bước chân đi ắt cũng có một mảnh tình quyến-luyến, yêu

người mẫn cảnh.

Bất-kỷ ở chỗ nào, đã cho là thăng-địa, thời phải có hai điều trọng-yếu: một là người, hai là cảnh. Cảnh vốn đợi người, mà người sinh ra phần nhiều mộ cảnh; có người, không cảnh, thời không lấy gì khuấy người; có cảnh không người, thời không lấy ai ngoạn-cảnh; xem một câu « người buồn cảnh có vui đâu » thời cảnh với người tự-hồ như đã có một sợi giây vướng-vít. Nhớ Hà-nội là trước nhớ người mà sau nhớ cảnh.

### 1. — Nhớ người Hà-nội

Vấn-đề bàn về con người là một vấn-đề rất khó. Muốn bàn cho được xứng-đáng, ắt phải đã ăn-ở lâu năm, am-hiểu hết các tính-tình, biết rõ cả các công-cuộc người ta, cho nên những khách giang-hồ, dạo chơi một đôi ba năm rồi đi, thời lúc hạ-bút đầu có chỗ sai-lầm, cũng không lấy gì làm lạ. Vì thế, trong bài này các lời bàn về người không phải đã quyết là đích-xác cả, chỉ lấy phưng-diện một người mà nói, còn ý-kiến kẻ khác lại chắc là khác.

*Các hạng người.* — Ở Hà-nội cũng như ở nơi khác, người có nhiều hạng, thế thường chia ra làm ba hạng: thượng, trung, hạ. Trung-lưu và hạ-lưu, thời chẳng phải bàn đến, còn như một vấn-đề thượng-lưu, nghĩ lại đã làm hao-tồn biết bao nhiêu là giấy mực trong các nhà báo! Mà lạ thay! đối đi đáp lại, người xem đã mòn con mắt, nhưng chưa thấy ai có một lời mòi các nhà thương-mại kỹ-nghệ to lên làm bậc trên; thế mới biết Hà-nội tuy là đất phìên-hoa lại khai-hóa sớm, đã hiểu rằng công thương là trọng, nhưng cái nền văn-hiến còn đó trợ-trợ, nên về đường sĩ vẫn cho là quý hơn. Một khoa hai hoạn là bậc thượng-lưu. Song nay thời-thế đổi mới, thời đường khoa-hoạn lại xoay ra mặt khác. Các đứng tiền-bối mỗi ngày càng ít, thời cái lễ cố-nhiên

là lớp thanh-niên tất kể ra; mà bậc nhất trong lớp thanh-niên, phần nhiều ắt là học-sinh đậu ở các trường Cao-đẳng. Có tay viết rằng các bậc hậu-tiến ấy mà lên ngôi đầu xã-hội thời chưa xứng. Lời nói ấy phải hay trái, một ngày kia phải rõ, bây giờ bàn sớm, tưởng chưa được thỏa.

Nhưng ở đời có giàu sang ắt có nghèo hèn, thời cách phân-biệt làm thượng, trung, hạ-lưu, cũng không phải là nhất-định, thứ nhất là ở Hà-nội. Có kẻ chí-khí danh-vọng đáng làm bậc thượng-lưu, mà nhân vận-hội sa-sút phải xuống; cũng có kẻ hôm nay còn âm-uất mà ngày mai đã quyền cao chức trọng, năm xưa còn nắng mưa thui-thủi đi về, mà năm nay đã lên xe xuống ngựa, nổi tiếng trong ngoài, cho nên người ta có đầu « thời-thế tạo anh-hùng » là thế.

Trên này chỉ nói về các hạng đàn-ông, còn một vấn-đề đàn-bà lại càng khó giải. Ở Hà-nội mấy năm sau này hình như âm thịnh, hai chữ « nữ-giới » ít ngày đọc báo mà không nghe đến. Nhưng nghe quá cũng thành chán. Có nhà bàn rằng ở thời-đại văn-minh thời nên bắt-chước các nước văn-minh, con gái Nam-Việt cho đi học-hành, ra làm chức phận, là phải; có nhà nói rằng nước ta vừa buổi bán-khai, con gái cho theo học cách mới thời ắt ra cư-xử phải sai; lại có nhà nghĩ rằng con gái chỉ nên tinh đường nội-t trợ, mà không nên cho đi học. Đàm-đạo phân-vân, bây giờ chưa biết đầu phải mà đầu lại là trái.

*Tinh - chất phong - tục người.* — Hà-nội đã là chốn đô-hội, thời người cách ăn-ở phải xảo, đường giao-thiệp phải sành. Tự-trung cũng nhiều người trung-hậu, còn ngoại-giá cũng lắm kẻ ngoan-nganh lá-lay. Có một điều là khách xa đến Hà-nội thời thường khen người Bắc phong-nhã. Lời nói thật có, nhưng dưới cái phong-nhã ấy, đáy bề khó dò; mà quá nhã

thời lại nhiều khi xem ra bất-nhã. Cũng vì cái tục quá nhã ڤy, cho nên người Hà-thành hễ đi ra đất khác thời lắm lúc nghĩ lầm : trông thấy thiên-hạ không quá-tôn quá-trọng mình như lúc ở nhà, thời ngạc-nhiên đã tưởng là chỉ một xứ mình nhã, mà không biết xứ người ta mới nhã. Vì đã cho rằng người nhã, thời trước phải biết phân-biệt các bậc trong xã-hội, mà gọi mỗi người cho vừa phải : nếu gọi không xứng chức-phận tuổi-tác người ta thời hóa ra khinh, mà gọi lên quá thời lại hóa ra nịnh.

Phong-tục ở Hà-nội xét ra cũng không mấy điều lạ hơn nơi khác ; trong bốn việc : quan, hôn, tang, tế, thường làm vừa phải cả. Về các việc đáng vui đáng kính, thời phiến-phi cũng không nên trách. Còn như việc tang là một việc rất buồn, thế mà ở nhiều chỗ khác, nhất là về các hương-thôn, những còn soạn-sửa linh-đình, một, đôi, ba tháng. Trong lúc tang-chủ còn đương bối-rối sầu-muộn, mà lại bắt-bẻ thách-vạch, những rượu ít, những cỗ nhỏ, thời cái tục thật đáng khinh mà rất nên bỏ. Ở giữa Hà-nội thường thấy giã-di, mỗi lần có người mất, dầu bà con, dầu hàng xóm, ai nấy com nhà, trầu dầy, đến đưa đám xong thời về. Cái tục này rất đáng khen mà rất nên bắt-chước.

Các tiết lễ thời có rằm tháng tám, tết Trung-thu, ở Hà-nội làm trọng-thê hơn nơi khác. Những bánh đủ thứ hàng Đường ; những voi, những cá, những ông nghề tháng tám hàng Gai ; những rước đèn, những múa sư-tử, những trống đánh vắng tai, chuyền trời động đất. Xét lại thời một năm ba trăm sáu-mươi ngày làm-ăn, dành lại một đôi ngày vui chơi cũng là phải, mà mỗi người đều có sở-thích : ông già bà cả thời vui theo cảnh già ; các lớp trẻ con thời vui theo thú trẻ ; giai-

nhân tài-lữ thời lại được một họ tương-phùng, trắng thanh gió mát. . .

*Công-việc người.* — Người Hà-nội cũng có kẻ chăm về đường canh-nông khai-khẩn đồn-điền giàu có ; nhưng không phải là ở giữa phố, nên đây chỉ nói về ba việc : sĩ, công, thương, mỗi nghề thành-hiệu có khác nhau.

Trước hết nói về sĩ. Học-trò ở Hà-nội có ba bậc : cao-đẳng, sơ-đẳng, trung-học.

Thửa trước nho-học đông bao nhiêu thời bây giờ tây-học đông bấy nhiêu, nhưng lại có phần đông gấp mấy nữa ; cứ chiều thứ năm chủ-nhật, dạo chơi phố-phường, thời những áo Nam lộn áo Tây, tiếng ta xen tiếng Pháp. Nhưng nói như ai : « Nhiều quá thành ế », đi học càng ngày càng đông, thời cách thành-đạt phải càng ngày thêm khó ; sau này chắc không phải ai cũng đã là hữu-dụng cả. Có một điều, là thường hay nghe than rằng thửa trước đi học sai-lầm, lớp cựu-học thời hình như tiếc cái thời-đại đã qua, lớp tân-học thời lại hình như chê cái thời-đại đã qua ; nhưng cái sai-lầm ấy chưa hiểu rõ-ràng là thế nào. Lắm kẻ nói rằng lối học cũ là hư-học, mà không phải là thực-học ; nhưng trong một nghề học, phân-biệt cho rành được hai chữ « hư, thực », xem cũng không dễ. Lắm hay phải, hư hay thực, ít người nghĩ đến, mà phần nhiều đi học là vì trước con mắt đã trông thấy cái kết-quả cận-lợi.

Con trai thửa trước đi học nhiều thời bây giờ nhiều đã đành ; con gái thửa trước đi học ít mà nay lại nhiều thời có khác. Vì cái khác ấy cho nên đời trước ít nghe nói đến « nữ-giới », mà đời nay lại đột-nhiên nổi lên một vấn-đề « nữ-giới », bình như cái hồn các bà Trung-vương, Triệu Âu, Xuân-Hương, Thị-Điềm, vân, vân. . . đã

phẳng - phất bay về, xui-giục một bọn quần-thoa, phải xa vòng khuê-các, ra tay mở mặt, cùng khách mây râu !

Chữ « văn » với chữ « học » thường hay đi với nhau, đã nói đến sự học Hà-nội, thời cũng nói qua văn-chương ở Hà-nội. Văn có hai đường : một là văn sách, hai là văn báo. Ở Hà-thành từ mấy năm nay sách quốc-ngữ thấy có đã nhiều : văn tinh, văn cảnh, văn xuôi, văn vận, đua nhau xuất-bản. Sách ra nhiều như thế cũng có lắm lẽ. Một là ở nơi đô-hội đông người, thời ít có người hay ; hai là sẵn nhà in thời in mau mà ít tốn ; ba là làm sách dễ lấy tiếng ; bốn là làm sách dễ lấy lợi. Tựu-trung nhiều nhà hay văn mà không muốn làm sách, nhiều nhà dốt văn mà hay làm sách. Nhưng làm văn cũng có cái tay, không phải học giỏi thời văn chắc đã hay ; mà mấy nhà hạ-bút thành câu, cũng không phải là đều học giỏi cả. Trong các sách bán ở Hà-nội, thời có văn Tân-Đà tuy còn có người không chịu, nhưng thật có cái biệt-tài. Song đã có chữ « tài » thời thường mắc lấy chữ « phụng », xem một bài « Hồn chữ nói », thời cũng rõ được cái ý của tác-giả. Bàn về quốc-văn ta, thời không biết sao là tuyệt hay, mà sao lại quá dở, vì từ xưa nay chưa từng có qui-tắc nhất-định. Có kẻ bảo rằng có học Hán-tự, văn quốc-ngữ mới hay, vì một lẽ là tiếng ta dùng nhiều chữ Tàu. Nhưng các tiếng ấy đã cho như thành tiếng mình rồi, còn ngoài tương cũng không phải xen vào nhiều Hán-tự văn mới là hay ; mà nhiều Hán-tự quá thời ít kể hiểu, ít kể hiểu thời ít kể biết hay, thời cái giá-trị câu văn có phần giảm bớt. Và lại nhiều người không học Hán-tự mà văn cũng suông cũng hay, thời Hán-tự quá không phải một điều thiết-yếu cho lắm. Xét cuo kỹ quốc-văn sở dĩ ít kể hay, chỉ vì một cơ, là ít kẻ biết dụng-tâm học-tập.

Ngoài văn làm sách, lại còn văn làm báo. Nhưng báo không phải đã là văn-chương cả, mà chủ-nghĩa lại vốn đề nói cho ai nấy đều biết việc xa gần hay gần, lợi hại. Ở Hà-nội báo quốc-ngữ thời có *Trung-Bắc tân-văn*, *Nam-phong tạp-chí*, mới đây lại có *Thực-nghiệp dân-báo* nữa. Nói rằng nhật-báo giúp cho dân khai-hóa được một phần thời là phải ; nhưng nói rằng dân chỉ nhờ đọc báo mà khai-hóa thời có quá. Có kẻ tưởng rằng hậu-vận nước Nam đã ở trong tay các nhà báo, hình như hễ cái tay ấy khoan mở ra, thời đường hậu-vận được phát-đạt, mà cái tay bóp ấy chặt lại, thời hậu-vận phải tan-nát. Nhưng các lời trong báo không phải đã là vàng ngọc cả, mà các nhà xem báo cũng không phải đã mê tin vào báo cả. Phạm việc gì ích người hại mình thời ít kể làm, mà làm được thời đáng khen ; việc gì ích mình hại người thời cũng có kể làm, mà làm ra thời đáng chê ; việc gì ích người lại ích cả mình thời nên làm, nhưng làm ra thời có kể chê được ma cũng có người khen được. Làm báo tức là ích người mà lại ích mình : ích người là vì giúp người đọc báo biết thêm nhiều điều, ích mình là vì mình bán lấy lợi. Cho nên nghề làm báo cũng như nghề khác, cũng là một cách sinh-nhai cả, chỉ khác một điều, là cái cách sinh-nhai này bề ngoài có vẻ cao-thượng.

Bàn về công-nghệ, thời xét ra trong mấy xứ Đông-Pháp, ở Bắc-kỳ phát-đạt nhất. Chẳng nói gì các nghề thợ mộc, thợ rèn, thợ sơn, thợ chạm, vân vân,.. nghề nào cũng có tiên-bộ hơn trước cả ; ngoại-giả nhiều nghề còn thật tinh-xảo, như nghề thêu, nghề cần, nghề làm ghế mây theo kiểu tây, vân vân..., chỉ nói qua một đời nghề mà nghe, chứ kể hết thời không xiết được. Cho nên người ở xa đên Hà-nội, thời cái quang-cảnh đầu hết tức là chịu rằng đường

kỹ-nghệ mau khai-hóa ; ai có đến coi đầu-xảo hội-chợ mấy năm sau này thời đã rõ. Xét ra đường công-nghệ được chóng thành-hiệu, là vì người Bắc biết chịu khó, biết bắt-chước, biết cái lợi to của các nghề làm thợ, mà chắc cũng có cái tử mau hiệu, cái tay làm khéo hơn nơi khác nữa.

Về đường thương-mãi của người mình, ở Hà-nội kể ra buôn bán thời nhiều, mà xét lại các nhà buôn bán to thời quá ít. Phàm muốn buôn bán to thời phải nhiều vốn, muốn có nhiều vốn ắt phải nhiều người, vì trong nghìn người chưa có một người gia-tư thật giàu xuất-tư-bản mà buôn bán riêng một mình được. Cho nên người mình ít có nhà buôn to, chỉ nghi-ngờ nhau, không tin nhau, ai thích cận-lợi nấy, không chịu chịu chung lại, mà buôn cho mau được thịnh-vượng. Nhớ lại năm trước có việc « tây-chay », đầu từ Nam mà sau lan ra đến Bắc, ở Hà-nội nào là lập nhà buôn mới, nào là mở những đến mười hàng cơm, rải khắp các phố, hàng Đường, hàng Bạc, hàng Đào, cầu Gỗ, hàng Gai, hàng Bông, hàng Quạt, vân vân..., thời ai cũng tưởng nghề buôn bán nước Nam bây giờ đã sắp rung chuông tỉnh giậy. Thế mà không ! cơn giận một thời lâu-lần nguội bớt, thời giấc mộng mơ-màng ngày trước nó lại tìm về ; cho nên chỉ trong ba bốn tháng, mà mấy nhà hàng cơm xuất-hiện chưa được bao lâu, đã rủ nhau mà đóng-cửa lại. Nhưng xét lại thương-mãi không phải một nghề bán cơm đã là đủ, mà nhiều người làm quá thời phải ế, cũng là một lẽ cố-nhiên. Song trong trận ngũ quá mê, mà đã có tỉnh giậy một lần, thời sau đầu có ngủ lại nữa, cái mê nó chắc có giảm bớt. Cho nên việc « tây-chay » cũng không phải là vô-ích. Các hàng cơm thời không kể, hiện nay ở Hà-thành đã có nhiều cửa hàng người mình mở ra buôn bán, tuy là không to lắm, nhưng cũng có bề phát-

đạt được. Buôn bán là một nghề rất mau giàu mau thịnh, mà người Bắc lại là người biết hiệu cái lợi to ấy, thời ước rằng chẳng bao lâu các cửa hàng to cũng về tay người mình được. Nay chỉ trông vào một nhà buôn to, là ông Bạch Thái-Bưởi, thời đã hiệu. Cao tài bền chí, chìm nổi nhiều phen, hai tay dựng nên cơ-nghiệp đôi ba sở, Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định, tha-hỗ trên mặt bề thông-thương. Thật là một điều về-vang cho người đồng-xứ, thật là một cái gương quý-hóa nên soi, nên bắt-chước.

## 2° — Nhớ cảnh Hà-nội.

Bản về cảnh thời có cảnh thiên-nhiên, có cảnh tay người bày ra ; cảnh thiên-nhiên có những từ lúc trời đất có ; cảnh tay người bày ra, thời thường mỗi đời hay thay đổi.

*Cảnh thiên-nhiên.* — Một người chưa từng đi đến Hà-nội, mà nghe nói Hà-nội thời đã tưởng rằng nhiều non, nhiều nước, nhiều núi nhiều sông. Vẫn có non có nước, núi Nùng, sông Nhị, nhưng núi này sông kia ít khi mà làm cái cảnh chơi cho con người được. Sông núi đã vô-tình, lại còn đôi khi có hại, chỉ nghe những đê vỡ, nhà ngập, người trôi, ... thời cũng hiểu. Chớ Hà-nội có cảnh đẹp, là vì có cái hồ Hoàn-kiểm ở vào giữa thành-phố, ngày xưa đã có đàn-diêu với vua Lê-Lợi, mà mãi đến ngày nay còn làm một nơi mát-mẻ tĩnh-tịch, để cho người xứ này thường có chỗ dạo bước nghỉ-ngơi. Đi xa ra nữa thời có Tây-hồ : hồ này thời rộng hơn nhiều, thuyền dò đi lại được, nhưng lại không phải ở giữa phố - phường nữa.

*Cảnh tay người bày ra.* — Những thứ cảnh này thời quá nhiều : nào đường-sá phố - phường, nào lâu-đài nhà-cửa, nào các trường học, nào các nhà máy, nào chùa, nào chợ, nào đình,

nào miếu, nào vườn bách-thú, nào các rạp hát, nào sở cô-đầu, kể ra không xiết được.

Kể các thành-phố Đông-Pháp, thời Hà-nội thật là một nơi đô-hội lớn, đường-sá rộng, phố-phường nhiều, ngày xưa đã có câu « ba-mươi-sáu phố-phường », nên người lạ mới đến một mình có khi đi phải lộn. Nào người, nào ngựa, nào xe tay, xe hơi, xe điện, suốt ngày không có lúc nào là vắng-vẻ. Nhưng bây giờ đã thay-đổi nhiều, nhà cửa đông-đúc, tây nam đủ kiểu, Thăng-long thành cũ, những mấy triệu đô-hội đất này, mà ngày nay dấu-tích còn lại, thời chỉ biết rằng có cái tên phố Cửa Bắc, phố Cửa Đông . . . Vật đổi sao dời, người mới cảnh lạ . . .

Các đền chùa có tiếng nhất ở Hà-nội thời có chùa Ngọc - sơn, chùa Thánh Đồng-Đen, Văn-miếu, vân, vân.

Nhưng chỉ chùa Ngọc - sơn là ở vào giữa hồ Hoàn-kiếm, hình như một hòn đảo nhỏ, có cầu bắc ngang, có cây có đá, có sen nở một mùa, có đèn điện rạng soi cửa Phật, thời quả-phúc trông được mấy phần hơn trước. Hồ này bao-bọc lấy chùa kia, lại có đền vua Lê Lợi là một cái bia kỷ-niệm, ghi công lớn người đời trước đã khổ-tâm cứu - dân trong buổi bần-than : áo vải Lam-sơn, gươm vàng Hoàn-kiếm, non xanh nước biếc, nghìn thusau đề một tiếng thơm. Chùa Thánh Đồng-Đen, ở cạnh Tây-hồ, gần vườn Bách-thú, từ hồ Hoàn-kiếm đi xe điện lên chừng 15 phút đồng-hồ. Chùa này ở xa hay nghe tiếng, là vì có tòa tượng lớn bằng đồng đen ; các ngày tiết lễ, nhân-dân đến cúng cũng đông lắm. Ở chùa Thánh Đồng - Đen rẽ vào một đoạn thời đến vườn Bách-thú. Nào là các thứ chim, nào là các thứ muông, nào đường rộng cây, cao, bóng mát, hễ đến chiều chiều thời làm một nơi tu-hội vui-vẻ cho dân thành-

phố. Văn-miếu thời lại ở về phía khác, chính nơi nhà Giám cũ, cũng không xa thành-phố mấy, mà cũng có đường rày xe điện từ hàng Bông đi qua. Bây giờ tuy Hán-học đã bỏ, mà mỗi năm tế lễ còn cứ trọng-thể ; ấy cũng là một cách để ghi nhớ các bậc Thánh Hiền đời trước, tuy chưa từng bước chân sang cõi Việt-thường, mà cái đạo-đức tiêm-nhiêm vào lòng con người ta đã biết là bao !

Các cảnh để khuấy buồn cho người những lúc khuya vắng, thời có các rạp hát, có phố cô-đầu. Ở Hà-nội các rạp hát người mình trước mở ra nhiều lắm, nhưng bây giờ có hai nhà thịnh-lợi hơn, là rạp Quảng-lạc, thường hát bội, rạp Sán-nhiên-đài, thường hát chèo. Những người đã xem hát nơi khác rồi sau đến Hà-nội thời biết rằng nghề diễn-kịch ở đất này đã cải-lương nhiều. Cái nghĩa-vụ của nghề ấy đối với xã-hội lợi hại thế nào, các nhà nghị-luận viết đi viết lại đã lắm ; nhưng một điều rõ-ràng trước mắt, là một cuộc mua vui để tiêu-khiển con người ta.

Ai đến Hà-nội thời cũng nghe tiếng hàng Giấy, đó chính là sở cô-đầu, mà có nơi lại gọi là nhà-trò. Ở Trung-kỳ về các tỉnh miền bắc cũng có làng nhiều cô-đầu, nhưng sánh lại với cô - đầu ngoài Bắc thời là ít. Nghề hát cô-đầu xem ra thật thịnh-vượng ; nhưng cũng vì cái thịnh-vượng ấy mà có lúc sinh ra đôi cảnh suy-bại. Cái hại này nhiều người hiểu mà ít người biết, thời chơi cô-đầu ắt cũng có một cái thú riêng khó tả. Cái thú ấy về ngày trước thời chén rượu câu ca, rung đùi gõ trống, mà về ngày nay thời lại đổi khác. Ấy cho nên cô-đầu chính đề hát, mà lại ít người biết hát hay ; đi chơi cô-đầu chính để nghe hát, mà lại ít người biết nghe hát hay ; như thế thời cái nghề hồng-lâu đáng gọi là suy, mà không nên cho là thịnh.

Người ấy, cảnh hầy, giang-sơn linh-tú, trải mấy nghìn năm ; đất nước hữu-tình khiến cho người xa khách lạ đến ngụ nơi này, lúc ra về bước đi một bước một dừng. . . .

Tớ vốn tài hèn trí mọn, sinh-trưởng giữa vùng non nước Hồng Lam ; nghiệp nhà thi - lễ, gặp phải phong-trào buổi mới, xem sách lại thấy có hai chữ « tùy-thời », nên phải

xoay sang Tây-học trong mấy năm trời, què người vôi-vôi, trước Bình Hương, sau Nùng Nhi, lòng cố-hương đau-đầu một mình. Nay nhân lúc thanh-vắng, ngồi sực nghĩ đến xứ cũ Thăng-long, sẵn bút nghiên xin chép lại đôi hàng, cũng gọi là một bức thư con, từ người, giã cảnh.

Huế, Février 1921

HÀ HUY-SẢN

## VĂN - UYÊN

### Đề lăng vua Lê

Lăng vua Lê ở làng Mĩ-dại, là xã sở-tại huyện Hưng-nhân, tương-truyền vua Lê bị Mạc hãm, kiên-thành tử-thủ ở đây, nhưng xét trong Nam-sử thì không thấy sự-tích ấy.

#### I

Lam-sơn xa-cách lối đi về,  
Nhác thấy di-lăng nhớ họ Lê.  
Ba thước giải-giàu rêu đá biếc,  
Bốn bề sầm-uất bóng cây che.  
Thành rồng trải mấy cơn phong-vũ,  
Xe hạc còn in giáo tuyết-nê. *dấu*  
Sông Luộc mây tuôn hôn cổ- quốc,  
Nghìn thu đường-bệ chốn sơn-khê.

#### II

Lăng rậm như rừng khắp bốn bề,  
Tương-truyền di-tích của vua Lê.  
Đất đường cỏ trắng che vừng nẫm,  
Bia phủ rêu xanh lấp chữ đề.  
Cắm Mạc gió lay cây cối động,  
Nhớ Lê grom trở nước non thề.  
Còn trời còn đất còn lăng-miếu,  
Xe hạc còn in dấu tuyết-nê.

### Đề mộ nhà Trần

Tương-truyền mộ nhà Trần phát-tích ở xã Thái - đường thuộc về huyện Hưng - nhân, trước tam-thai, sau thất-tinh, cửa đền có hai giếng gọi là Nhật Nguyệt lưỡng-tĩnh ; đủ cả cờ trống cân đai ấn kiếm.

Phúc-địa trời riêng đãi phúc-nhân,  
Thái-đường phát-tích mộ nhà Trần.  
Ấn tam-thai nọ nền sinh-thánh,  
Mạch thất-tinh kia nhạc giáng-thần.  
Nào trống nào chiêng nào ấn kiếm,  
Cờ cờ có tán có đai cân.  
Đông-a vượng-khí nay còn kết,  
Khởi-phục cho hay đất có tuần.

#### II

Khen ai diêm-huyệt mộ nhà Trần,  
Cát-địa trời dành đãi cát-nhân.  
Hai giếng cửa đền phân nhật nguyệt,  
Ba gò trước mặt hội phong-vân.  
Xoay vần chớ bảo trời không mắt,  
Kết phát cho hay đất có tuần.  
Thần thánh giáng-sinh dòng Túc-mặc,  
Trăm mười năm lễ một nền nhân.

### Cảnh chùa Tây-phương

(Họa nguyên-vận của ông Nghĩa-viên)

Chùa dựng bao lâu mãi đến giờ,  
Ngắm xem phong cảnh dễ màn ngơ ?  
Tượng phai phấn trắng màu da cũ,  
Bia phủ rêu xanh nét chữ mờ.  
Tỉnh giấc tang-thương hồi mơ sớm,  
Gọi người kim cô tiếng chuông tra.  
Tây-phương cực-lạc là đây nhỉ,  
Cát-lịnh tu-hành nhớ thừa xua.

## Trứng rồng lại nở ra rồng

(thê luận)

Các loài vật ở trong thế-gian này, có giống nở ra con, có giống nở ra trứng, tuy rằng bầm-thụ khí-chất của trời đất sinh ra, nhưng mà nội nào vẫn theo giống ấy, không khi nào lẫn sang giống khác được.

Rồng là một vật thiêng hơn cả trong loài tứ-linh, hay tối, hay sáng, phi-đăng biến-hóa. không biết đầu mà lờng, cho nên người ta thường lấy rồng ví với vua. Tôn ngòi vua thì nói rằng « long phi cửu ngũ », trông thấy khí vua thì nói rằng ; « long thành ngũ thái », đều là lấy nghĩa báu lạ khác thường.

Rồng đã là một vật quý như vậy, cho nên rồng sinh ra trứng, trứng nở ra con ; đã ở trong trứng mà ra, thì long-dầu, long-vi, long-tu, long-cốt, không một cái gì không phải là giống rồng, con cha cháu ông, giống lông giống cánh, trứng rồng không bao giờ nở ra dòng liu-điu được. Lúc còn là rồng chim thì hoặc ở nội, hoặc ở vực, ẩn-nấp mà đợi thời ; lúc đã làm rồng nổi, thì hoặc làm mây hoặc làm mưa, văn-mi-h cho thiên-hạ ; đã không phải là khúc rồng khúc rắn, lại không phải là đầu rồng đuôi tôm, con dòng cháu giống, cá chép cũng không có thể hoá ra được.

Kia ngày xưa bà Khánh-Đô cảm tình con rồng mà sinh ra ông Đường-Nghiêu, bà Bạc-hậu mộng giao với rồng mà sinh ra ông Văn-đế, tuy rằng sự khác thường, mà thực là lẽ cảm-ứng như vậy.

Nước Nam ta vua Lạc-Long cũng là giống rồng, mà vua Hùng-vương ở trong trứng rồng nở ra, cha truyền con nối, mười-tám đời nối-dõi ngòi rồng, sau khi ấy ông Đinh Tiên-Hoàng rồng hiện trong lũy, ông Lê Đại-Hành rồng phủ trên cõi, ông Trần Thái-Tôn đi như giáng rồng,

ông Lê Thái Tồ mặt như mặt rồng, ông cha gây dựng đã lâu, con cháu sinh sản cũng thịnh. hơn hai-mươi triệu đồng-bào đều là dòng-dõi giống rồng cả.

Than ôi ! cha rồng mẹ tiên, cùng một khí-huyết. ta phải nâng nhau như nâng trứng, thân yêu nhau như anh em một nhà, không nên công răn cằn gà nhà, cũng không nên rước voi về dầy mò. Đã biết giữ giống như vậy, nữa rồi ra gặp hội rồng mây, có vây có cánh, ta cũng nói ra rồng, khôn như rồng, vũng-vẫy trong năm châu, có lẽ nào rồng vàng lại chịu tắm nước ao tù ?

## Bài phú huyện Hưng-nhân

Hạn 4 vần = Thái-bình cảnh-sắc

Thái. — Bên tả Nhị-hà, phía trên Bồ-hải, có huyện Hưng-nhân, thuộc về tỉnh Thái. Trước cai trị theo về Hưng-yên, mới phân-sáp từ năm Thành-Thái. Nam Lý-nhân, tây Tiên-hỉ, đối ngạn hai bên ; đông Thư-tri, bắc Diên-hà, tiếp liền một dải. Kể từ lúc Hoàng-Lê khai-sáng, tên cũ vốn gọi Ngự-thiên ; sau đến năm giáp-ngọ phân ra, huyện mới đem về Mỹ-đại. Phong-cảnh đẹp như tranh vẽ, bốn mặt bình-dương ; địa-hình trông giống quả tim, ba kỳ giáp-giới.

Bình — Người nhiều đất rộng, nước biếc non xanh. Gần sông gần chợ, có thủy có thành. Hai giãy phố cửa nhà san-sát ; một con đường đi lại thênh-thênh. Bộ-hành thẳng Diên-hà Tiên-hưng, xe đi một mạch ; tàu thủy đáp Hải-phòng Hà-nội, còi rúc thâu canh. Điền-thổ hai vạn mẫu linh, cấy hai vụ qua thu sang hạ ; đê-bồi ba-mươi nghìn thước, vòng ba mặt từ bản đến kênh. Thái-sư chày suốt một dòng, gió đưa thuyền cá ; cửa Luộc chia ra ba ngã, sông lặng sóng kình. Tính số đình một vạn hơn hai nghìn người, cây cấy chuyên-cần thực-nghiệp ;

khắp trong hạt bảy tổng tám-mươi-ba xã, làm-ăn vui-vẻ thái-bình.

*Cảnh.* — Một cõi danh-khu, nghìn thu thắng-cảnh. Danh-lam nước tiếng mọi nơi; cổ-tích nhiều hơn các tỉnh. Mộ Thái sư ở làng Chi-cấp, danh-thắng lạ-lùng; đền Trưng-nguyên về xã Hải-triều phụng-thờ tôn-kính. Thái-đường huyệt kết mộ nhà Tiên thai trước tinh sau; Mỹ đại rừng xanh, lăng vua Lê mây hòa cỏ tỉnh. Chức quận-công sáu bảy ông phong-trước, sự tích vẫn còn; bia tiên-sĩ mười-tám người đăng-khoa. Văn-vật cũng thịnh. Lý tàng bát-trượng, Cao-vương có kiêu lưu-truyền; địa xuất anh-hùng, Hồng-đức còn thơ đề-vịnh.

*Sắc.* — Huống-chi vật-sản cũng nhiều; công-nghệ rất mực. Nghề vông Cầu-Lê; thợ mộc Mỹ-giặc. Đay Thánh-triều, mía Hà-lão, đất trồng đủ thứ hoa màu; lụa Phương-la, chiếu Hải-triều, hàng bán khắp miền nam bắc. Nếu biết thông-biến theo thời, kinh-doanh hết sức; học-hành mở rộng trí khôn; luân-lý gìn-giữ đạo-đức. Cờ bạc kiện cáo, bỏ thói điêu-ngoa, thương-mại canh-nông, chuyên nghề sinh-thực. Sẽ có ngày tấn-tới văn-minh, mở mang trí-thức. Người đông của đủ, tỏ thành cảm-tú giang sơn; thói tốt dân thuần, riêng chiếm thái-hoà cảnh-sắc.

Ngạc-dinh PHẠM QUANG-SÁN

**Thơ Iru-giản hồi ở Nghệ-an vào Quảng-bình**

Trí thiên tài sơ có cây chi,  
Cửu-trùng rộng mở bước đường đi.  
Mâu-sơn cảnh đẹp riêng giành đó,  
Nam-thủy ngày xuân lại có khi.  
Lai-láng tắc lòng người phụng-hịch,  
Bàng-khuâng hai chén khách phân-y.

Đã hay tri-trạch nào đâu đảm,  
Dư-luận còn nhờ chỗ Tử-tri.

VƯƠNG TƯ-ĐẠI

Bổ-chánh Quảng-bình.

Văn-tế

(Mẹ được truy-lặng)

Cao-giày đức mẹ, bao thu còn chất nặng nghìn non;

Đằm-thắm ơn Vua, nhất-mạnh cũng vang-lừng chín suối.

Nhớ Mẹ xưa :

Hiền-hòa sẵn nét, thi Giản-nam như vẽ bức truyền-thần ;

Hòe-quế đua tươi, chốn Đường-bắc vẫn xum-vầy dưới gối.

Những tưởng đất còn dài, trời còn rộng, trong gia-đình ngày lại thêm xuân;  
Nào ngờ cây muốn lặng, gió chẳng đứng, cuộc dâu-bê bỗng dà khuất núi.

Cảm công nặng cao sâu trời-bề, sự đền ơn mong được mây-may ;

Dâu sau này nghìn vạn đỉnh-chung, lòng báo-đáp càng thêm hàn-hủi.

Nay Mẹ đã ngũ-phẩm lặng - truy,  
Chín-Lần mưa gội.

Cha được phong, Mẹ được tặng, trên Bê-Rông đã thấu đến phận tôi-con ;

Thác như sống, mất như còn, chốn Minh-phủ cũng hả lòng khi sớm-tối.

Gặp lúc vui mừng thêm tưởng nhớ, đường hiển-vinh xua Mẹ vẫn ước-ao;

Từ đây Linh-sáng cũng sáng soi, niềm báo-bổ há gia con bằng mong-mỏi.

Con nay: vàng mệnh Tuyên-Phong,  
Phân-hoàng theo lối.

Ba tuần rượu nhạt, chút niềm tay mong thấu đến trùng-tuyền ;

Một Sắc Giấy-Vàng mùi hương khói cũng thơm lây bốn cõi.

Làm ở Nam-dịnh, ngày 20 tháng tư tây năm 1920.

Nhân-sơn Tri-hi BUI VĂN-QUÝ.

## DỊCH PHÁP-VĂN

### Une belle nuit dans le désert du Nouveau-Monde

Un soir, je m'étais égaré dans une forêt à quelque distance de la cataracte de Niagara ; bientôt je vis le jour s'éteindre autour de moi, et je goûtais dans toute sa solitude le beau spectacle d'une nuit dans le désert du Nouveau-Monde.

Une heure après le coucher du soleil, la lune se montra au-dessus des arbres à l'horizon opposé. Une brise embaumée que cette reine des nuits emmenait de l'Orient avec elle, semblait la précéder dans les forêts comme sa fraîche haleine.

L'astre solitaire monta peu à peu dans le ciel ; tantôt il suivait paisiblement sa course azurée ; tantôt il reposait sur des groupes des nues qui ressemblaient à la cime des hautes montagnes couronnées de neige.

Ces nues ployant et déployant leur voile se déroulaient en zones diaphanes de satin blanc, se dispersaient en légers flocons d'écume, ou formaient dans les cieux des bancs d'une ouate éblouissante si doux à l'œil qu'on croyait ressentir leur mollesse et leur élasticité.

La scène sur la terre n'est pas moins ravissante ; le jour bleuâtre et voluté de la lune descendait dans les intervalles des arbres et poussait des gerbes de lumière jusque dans l'épaisseur des plus profondes ténèbres. La rivière qui coulait à mes pieds, tour à tour se perdait dans le bois, tour à tour reparais-sait brillante des constellations de la nuit qu'elle répétait dans son sein.

Dans une savane de l'autre côté de la

### Đêm vắng ở khoáng-giã bên Tân-thế-giới

Vùng hồng gác núi chành-chành,  
Hải văn lạc bước kè gành Nặc-la.  
Bóng tịch-dương dần-dà im mát,  
Cảnh thiên-nhiên phẳng-phất quanh  
[người.]

Trông ra khoáng vắng mù khơi,  
Mỹ-châu riêng chiếm bầu trời phong-  
[quang.]

Non đoài đã ác vàng vôi gác,  
Trời đông xem thổ bạc lần ra.

Gương trời trang-diêm bóng Nga,  
Sáng lờn ngăn nước, lập-loà ngọn cây.  
Bồng đầu gặp đêm này im mát,  
Hương thoảng đưa bát-ngát mùi bông.  
Gió mát với bóng trăng trong,  
Đưa nhau lần bước giữa vùng rừng  
[xanh.]

Kìa chị Nguyệt thênh-thênh nhẹ bước,  
Giữa thanh-khung mườn-mượt màu  
[da.]

Non mây khi nghỉ gót hoa,  
Chòm mây tuyết diêm như là non cao.

Màng mây trắng lao-xao khép mở,  
Chói hào-quang lại ngỡ bức là.

Khi như bọt nước mới sa,  
Khi xem nào khác chòm hoa giữa trời.  
Như sờ thấy dẻo-dại mềm-mại,  
Nét thu-ba ngấm mãi càng xinh.

Đêm trăng lẫn một màu xanh,  
Trên mây dưới đất có hình khác chi.  
Đội bóng thổ xanh rì ngàn liễu,  
Về ngân-hà sáng chiếu hang sâu.

Quanh chân dòng bích nao-nao,  
Lồng trắng đáy nước in sao mặt gành.  
Khúc sông chảy quanh-quanh sườn  
[núi,  
Khi hiện hình khuyất lại bồng  
[nhưng.]

Cánh đồng phẳng lặng bên sông,

rivière, la clarté de la lune dormait sans mouvement sur les gazons. Les bou-leaux agités par les brises, et dispersés ça et là formaient des îles d'ombres flot-tantes sur cette mer immobile de lumie-re. Au près tout aurait été silence et au repos sans la chute de quelques feuil-les, le passage d'un vent subit, le gémis-sement de la hulotte ; au loin on enten-dait des sourds mugissements de la ca-taracte de Niagara qui, dans le calme de la nuit se prolongeaient de désert en désert et expiraient à travers les forêts solitaires.

La grandeur, l'étonnante, mélancolie de ce tableau ne sauraient s'exprimer dans les langues humaines. Les plus belles nuits en Europe ne peuvent en donner une idée. En vain, dans nos champs cultivés, l'imagination cherche à s'étendre, elle rencontre de toute part des habitations des hommes. Mais dans ces régions sauvages, l'âme se plaît à s'enfoncer dans un océan de forêt, à planer sur le gouffre des cataractes, à méditer au bord des lacs et des fleuves, et pour ainsi dire à se trouver seul de-vant Dieu.

CHATEAUBRIAND.

Lầu-lầu ngọn cỏ mấy trùng diu-hiu.  
Cây réo-rất gió hiu-hiu thoáng,  
Bề hào-quang còn bóng nhấp nhô.  
Đêm thanh lặng-lẽ như tờ,  
Gương Nga vắng-vặc thập-thò trên mây.  
Hoa e gió cánh bay rải-rác,  
Chim chào trắng tiếng hót ri-rào.  
Tai nghe thác chảy lao-xao,  
Âm-thầm mặt đất ồn-ào trên mây.  
Nơi khoáng-giã tiếng bay khắp núi,  
Nghe vang lừng động suối Nặc-la.  
Giò đưa tiếng sóng xa-xa,  
Rừng xanh thăm-thẳm dần - dà khắp  
[nơi.

Cảnh tịch-mịch khiến người buồn-bã,  
Đẽ đem vãn mà tả nên lời.  
Âu-châu quang-cảnh dấu tươi,  
Khác chi một nước một trời kém xa.  
Miền thôn-giã xứ ta rộng-rãi,  
Cảnh khoáng-trương quảng-đại mặc  
[dầu,  
Bao-hàm đến tận đầu-đầu,  
Cũng trong dài-các đều lâu nhân-gian.  
Mà đây chốn thâm-san cùng-cốc,  
Mảnh linh-hồn lại được thanh-thời.  
Vẫy-vùng mặt nước chân trời,  
Khoan-nhàn giao khắp tuyết-vời rừng  
[xanh.  
Khi dòng thác đầu gành lơ - lửng,  
Lúc giang-hồ lững-thững xem trông,  
Một mình đối với Hoá-công !  
Học-trò năm thứ ba trường  
Quốc-tử-giám (Huế) dịch

## THỜI-ĐÀM

Quan Toàn-quyền di kinh-lược các tỉnh Bắc-kỳ. Quan Toàn-quyền Long đại-nhân vừa ở Pháp sang, không từ khó-nhọc, trong suốt tháng năm tây vừa rồi, cũng với phu-nhân, quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLOT, quan Chánh văn-phòng CHATEL, quan hai hầu DELORME, đi kinh-lược các tỉ h trên Thượng-du Bắc-kỳ, rồi đến các tỉnh dưới

Trung-châu. Việc ngài đi k uh-lược này, đáng có thâm-ý lắm vậy.

Một quan Toàn-quyền, một ngày muôn việc, quyền ra ngân đăm, trong tay thống-nhiếp cả thổ-địa, nhân-dân, chính-sự, đã đành rằng có các quan phân-trị, có các tờ thông-báo, nhưng quyền thì cao, trách càng trọng, mà ở trong cái thời-đại này, có g-việc bời-bời, hiện-tình

thường đời, không có thể rủ áo khoan tay, ngồi cao thăm-thẳm mà thi-hành chính-sách được. Và chẳng, có xét sơn-xuyên hình-thể, có rõ phong-tục dân-tình, có trông thấy những công-cuộc thi-hành còn sót, thời mới có thể nhân điều lịch-lãm mà thi ra chính-sách cử-an được. Đáng cũng vì cái lý-do ấy mà cõ-giá Thiên-tử phải năm năm đi tuần-thứ một lần, và ngay nay liệt-cường thường sai thế-tử hay các quan đi ngoại-du các nước.

Nay quan Toàn-quyền ta đi kinh-lược các tỉnh thực là đích-đáng lắm vậy.

Bắt đầu, ngài đi lên Lạng-sơn Cao-bằng là hai nơi giáp-giới với Trung-hoa. Ngài đi thăm động Kỳ-lừa, ngài nghe giọng hát Thờ, ngài thấy dân-tình yên-đàn, chăm-chỉ làm-ăn, thì ngài an-ủi mừng cho dân bản-hạt tăng-tiến hơn xưa, một dạ trung-thành, mà không tiếm-nhiễm cái phong-trào phiến-động ở lân-bang. Khi ngài đi thăm tỉnh Nam-dịnh là một chỗ thi-trường to thứ ba ở xứ Bắc-kỳ, ngài đi xem thành-phố, xem các xưởng kỹ-nghệ, nhà nấu rượu, dệt bông, cùng trại lính với nhà thương; ngài có hứa rằng ngài sẽ trú-tĩnh việc dựng đèn điện, lập máy nước là hai điều khuyết-diểm rất to của tỉnh Nam. Rồi ngài đi thăm tỉnh Bắc-ninh, đến xem xưởng làm giấy ở Đáp-cầu, và nhà thương ở Thị-cầu.

Nói tóm lại là ngài đi đến địa-hạt nào, ngài cũng chú-ý xem-xét về việc y-tế, việc kinh-tế là hai vấn-đề ngài gia-tâm nhất; và khi ngài đến tỉnh nào, dân-tình ở đấy rất hoan-nghênh, từ quý-quan, nam-quan, cho đến các viên đồn-diên, các người hào-mục... đều có vẻ nghênh-tiếp ân-cần, khác nào như được một vị Phúc-tinh lai-lâm tư-thở vậy. Có lẽ sau khi ngài đi kinh-lược xong, các hạt sẽ được mông ơn mưa-móc.

Ước-ao rằng nhân dịp này, các đại-biêu ta ở các nơi nên lịch-trần những điều khuyết-diểm của bản-hạt, để sau này ngài trú-tĩnh cho các phương-diện đều được hoàn-toàn an-thoả.

**Lê Nam-triều nghênh-tiếp quan Khâm-sứ Pasquier.** — Quan Khâm-sứ PASQUIER mới vào nhận trọng-chức ở Huế,

Hoàng-thượng tuy ngọc-thề vi-hoà mà cũng, gương làm lễ tiếp ngay quan Khâm-sứ mới.

Theo nghi-lễ đã định, ngày 17 tháng 5 tây quan Khâm-sứ vào bệ-kiển vào khoảng 4 giờ rưỡi chiều. Hoàng-thượng tiếp ngài ở điện Cần-chánh, tổ lòng ân-cần thân-thiết lắm. Muốn nối lại cái lễ cũ đã lâu nay không thi hành, Hoàng-thượng mời quan Khâm đi vào cửa giữa Đại-Cung-môn, tặng ngài một chiếc Kim-bài và một chiếc Kim-khánh đặc-hạng.

Trong khi tiếp truyền, Hoàng-thượng hai ba lần ân-cần nhờ quan Khâm chuyển lời kính mến của Ngài cho hai quan Toàn-quyền LONG và Thuộc-địa-bộ THƯỢNG-thư ALBERT-SARRAUT.

Ngay chiều hôm ấy thời Hoàng-thượng sang thăm lại quan Khâm-sứ, cũng theo nghi-lễ như thường. Ngài tiếp cả các quý-quan đầu các tòa, với ai cũng tỏ tình ân-cần lắm, các quý-quan đều lấy làm cảm-phục.

Sau khi Hoàng-thượng sang thăm quan Khâm thời quan Khâm cho đệ vào trong Nội một cái xe ô-tô kiểu *limousine* của quan Toàn-quyền LONG đã thừa từ bên Đại-Pháp để kính-tặng Hoàng-thượng. Xe ấy đem sắc vàng, các máy chạy bằng điện cả, trong xe lại có đặt một bộ đồ «hoá-trang» (*objets de toilette*) rất xinh đẹp; Hoàng-thượng ngự xem, lấy làm đẹp lòng lắm, bên nhờ quan Khâm chuyển lời cảm ơn quan Toàn-quyền đã có bụng yêu tặng Ngài một bộ xe quý-hoà như thế.

Ngày 18 tháng 5, quan Khâm cùng với quý-phu-nhân vào yết-kiến Lưỡng-cung, đem tặng Lưỡng-cung những vòng xuyên bằng vàng và bằng kim-cương, lại biểu Thái-tử một cái đồng-hồ đeo tay. Hoàng-thượng nhân mấy bữa trước phải bệnh «ghíp», ngọc-thề chưa an, vẫn còn hơi lợng-vụng, vậy mà bữa ấy cũng gương ra để cùng Lưỡng-cung tiếp quan Khâm và quý-phu-nhân.

Chiều hôm ấy thời quan Khâm vào thăm viện Cơ-mật để đáp lễ các quan Đại-thần đã đến chào ngài.

Quan Khâm mới được yết-kiến Hoàng-thượng và tiếp mặt các quan Đại-thần lần đầu, lấy làm vui-vẻ và có cái cảm-giác tốt lắm.

Khi quan Khâm vào bệ-kiển thời ngài có đọc bài chúc-từ như sau này:

## « Tàu Hoàng-Thượng,

« Bản-chức đến đây đề dâng lời kính-chúc Hoàng-thượng, kính-chúc Hoàng-tộc, và mừng dân Nam-Việt, không những là làm một việc theo nghi-lễ mà thôi, thực là tỏ tấm lòng luyện-ái vô-cùng. Bản-chức thiết nghĩ rằng nước Đại-Pháp đã đến cầm cờ ba-sắc ở đâu, thời cũng là đem cái lòng nhân-từ, cái lẽ công-chính đến đấy; lòng nhân-từ ấy, lẽ công-chính ấy, ngày nay nhân sự chiến-thắng hoàn-toàn, lại càng rõ-rệt hơn nữa.

« Bản-chức vẫn biết rằng Hoàng-thượng vẫn có lòng quảng-đại. Lòng quảng-đại ấy là Hoàng-thượng chịu được tự đứng Tiên-Đế ngày xưa, đứng Tiên-Đế vừa là một bậc vua tốt cho dân, vừa là một người bạn thành với nước Đại-Pháp; nên Hoàng-thượng cũng biết rằng lấy tình bằng-hữu mà đối với nước Đại-Pháp, tức là mưu sự hạnh-phúc cho cả dân Việt-Nam vậy. Ngài cũng nghĩ như đứng Tiên-Đế ngày xưa rằng nước Việt-Nam là một cổ-quốc ở cõi Á-đông này, được nhờ nước Đại-Pháp là một cường-quốc ở Thái-Tây bảo-hộ, lấy cái tinh-thần của Đại-Pháp mà cải-hóa cái quốc-túy của Đại-Nam, thời tiền-đô nước Nam sẽ mỗi ngày một mở-mang to rộng, vì đã có một cường-quốc bênh-vực cho thời không sợ gì những cường-bang ngoại-địch khuy-từ như các nước khác.

« Nước Bảo-hộ đã nhận lấy cái trách-nhiệm phòng-bị những sự ngoại-hoạn, thời Hoàng-Thượng được thông-dong mà cũng với các quan đại-thần là những bậc lão-luyện mưu các việc ích-quốc lợi-dân, là cái thiện-chức của các bậc đế-vương đời xưa đời nay vậy. Như vậy thời sau này, trong lịch-sử nước Nam, Hoàng-Thượng sẽ để lại cái tiếng thơm là một bậc minh-quân anh-chúa vậy. Trong khi Ngài thi-hành cái thiên-chức ấy, bản-chức đây là người đại-biêu của Chánh-phủ Bảo-hộ xin đem hết tài-lực, hết lòng kính-mến đề giúp Ngài.

« Tàu Hoàng-Thượng, nhân dịp này quan Toàn-quyền đại-thần có nhờ tôi chuyển dâng lời ngài kính-chúc Hoàng-Thượng và mừng dân Việt-Nam. Lại quan Thuộc-địa Thượng-Thư cũng vẫn giữ một lòng tưởng-nhớ và kính-mến Hoàng-Thượng, bản-chức xin thay mặt Ngài kính-trình Hoàng-Thượng hay.»

Quan Khâm đọc xong, Hoàng-Thượng đáp lại như sau này :

## « Kính quan quý-Khâm-sứ,

« Những lời Ngài vừa đọc đó, quả-nhân làm cảm-động lắm, vì đó vừa là lời một quý-Khâm-sứ của Chánh-phủ Bảo-hộ mới cử thay mặt Đại-Pháp ở Nam-triều, lại vừa là lời một người bạn quả-nhân đã từng quen biết mà nay lại được gặp lấy làm vui mừng lắm.

« Ngài vừa tỏ cái nhả-tình mà kể đến công đức Đứng Hoàng-Khảo của quả-nhân, quả-nhân không bao giờ quên công-dec ấy, chỉ một lời muốn nói theo, vì quả-nhân biết rằng quý-Khâm-sứ của Bảo-hộ cho tề-quốc là một sự hay, nên từ trước quả-nhân lên ngôi đến giờ, đối với các quý-Khâm-sứ thay mặt Đại-Pháp ở Đông-Pháp này, thì chung vẫn một lòng thành-tín. Quả-nhân cũng trong bụng rằng tề-quốc được nhờ quý-Khâm-sứ bênh-vực đưa-giải cho, thời có thể yên-đón vững vàng mà bước lên đường văn-minh tiến-lên.

« Chánh-phủ Đại-Pháp cử ngài nhận trọng-chức Khâm-sứ ở kinh-đô này, thật là kén chọn đích-đăng, trên tự Hoàng-tộc, dưới đến thì dân của quả-nhân được tin ấy, đều lấy làm vui mừng lắm. Vì ngài trước đã từng làm quý-Khâm-sứ ở đất Trung-kỳ này, ngài lại là người rất am hiểu những chế-độ, phong-tục, nhân-vật của tề-quốc, thời đó là cái chứng-cớ rằng ngài đây chắc cũng sẽ theo một cái chính-sách hòa-harmon từ công-chính vậy.

« Quả-nhân xin nhân dịp này nhờ ngài chuyển lời của quả-nhân cảm ơn hai quan Toàn-quyền đại-thần và Thuộc-địa Thượng-Thư đã cử ngài về đây.

« Quả-nhân nâng cốc rượu trước là chúc quan Thuộc-địa Thượng-thư ALBERT SARRAILLE và quan Toàn-quyền LONG đại-nhân, sau mừng Ngài cùng quý-quyển. »

## Cuộc điều-tra dân-số ở Nam-kỳ

— Phủ Toàn-quyền vừa mới gửi cho Bộ Tài-chính một cái biểu kê dân-số mới điều-tra xong tại Nam-kỳ ngày 15 tháng hai, như sau này.

Cứ xét cái số kê ấy thì dân-số trong Nam-kỳ hiện nay cộng được 3. 915. 613 người, năm 1901 thì chỉ có 2. 968. 529 người, vậy

trong 100 phần tăng lên được những 27 phần 8 (27, 80/o).

Dân ở ngoài đến trú-ngụ không có mấy, vậy cái số tăng thêm ấy phần nhiều là do số sinh-sản ở trong nước nhiều lên. Khi nào mà việc y-tế với phép vệ-sinh mở-mang thêm ra, con trẻ nuôi - nấng phải phép, không hay sai-đến chết-tróc nhiều như bây giờ thì số dân còn tăng thêm nhiều nữa.

Xứ Nam-kỳ thiếu nhiều nhân-công, cho nên một phần ruộng còn bỏ hoang, vậy thì chắc rằng dân-số sau này còn tăng thêm nhiều.

Dân-số năm nay tăng thêm như thế nhất là ở các tỉnh miền Tây, như tỉnh Cần-thơ, Châu-đốc, Hà-tiên và hai tỉnh Bạc-liêu, Hạc-giá, dân-số tăng quá bội-phần.

Thế mà lạ rằng ở những tỉnh trung-ương là những nơi giàu nhất, đông người nhất như tỉnh Tân-an, Mỹ-tho, Gò-công, Vĩnh-long, thì dân-số vẫn y như cũ.

Cái kết-quả đó là bởi các nhà làm ruộng những tỉnh trung-ương không có đất làm, phải vào khai-khẩn các miền mới có sông đào lạch khơi như ở Quan-lô, Canh-đen, Sông Trém là những nơi xưa nay vẫn bỏ hoang, không cấy cấy gì được.

Lại có một điều nữa đề ý vào là dân-số hai thành-phố Sài-gòn và Chợ-lớn cũng tăng thêm mau lắm. Hai thành-phố ấy trong năm 1901 Sài-gòn được 47. 577 người, và Chợ-lớn được 63. 237 mà nay tăng đến 83. 135 người và 93. 949 người, thế nghĩa là ở Sài-gòn 100 phần tăng lên 75 phần (75o/o), và Chợ-lớn 100 phần tăng lên 48 phần (48o/o). So với cái số trung-bình ở các tỉnh thì hơn nhiều lắm.

Nói tóm lại, thời tuy rằng cuộc chiến-tranh trong 5 năm trời có thiệt-hại đến việc thực-dân người Pháp và việc mở-mang cuộc y-tế ở Nam-kỳ thật, mà dân-số vẫn tăng-tiến rất nhiều, thì thật cũng đáng mừng lắm vậy.

### Số-sánh dân - số Nam-Kỳ trong năm 1901 với năm 1921

Tên tỉnh	Số điều-tra trong năm 1901	Số điều-tra trong năm 1921	Số tăng lên	Dân-số năm 1901 mỗi trăm tăng lên được mấy phần
Bạc-liêu	87.877	179.305	91.428	104.1.
Bà-riá	54.902	60.098	5.196	9.5.1.
Bến-tre	216.816	261.403	44.587	20.1.
Biên-hòa	105.749	129.114	23.365	22.1.
Cần-thơ	226.978	317.639	90.661	40.1.
Châu-đốc	145.399	202.723	57.324	39.5.1.
Chợ-lớn	184.151	205.657	21.506	11.6.1.
Gia-định	217.351	276.241	58.890	27.1.1.
Gò-công	93.825	96.124	2.299	2.5.1.
Hà-tiên	13.873	18.728	4.855	31.5.1.
Long-xuyên	151.001	194.388	43.387	28.7.1.
Mỹ-tho	312.324	326.561	14.237	4.5.1.
Rạch-giá	102.389	233.987	131.595	12.8.1.
Sa-đéc	182.924	203.588	20.664	11.3.1.
Sóc-trang	155.116	195.288	40.172	26.1.
Tân-an	92.815	104.553	11.738	12.6.1.
Tây-ninh	66.533	92.144	25.611	38.5.1.
Thủ-dầu một	105.774	125.578	19.804	18.7.1.
Trà-vinh	185.164	227.108	41.944	22.1.
Vĩnh-long	156.195	165.884	9.689	6.2.1.
Sài-gòn (Thành-phố)	47.577	83.135	35.558	75.1.
Chợ-lớn (Thành-phố)	63.237	93.949	30.712	48.6.1.
Côn-lôn (Poulo-Condore)	559	2.418	1.859	
	2.968.529	3.795.613	827.084	27.8.1.

## Nã-phá-luân Hoàng - đế Bách - niên kỷ-niệm hội ngày 5 Mai 1921.

— Hội Kỷ-niệm này ở bên Pháp là do một hội-đồng có quan thống-soái Foch làm chủ lập ra, để ghi nhớ công-đức lớn-lao của một vị đại-hoàng-đế đã ra tay gây-dựng cơ-đồ quang-đại cho nước Pháp; mà ở bên Đông-Pháp thì là do một hội Ái-hữu của người Corse ở Nam-kỳ và ở Cao-miền lập ra, để tỏ tấm lòng kính nhớ một người đồng-quận đã làm vẻ vang cho nước Pháp, tức là làm vẻ-vang cho xứ Corse chỉ là một tiểu-đảo của nước Pháp trong Địa-trung-hải. Còn ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ ta thời không thấy cử-hành lễ kỷ-niệm này.

Đức Hoàng-đế Nã-phá-luân là một vị anh-hùng cái-thể, trong khoảng trăm năm nay những văn-nhân thi-sĩ ca-tụng công-nghiệp biết bao nhiêu. Cho đến những địch-quốc cừu-lân cũng tán-đương tài-trí, thể là cả thế-giới hồ khắp nhớ công-nghiệp của một vị hoàng-đế nước Pháp vậy. Huống-chỉ ta với nước Pháp tình liên-lạc bấy lâu khăng-khít, có lẽ đâu lại không biết người làm to lớn cho nước Pháp ấy là ai. Ba chữ « Nã-phá-luân » cùng với những danh-hiệu của các bậc đại-anh-hùng như Hoa-thịnh-đốn châu Mỹ, như Bĩ-đắc-lợi nước Nga, người Nam ta không mấy người là không biết. Biết danh-hiệu ngài mà không được dự lễ kỷ-niệm ngài, chỉ bằng ta ghi chép cái thân-thể, cái công-nghiệp của ngài lên trên tờ giấy, gọi là có chút lòng kính nhớ người xưa.

Đức Nã-phá-luân là con thứ một ông trạng-sư, sinh năm 1769 ở thành Ajaccio đảo Corse. Thoạt tiên ngài học Binh-pháp ở trường Brienne, sau lên trường Cao-đẳng ở Paris, xuất-thân ra làm quan hai Pháo-hủ. Hồi Cách-mệnh ngài được đại-phong làm Tư-lệnh đội-trưởng ở đội pháo-thủ trong trận thành Toulouse; đến trận sang đánh Ý-đại-lợi năm 1794, thì ngài làm tướng. Binh-pháp thân-diệu thay, bấy trận được luôn. Hoàng-đế Áo phải ký tờ dự-ước, ấy tiếng-lâm ngài lừng-lẫy từ đây. Trở về Paris, ngài thấy toà Chấp-chính Nội-các (Directoire) không có đặc-sắc, ngài đã sẵn có lòng đại-vọng rồi. Trong quyền ký-sự của ngài có nói: « Muốn cho ta lên ngôi hoàng đế, thì phải rằng khi ta đi vắng toà Nội-các phải bối-rối, mà khi ta trở về thì ta thắng-

trận. » Vì thế khi ngài sang đánh Ai-cập ngài bỏ ngài về, tự-xưng làm Đệ-nhất-Tổng-thống, đến sau trận đánh Y-đại-lợi lần thứ hai, ngài xưng làm Chung-thân Tổng-thống. Ngài dựng ra dân-pháp, phép tài-chính mới, nhà Băng cùng trường Cao-đẳng. Đến ngày 18 tháng 5 năm 1804 ngài lên ngôi Hoàng-đế.

Sau 15 năm trận-mạc, nào là nội-loạn, nào là lo ngoại-tặc, đến khi ngài lên quyền thống-nhất mà nước Pháp vẫn chưa được cử-an. Các nước châu Âu họp nhau lại để xâm-lấn nước Pháp; lấy ít mà địch lại nhiều, thế-lực nước Pháp bấy giờ thực rất nguy-thay. Thế mà, vừa làm vua, vừa làm tướng, ngài lập thế tỏa-công, đánh lần từng nước, Anh, Nga, Áo, Phổ đều phải qui-bàng; Hoà-trước dẫu lập, nhưng cái lòng khuy-từ của đồng-minh chưa dứt, nên ngài dẫu không muốn cùng-binh độc-vũ cũng không sao được. Tài kiệt binh hao, muốn cứu lấy sinh-mệnh cho quốc-dân, ngài phải xin nhượng-vị, tránh ra ở đảo Elbe. Vài tháng sau, đến hôm 26 tháng 2 năm 1815, ngài nghe tin trong nước, dân-tình còn mến-phục ngài nên ngài lại trở về. Nhưng các nước lại họp nhau lại, đánh được trận Waterloo, lấn vào kinh-thành nước Pháp. Trước kia là anh-hùng tạo thời-thể, mà nay thực là thời-thể hạ anh-hùng, lần này ngài phải Đồng-minh dấy ra ở đảo Sainte-Hélène, đến hôm mùng 5 tháng 5 năm 1821 thì ngài băng-hà.

Ôi ! lấy là một người thường-dân ở một tiểu-đảo, gặp buổi loạn-ly, cái nhà to nước Pháp, cơ-hồ gần đổ, mà một tay bưng-đỡ, cần ngọn sóng to, giữ vững nền nhà; rồi mà tung-hoành chí-khí, đem binh dẹp khắp châu Âu, những muốn để cho nước Pháp đứng vào một địa-vị rất vẻ-vang trong thế-giới. Chẳng may chi bất-toại, công bất thành, trải bao phen hao-binh tổn-tướng đến cái kết-cục là chung-mệnh ở một tiểu-đảo xa nơi đất tổ, là đất ngài đã gây-dựng vẻ-vang. Tuy-nhiên, ngài lại là một nhà chính-trị có đặc-tài, nào việc tài-chính, nào việc pháp-luật nào, việc tôn-giáo, nào việc xã-hội, nào đều sửa-sang lại cả Văn-vũ kiêm-toàn, cổ-lai ít có vậy.

Năm 1821 là năm ngài một - mệnh, kể đến năm nay 1921 vừa đúng chẵn một trăm năm, thế thời hội Kỷ-niệm này đặt tên là « Bách niên

kỷ-niệm » là thủ-nghĩa ở đây vậy.

Than ôi! thời-thế xui nên, anh-hùng khó trở, sơn - hà biến-sắc, công ấy về ai. Trên trăm năm đã vậy, dưới trăm năm này hồ-đế có ai! Ta trông quang-cảnh nước Pháp ngày này, mà sức phải nhớ đến người xưa tạo nên quang-cảnh ấy.

B.X.

### Ngày quốc-hội kỷ-niệm bà Trinh-Đức (Jeanne d'Arc): 8 Mai 1921. —

Ta hồi-trởng lại ngày kỷ-niệm bà Trinh-Đức hôm mồng 8 tháng năm tây vừa rồi, xem những cuộc vào hội như là kéo cờ, thắp đèn, điếm binh, rước đèn, hùng-dũng oai-vệ chừng nào, thì ta lại nhớ những cuộc vào hội rước đám, của ta, nào cờ nào trống, tiếng *tùng* tiếng *bi*, tiếp theo mấy anh phờng chèo mang hia đội mũ, theo sau lại điếm thêm những tiếng âm-nhạc bi-vong của nước mình, mà khiến cho lòng ta phải nghĩ-ngợi biết bao!

Trong ngày hội kỷ-niệm này, lúc cảm-động nhất là lúc được mục-kích cái hình-ảnh bà Trinh-Đức treo ở trước cửa nhà thờ cho thiên-hạ công-lãm, và lúc điếm-binh, kèn thổi bài quốc-ca, mà khiến cho lòng ta cảm-phục những bậc anh-hùng hào-khiet không người lòng.

Nhớ lại cũng hôm 8 tháng năm tây năm ngoái, được đọc họa-báo, mới biết Giáo-hội đã tuân-theo lệnh đức Giáo-Hoàng tôn bà Trinh-Đức lên bậc thánh và lấy ngày ấy làm ngày hội bà; hôm ấy ở nhà thờ chính thành La-mã, có hàng mấy vạn người đến dự-lễ, các hàng quan-lại văn-võ đủ mặt và đức Cha TOUCHET ở xứ Orléans thay mặt Giáo-hội Đại-Pháp, có đọc bài diễn-văn đề thuật lại công-đức bà Trinh-Đức. Ở Pháp, thì trước tượng bà dựng ở thành Orléans có làm lễ diển binh, chào cờ, rất là oai-nghiêm, quan dân đến dự-lễ, người đông như kiến, cả đến quan và binh lính nước Anh cũng có đến dự-hội; thế mới biết bà Trinh-Đức là một bậc đại-anh-hùng, các nước đều kính-phục, cũng vì tấm lòng ái-quốc của bà đã hầu thành một tôn-giáo chung cho nhân-loại, mà dân-tộc nào cũng đáng sùng-mộ.

Ôi! những người có lòng yêu nước mỗi lúc đến ngày hội kỷ-niệm này, ai chẳng động lòng ái-quốc! Không biết những người đi xem hội ở nước ta có hiểu rõ sự-nghiệp của bà Trinh-Đức mà cảm-phục không, hay là lại mô-hô như hội Chính-chung (14 Juillet) là một hội kỷ-niệm cái chủ-nghĩa « tự-do công-lý của Đại-Pháp cộng-hòa chính-thể », mà người mình cho là một ngày ăn-tết, cũng đem đồ lễ tết, thì làm cho người ngoài đầu chẳng nói ra nhưng cũng nực cười.

Nhân hội này, ký-giả lại nhớ đến công-nghiệp hai bà Trưng nước mình cũng bởi tấm lòng ái-quốc, cứu nạn cho nước, mà danh-tiếng đã lừng-lẫy trong đất Việt-Nam, thì ký-giả mong sao các quan Đại-thần tâu cùng Thánh-Thượng mà hạ chỉ-dụ cứ mỗi năm cũng làm hội Kỷ-niệm hai bà Trưng nước ta như thế, cho thoả cái linh-hồn những bậc anh-hùng đã vì-quốc vong-thân, mà sau nữa cho thiên-hạ biết nước mình cũng có người đáng nghìn thu thờ-phụng.

Trong đời tuy có nhiều danh-nhân, cao-sĩ, cũng có nhiều sự-nghiệp vẻ-vang, người thì phát-minh được cách-trị hóa-học, người thì lập-công và văn-chương triết-học, nào cơ-khí mới, nào lý-tưởng mới, các sự-nghiệp ấy tuy cũng lớn-lao cả, nhưng cái sự-nghiệp ra phù-dân giúp nước thì lại càng danh-vọng oanh-liệt biết chừng nào! Cái sự-nghiệp này, từ đời thượng-cổ cũng đã vẻ-vang lắm rồi, mà xem ra bất-cứ thời-đại nào, dân-tộc nào, cuộc thịnh hay suy trong một nước, cũng do bởi tấm lòng ái-quốc thấp hay cao của quốc-dân, lòng yêu nước của quốc-dân cao, thì nước thịnh, mà lòng yêu nước của quốc-dân thấp thì nước nguy.

Cuộc thắng trận của Đông-minh vừa rồi, cũng do tấm lòng ái-quốc của dân Đông-minh rất là nhiệt-thành, đấu nhiều phen thất-bại mà cũng một lòng vì nước quên mình nên mới được toàn-thắng.

Cũng vì nghĩa ấy nên nước Đại-Pháp từ nay cứ mỗi năm, đến ngày chủ - nhật thứ nhất tháng 5 tây, làm quốc-hội kỷ-niệm công-đức bà Trinh-Đức.

Bà Trinh-Đức sinh ở xứ Domrémy trong năm 1409 — Lúc bà còn nhỏ, thì nước Pháp bị nước Anh chiếm - đoạt gần hết đất,

gặp lúc quốc-vận nguy-nan, sinh-dân đồ-thán, bà tuy còn bé nhưng thấy tổ-quốc nguy-vong, thì một lòng ái-quốc rất là nhiệt-thành, lúc nào cũng nghĩ đến nước mà cảm-thương. Sau bà xin cùng thân-phụ đi đánh giặc cứu nước, nhưng thân phụ không cho, nghĩ con mình còn bé, có lẽ đâu làm được sự-nghiệp to như thế, chẳng qua là một sự mộng-ảo mà thôi. Nhưng bà càng nghĩ đến vận nước chừng nào, thì càng thêm quả-quyết chừng nấy, bà bèn sang xin cùng cậu, thì ông cậu thuận cho, và dân thành Baudricourt đều hoan-ngênh cả; sau quan thiếu-tà ở đấy mới cấp cho bà sáu tên lính để đưa bà đến bãi-yết vua CHARLES thứ 7. Bà đem tấm lòng ái-quốc mà tâu bày cùng vua, quyết chí báo-thù cho nước, nên vua cũng cảm-động mà thuận cho bà đem binh để giải vây thành Ô-lê-ăng (Orléans).

Bà đi đến đâu, thì nhân-dân đều cảm-phục mà theo bà, đều hô-hào là một bậc nữ-anh-hùng ra cứu nước.

Ngày 29 tháng 4 năm 1429, bà giải vây được thành Ô-lê-ăng, rồi đem vua CHARLES thứ 7 về thành Ren (Reims) để tôn-vương tức-vị; xong rồi bà xin từ-gia vua mà về quê nhà để nuôi cha cho trọn chữ hiếu trung.

Ôi! trung-hiếu lưỡng-toàn, thật là hiếm có vậy! - Xưa nay những người được công-nghiệp lớn, thì cái lòng tham danh trục-lợi lại càng to, mà bà vừa được cả công-đức và tu-đức, thật là ít có.

Tuy bà từ-chối xin về quê hương, nhưng vua không nghe, nên bà lại phải đem thân-thờ nước cho trọn nghĩa-vụ làm thần-dân.

Đến trận Compiègne, thì bà ngã ngựa phải bị bắt, sau bà phải tội thiêu. Trong lúc hồi-tội, quan tòa có hỏi bà rằng: «Trời có thù ghét gì nước Anh không?»; bà trả lời rằng: «Sự Trời yêu ghét, thì tôi không biết, nhưng tôi chỉ muốn làm thế nào cho người nước Anh đừng quấy-nhiều đất nước tôi nữa».

Lại đến lúc bà bị thiêu thì bà không run sợ gì cả mà kêu to lên rằng: «Trời ơi! xin chúc Đại-Pháp tổ-quốc được thái-bình!» - Kháng-khái thay những lời nói ấy, tưởng nghìn năm cũng còn lưu-truyền mãi-mãi.

Quốc-dân mình thuộc quyền bảo-hộ nước Pháp, mà được biết truyền một bậc anh-hùng như thế, thật đáng tâm-phục Quý-quốc. Nay Nhà-nước Bảo-hộ lại muốn cho dân ta cũng

được tham-dự vào hội này, thì từ nay ta cũng phải nên hiểu biết cái ý-nghĩa thâm-trầm của hội Kỷ-niệm này là thế nào vậy.

H. H. Đ.

### Hội Ái-hữu các tân-cựu sinh-viên trường Đại-học (L. A. U.)

Ngày 15 tháng 5 tây vừa rồi, ông Nguyễn Văn-Tâm, cựu-học-sinh trường Đại-học, ban Pháp-chính, hiện tham-tá ở tòa Cảnh-trị phủ Toàn-quyền, có họp cả các tân-cựu sinh-viên trường Đại-học có mặt ở Hà-nội tại nhà hội Trí-tri để bàn lập một hội Ái-hữu. Các tân-cựu sinh-viên đến hội-đồng tới 300 người, đều biểu-đồng-tình với ông Nguyễn Văn-Tâm và y-nhận các khoản điều-lệ ông đã dự-thảo. Bản điều-lệ ấy hiện nay đang đệ trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ duyệt-y và cho phép. Ông Tâm có gửi cho Bản-chỉ một bản điều-lệ và bài diễn-thuyết của ông bữa hội-đồng. Muốn biết cái chủ-nghĩa hội Ái-hữu này thế nào, tưởng không gì bằng lược-dịch bài diễn-thuyết bằng pháp-văn của ông như sau đây để các bạn đọc báo đồng-lâm. Lời diễn-thuyết rằng:

«Ngạn-ngữ tây có câu: «Hiệp-lực làm ra sức mạnh»; cái gì sức một người làm không được, họp nhau thành đoàn-thể thì làm được ngay.

« Sự đoàn-thể ích-lợi là dường nào, chắc các ngài đã hiểu rõ, nên tôi có lời bá-cáo, các ngài hưởng-ứng ngay.

«Thưa các ngài, hiện nay những cựu-sinh-viên tốt-nghiệp ở các ban Đại-học Đông-Pháp ra tông-sự Nhà-nước tản-mạn khắp mọi nơi, không có cách gì để cho mọi người được thông-tiếp với nhau. Khác nào như những sức mạnh rời-rạc, bây giờ cần phải họp lại thành một cái đồng-lực to.

«Nhiều người ở Đại-học ra rồi thời xa-cách với anh em cũ, anh em làm công-việc gì không biết, gặp cảnh vui hay cảnh buồn cũng chẳng hay. Cái tình-hình như thế cũng đã không nên rồi, lại thêm có cái ý người Nam kẻ Bắc không hòa-hiệp nhau, hoặc là người ban này với kẻ ban khác khi tốt-nghiệp rồi gặp nhau thường có khi bắt tay nhau mà ngăn-ngại.

«Cái hiềm-khi ấy ta phải làm thế nào cho tiêu-tán đi, để gây lấy một mối đồng-tâm rất thân-mật, vì quyền-lợi của ta, cái tiền-đồ sự

nghiệp của ta có thể mới bảo-tồn được. Nói tóm lại là ta phải có một hội Ái-hữu, mục-đích là nhất-điện ràng-buộc lấy cái tình bằng-hữu thân-mật trong các hội-viên với nhau, nhất-điện bảo-hộ quyền-lợi cho nhau cùng tìm cách mở-mang sự-nghiệp cho nhau.

«Vả lại, người ta thường nói xứ Đông-Pháp nhờ sự tân-học đã có một hàng thương-lưu mới, vì lời nói ấy là phải thôi các ng ị thử nghĩ có phải bọn ta cũng có thể hi-vọng tới bậc ấy, cũng có tư-cách mà đảm-đang được những công-việc cùng trách-nhiệm bọn thương-lưu không? Chắc các ngài cũng nghĩ như tôi rằng tuy tự-cao tự-phụ quá là không nên, nhưng không chịu nhận cái giá-trị của mình, không biết đem cái giá-trị ấy mà lợi-dụng về việc công-ích cho nước, thời thật là không hiểu cái thâm-ý của các quan đã sáng-lập ra trường Đại-học vậy.

«Nhờ có trường Đại-học mà ta đã thu-hoạch

được cái học-thức đủ dùng để chữa bệnh cho người đau, dạy-dỗ cho con trẻ, khai-khản được đồn-điền, xây-đắp được cầu cống, cũng là biết luật-lệ mà hộ-vệ được những việc chánh-đáng. Vậy thời ta phải hiệp-lực lại mà ra công làm việc ích-lợi cho công-chúng, nhưng mà phải làm thiệt-lực, nghĩa là cứ yên-lặng mà làm, chỉ lấy cái lòng nghĩa-vụ làm phương-châm, để chúng cho người ta biết rằng bọn thương-lưu học-thức xứ Đông-Pháp này không có giống đâu những kẻ mô-tưởng kia, làm ích cho nước chưa thấy đâu, mà có lẽ lại làm hại cho nước, vì hay nói nhiều.

«Thưa các ngài, ấy đó là các lẽ đã khiến tôi khởi-xương lập ra hội «Đông-Pháp Đại-học tân-cựu học-sinh Ái-hữu-hội», tôi mong rằng các ngài sẽ ra sức giúp tôi.»

Bản-chí có lời mừng ông Nguyễn Văn-Tâm đã chủ-trương một việc có ích, và chúc cho hội Ái-hữu này được trường-thọ mãi-mãi và phát-đạt vô-cùng.

## GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

1. *Sơ-học thiên-văn* (Éléments de Cosmographie). Của Cố P. DELMAS, thuộc địa-phận Thanh, soạn ra. — In ở nhà in Nazareth ở Hương-cảng năm 1920. Bán ở Nhà-chung Phát-diệm (Ninh-binh), giá 0 \$ 70 một quyển (gửi xa thêm 0 \$ 06 tiền bưu-phi).

Các Cố, ngoài việc dạy-dỗ người ta về đường đạo-giáo, lại thường hay soạn những sách học về các môn cách-tri, thật là ích-lợi cho sự phổ-thông giáo-dục trong quốc-dân ta. Người mình bây giờ đương thiếu những sách bằng quốc-văn để học cho tiện, được các bộ giáo-khoa ấy, soạn kỹ-lưỡng, in rõ-ràng, có hình vẽ, có tự-vựng, thật đáng qui-hóa vô-cùng. Bản-chí mỗi lần tiếp được những sách của các cố có bụng yêu gửi đến cho, vẫn sẵn lòng giới-thiệu cho các bạn đọc bao biết. Mấy kỳ trước đã giới-thiệu những sách của cố Thịnh (Père CHAIZE) ở Kẻ Sở về thực-vật-học, động-vật-học, v. v. Nay

lại mới tiếp được quyển *Sơ-học thiên-văn* này của cố DELMAS dạy triết-học ở trường Lý-đoan Phát-diệm soạn, cách đặt lời văn thật là dễ nghe dễ hiểu, tưởng không những học-trò các trường nên mua mà học, mà người thường ai thích khảo-cứu về thiên-văn cũng nên có một quyển mà xem. Mà người ta ai là người không nên biết thiên-văn? Khoa-học nào cũng là hay là cần cả, nhưng tưởng không khoa nào dễ làm cho người ta bay-bồng ra ngoài nơi trần-lục, tiêu-đạo lên những chốn cao xa, bằng khoa thiên-văn. Những khi đêm khuya thanh-vắng, trời tĩnh mây quang, nhìn lên khoảng không vô-tận, thấy những tinh-tú xoay vần, trong lòng có cái cảm-tưởng thanh-cao biết bao nhiêu! Nhưng cái cảm ấy chẳng qua là sự hứng-thú thoáng qua trong một lúc: muốn cho thành ra sâu-xa đằm-thắm thời phải khảo về thiên-văn-học. Nhất là ở đời cạnh-tranh kịch-liệt này, không có khoa-học nào cao-

thượng mà phong-thú bằng khoa này.

Sách của CỐ DELMAS có phụ thêm một tập Tự-vựng về thiên-văn-học và một cái biểu tên các sao, vừa chữ Pháp, vừa Quốc-Ngữ, vừa chữ Nho, thật là tiện-lợi cho các nhà khảo-cứu.

— Nhân nói về sách các CỐ, xin nhắc lại cho các bạn đọc báo nhớ rằng CỐ HUE ở Hưng-hóa có in riêng thành sách những bài *Minh-giáo xích-độc* đăng trong *Thánh-giáo tuần-báo*, bản-chí trước đã từng giới-thiệu rồi. Hiện đã xuất-bản tới số 7. Nên chú-ý nhất là số 2 giải về câu «Đạo nào cũng quý, đạo nào cũng trọng», số 3 bản về vấn-đề «Đức Khổng-tử có giữ đạo-giáo nào không?», số 7 giải câu «Đã giữ luân-lý, đi đạo làm gì?» CỐ HUE là người rất sành lối văn quốc-ngữ mới, nên lời văn thông-thạo chải-chuốt lắm, mới đọc không biết là người ngoại-quốc viết. Lại nghị-luận răn-giỏi, ý-từ dồi-dào, trông các nhà làm văn ta ít người sánh kịp, vì các cổ tụy là người ngoại-quốc viết bằng tiếng mình không khỏi ngưng-ngập, nhưng toàn là người có học-thức, lại thường chuyên-trị khoa lý-luận trong các sách la-tinh, nên cách pho-diễn ý-kiến có sành-sỏi hơn người mình nhiều. — T. - C.

2. — *Á-nam văn-tập*. 今生累 *Duyên nợ phù-sinh*. Á-nam TRẦN TUẤN-KHẢI soạn. — Hanoi, Vinh-Thành Công-ti in, 1921; 60 trang; giá bán: 0\$ 15.

Đã lâu nay các sách thơ-văn xuất-bản không được mấy quyển hay: nay mới lại được đọc tập *Duyên nợ phù-sinh* của ông TRẦN TUẤN-KHẢI này, thật là văn-chương có giá-trị. Tập này đủ các lối: thi, ca, phong-dao, từ-khúc, thuyết-văn, bài nào cũng nghe được, có cái giọng êm-ái thanh-cao. Nhiều bài hát thật là hay, như bài «Tiên chân anh khóa xuống tàu», và thứ nhất là bài «Gánh nước đêm», lời giản-dị mà ý-từ sáu-xa biết bao

nhiều; xin trích-lục bài ấy ra sau này để các bạn đọc báo thường-giám một lối văn-chương đặc-biệt:

Em bước chân ra,  
Con đường xa tít,  
Con sông mù-mịt,  
Bên vai kiu-kịt,

Nặng gánh em trở ra về.

Ngoảnh cổ trông sông rộng trời khuya...  
Vi chưng nước cạn nặng-nề em dậm kêu ai.  
Nghĩ tiếc công bà Nữ-Oa đội đá vá trời,  
Con dạ-tràng lấp bễ biết đòi nào xong!  
Bước đêm khuya thân gái ngại-ngùng,  
Nước non gánh nặng, cái đức ông chồng  
hay hời có hay?  
Em trở vai này! ...

Đó là cái tình-cảnh một chị nhà quê gánh nước đêm, nhưng ở đòi há chẳng có những người chí-khí khác thường, cũng từng nặng lòng vì gánh nước-non, mà những khi đêm khuya khoảng vắng, thờ dài mà than-tích cho cái công bà Nữ-Oa vá trời, con Dạ-tràng lấp bễ, vì «đức ông chồng» là kẻ quốc-dân kia thường không biết cho cái nông-nôi đau lòng, cái công-phu khó-nhọc...

Túng-sử cả tập thơ chỉ được một bài này cũng đáng khen, huống còn nhiều bài hay nữa; vậy Bản-chí rất vui lòng giới-thiệu tập *Duyên nợ phù-sinh* này cho các bạn đọc báo, và ước-ao rằng sự-nghiệp văn-chương của ông TRẦN TUẤN-KHẢI mỗi ngày một tấn-tới, vì như lời ông nói «hai vai thân-thể, một gánh giang-san, cuộc văn-chương dẫu đến khi tàn mà ngọn bút quan-hoài biết bao giờ cho ráo mực»; và một ngọn bút thanh-tạo thuận-túy như ngọn bút ông chắc có thể giúp cho quốc-văn-ta được nhiều vậy. Bản-chí có lời khen ông, mừng ông và hết lòng mong-mỏi cho ông vậy. — T. - C.

3. — *Cành hoa diềm tuyết*. Xã-hội tiểu-thuyết. ĐẶNG TRẦN-PHẤT soạn. — In ở Vinh-Thành Công-ti, 1921. — 66 trang. Giá bán: 0\$ 30

Lối tiêu-thuyết ta bây giờ chưa định-thê, nhưng chắc là mỗi ngày một theo về lối mới, vì cái lối « muốn biết nốt truyện, xin xem hồi sau », ngày nay đã quá cũ lắm rồi. Nhưng nghề văn-chương cũng như sự giáo-dục, việc chính-trị, lúc đổi phương-châm là lúc khó phán-đoán hơn cả. Cho nên một bộ tiêu-thuyết mới xuất-bản, nhà bình-phẩm dẫu ý riêng tra hay không tra cũng không dám hạ-bút quả-đoán là sách hay hay sách dở. Thi-ca thi phú-đoán được, vì là những thể văn-chương cũ. Tuy vậy mà đương buổi bây giờ nhà làm văn nào dám phá hẳn cái sáo cũ, mà quả-quyết theo lối mới, bất-luận sách làm ra hay hay là dở, sự quả - quyết ấy cũng đáng khen. Ông ĐẶNG TRẦN - PHÁT soạn bộ tiêu-thuyết *Cành hoa đêm tuyết* này thật là phá hẳn qui-cũ cũ mà quyết theo lối tiêu-thuyết tây. Ông theo đã được hết chưa, chưa dám chắc, nhưng thật cũng đã có công-phu. Truyện là truyện một cô con gái nhà nền-nếp bị long-dong vì nổi chồng con, ông đề là « xã-hội tiêu - thuyết » vì ở trong cũng tả về hiện-tình xã-hội, có nhiều chỗ cảm động. Lời văn thời bình-thường giản-dị, nhưng có lẽ có nhiều đoạn không được chải - chuốt lắm. Cách kết - cấu tưởng hơi vụng, vì truyện là truyện ở nơi thượng-lưu xã-hội mà ký-giả thuật rằng đã chép được ở miệng người phu xe, ngồi hàng nước vừa hút thuốc vừa kể . . . . Song đó là những sự khuyết-diêm nhỏ, không quan-hệ gì cho lắm, và cũng nên khen tác-giả đã làm được bộ tiêu-thuyết mới, mong rằng sách sẽ tiêu-thụ được nhiều cho bổ công trước-tác.

— T. - C.

4. — Tiêu - thuyết Năm lần cửa.  
KIM QUANG ÍCH, mĩ - hiệu LẠC-NHẠN

soạn. — In tại Đông-kinh Ấn - quán ;  
59 trang. — Giá bán : 0 \$ 26.

Bỉ - nhân đương ngùi - ngùi về cái tang chung cho báo-giới, là ông Cử Phan Kế-Bính mới tị-trần, tức là cái tang công-cộng của các nhà làm văn làm sách nước nhà, liền đột-xuất một điều lo : nền quốc - văn hưng - thịnh thực là nhờ ở báo-trương, ở sách-vở ; nhưng báo khai-trương lắm mà báo không ra báo, sách xuất-bản nhiều mà văn chẳng thành văn, thời lại thêm cái bệnh cho quốc-văn, mà cái bệnh ấy chỉ là do cái bệnh truyền-nhiễm của ít nhiều người bất-tự-lượng mà lan ra. . . Chợt tiếp được bản-chỉ chủ-bút đưa cho giới-thiệu quyển sách này, bỉ-nhân lại càng chán như cơm-nếp, những ngại-ngùng chẳng muốn mở ra xem vội. Sau mở xem, xem bài Tựa của tác-giả làm lấy, có nói : « ... Đã làm phải có ngông, có ngông mới nhiều kẻ thích, nhiều kẻ thích thì mới thích mua mà sách mới đắt . . . », bỉ - nhân phải đề sách mà tự - hỏi cái lương-tâm của tác-giả đối với xã-hội thế nào, sực nghĩ tới truyện Tân-hoàng phần - thư mà bỉ - nhân toát cả mồ - hôi . . . Sau đọc hết 54 trang nữa, thì ra bộ tiêu - thuyết này tác-giả kể truyện mình đi du-lich, nhưng hẹn đến quyển sau mới giải nghĩa « Năm lần cửa » là cái gì, nên bỉ-nhân chưa biết thế nào mà bình-phẩm đề đọc - giả thích xem, thích mua cho cái văn « ngông » của Lạc-nhạn tiên-sinh dám quả - quyết đem ra bán cho đời. Nhưng giá quyển sau có xuất-bản đi nữa, bỉ - nhân xin thú trước rằng tài hèn chí mọn, chưa đủ tư-cách mà bình - phẩm những văn-chương cố ý làm ra ngông như thế.

— B. - X.

## TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI «KHAİ-TRÍ TIẾN-ĐỨC»

**Nhà hội-quán** — Nhà hội-quán trong khoảng tháng bảy tây thời xong. Còn đồ-đặc bày trong nhà thời hiện đương vẽ kiêu. Phải cần đến mấy cái tủ để sách đựng đồ và thật nhiều bàn ghế. Hội định nghĩ một kiêu riêng cho các đồ-đặc ấy, để vừa tiện-dùng, vừa hợp với kiêu nhà và lại vừa có đạ-sắc khác các kiêu thường.

**Hội-viên mới.** — Các ông có giấy xin vào hội đã đăng tên lên báo từ số 43, 44, đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào hội kể từ ngày 1er Juin 1921.

### Vào chân chủ-tri

Ông Hoàng Yên, Lê Đích-Tuệ, Nguyễn Xuân-Hạnh, Nguyễn Quang-Hoặc, Nguyễn Văn-Điền, Bùi Nam (đăng tên trong báo số 43)

Ông Hoàng An, Sư-cụ Mai Tâm-Tĩnh, Trần Minh-tài, Albert Billault dit Trần Văn-Cầu, Phạm Duy-Tri (trước là thường hội-viên) (đăng tên trong báo số 44).

### Vào chân thường-hội-viên

Ông Nguyễn Văn-Trọng (đăng tên trong số báo 43).

**Đơn xin vào hội.** — Trong tháng vừa rồi, có những ông sau này gửi giấy xin vào hội, hạn trong hai tháng ai có dị-nghị xin viết thư cho hội biết:

### Xin vào chủ-tri

1. Ông Nguyễn Hữu-Lộc, tri-huyện Kim-thành, Hải-dương.

2. Nguyễn Văn-Quỳnh, café restaurant Cát-thành, 59 Rue de la Soie. (Do ông hội-viên Bạch Thái-Sơ giới-thiệu).

3. Nguyễn Đức-Ngọc, dit Marcel, cai de dépôt à la Cie du Yunnan à Lahati, Yunnan. (ông Thọ ở Lahati giới-thiệu).

### Xin vào thường-hội-viên

1. Ông Phạm-Thúc, secrétaire comptable à la Société des Distilleries, 9 Boulevard Dou-dart de Lagrée, Hanoi.

2. Phan Văn-Cơ, buôn-bán ở phố huyện Hưng-nân, Thái-bình (do ông hội-viên Lương Kim-Tuyến giới-thiệu)

## MẤY LỜI VIẾNG ÔNG BƯU-VĂN (1)

*Bản-chi đã xếp in gần xong mới tiếp được bài viếng ông cũ PHAN KẾ-BÌNH của quan nuyen HOÀNG HỮU-ĐÓN, xin vội-vàng ửng như sau này, để tỏ rằng ông cũ Phan mai quốc-dan nhiều người thương tiếc.*

Ta ngồi nghĩ đến sự đời, thấy cuộc tang-thương biền-cai, đời người đổi thay, ma xiet bao những nỗi đau lòng! Ôi! Cuộc đời ngắn-nguoi, vì chẳng qua một đam phu-vân, sinh-sinh-tử-tử, nhục-nuộc vinh-vinh, hôm kia còn óó, bây giờ đi đâu!

Ký - giá cùng ông Bưu-văn vốn không phải là có tình bằng-hữu, thân-thuộc gì, nhưng nghe tin ông tạ-thế, ma thoát-nhiên sinh mới cảm-tình, thương-xót vô-hạn.

Ông Bưu-văn ôi! đương lúc trong nước còn đương hiem người văn-học, thiếu kẻ nhuần-tai, sao ông nở từ-giã cuộc đời ma yên đặc nghìn thu cho danh lòng, hỡi ông!

Ông là một người cụ-học, mà có tư-tưong mới, kiên-vẫn nhiều, trong mười ba năm trời, gửi thân vào báo-giới, đã lay ngòi bút tài-tinh, lời văn cao-thượng, mà cảnh-lĩnh được biết bao nhiêu đồng-bào còn đương ở chốn mê-thành, nằm nơi âm-thất, ông thật

(1) Bưu-văn là tên tự ông cũ Phan-Kế-Bình, giúp việc các báo quốc-văn đã 13 năm nay, tạ-thế hôm 30 tháng 5 tây năm 1921.

là một người có công cùng Việt-Nam-tổ-Quốc vậy.

Ký-giả nhớ một hôm được thừa tiếp ông có vài giờ, mà những lời khảng-khái của ông nói, cho đến ngày nay, tuy ông đã khuất mặt đi rồi, mà tiếng nói vẫn tưởng-tượng như còn văng-vẳng bên tai.

Hôm ấy gặp ông, thì trông nét mặt ông ưu-phiền, mà có sắc xanh-xám; tôi mới hỏi: « Tôn-ông thế nào mà buồn-rầu và người xanh thế? » — Ông liền đáp lại rằng: « Thừa ngài, vui làm sao được mà chẳng phải buồn, đương « khi nước còn nghèo - hèn, dân còn « ngu - dốt, biết lấy ai lo - liệu cho tổ-« quốc mình được cường - thịnh bằng « người; lại đáng lo thay một nỗi cái « trình-độ còn thấp - hẹp như thế, mà « người trong nước, không biết lấy mối « đồng-tâm làm trọng, chưa ra gì mà « đã bè nọ đảng kia đề tương-tàn tương-« hại lẫn nhau, phôi bụng cho người « cười; còn như thân - thể tôi bất-an, « cũng vì đa-tư đa-lự, nên mặt tôi mới « sinh biến - sắc; nhưng xin ngài « đừng lo chi « *cái sắc mặt một người « xanh xám, mà nên lo thay cho hậu-« vận một nước mờ đen.* » Nói đoạn, ông mặt càng bi-ai, mà nhìn tôi một cách nghiêm - trang.

Tôi thấy ông nhọc, bèn từ - giã ra về, mà xin đa-tạ ông đã ban một bài học, nghìn năm cũng còn ghi nhớ.

Ôi! đời đến ngày nay, thế-sự chuyển vần, nhân-tâm biến-đổi, thiên-hạ đều xô đẩy nhau mà cạnh - tranh lên đường thế-lộ, ham danh trục lợi, bỏ nghĩa tham vàng, mà còn nghe được một lời nói khi - khái như thế, thì đáng thâm-phục và cảm-động biết bao!

Nghĩ đến những kẻ ham - mê tình-dục, vui vui cười cười, vinh - vang mây - mặt, vô-tư vô-lự, không nghĩ gì đến vận nước hưng suy, mà khá buồn thay!

Một điều nữa đáng khen, là ông chung - thân vẫn giữ được một chủ-nghĩa « vì nghĩa-vụ mà sống »; suốt đời ông không khi nào chịu khuất thân mà cầu danh - lợi, ông vẫn giữ cái ngực ông trắng, không muốn đeo những bả vinh-hoa cho nặng mình, vẫn lấy đạo-đức cương - thường làm trọng, danh-cương lợi-tỏa làm khinh; mình tuy xuất - thân khoa - mục, mà quyết-chỉ chẳng qua đến bề hoạn-trường, ông vẫn giữ một cái nghĩa-vụ « ái-quốc hợp-quần » cho đến lúc từ-trần mới thôi!

Ông Bru-văn ôi! tôi viết mấy lời viếng này là do lương-tâm xui khiến, chứ không phải vì tình - nghĩa gì, vì tôi không được quen-biết ông lắm, mà cũng không phải vì quyền - thế chức - phẩm giàu-sang gì, vì ông thật là một người đạo - đức, thanh - bạch, dẫu mỗi phú-quí cùng bả vinh-hoa, cũng chẳng đủ được lòng xa - mã, và lừa được gã công-khanh.

Tuy ông không gặp dịp làm được công-danh sự-nghiệp lớn như các bậc danh-nhân cao-sĩ đời xưa, nhưng tấm lòng « ái - quốc đạo - đức » của ông, cũng đáng làm một cái gương tốt cho đời cạnh-tranh phù-bạc này; ông thật đáng là một người đặc - sắc cho các bậc cựu-học và tân-tiến ngày nay vậy; đáng kính thay, đáng tiếc thay! Nhưng mà sống thế cũng là sống vinh, mà thác này cũng chẳng phải là thác nhục.

Thế-tinh, thường phúng viếng nhau bằng câu đối vòng hoa, hay ca-tụng nhau vì giàu-sang quyền-trước, nhưng ông là một người quân - tử, thì tưởng mấy lời thành-thực này cũng đủ thấu đến suốt vàng mà au-ủi linh-hồn ông vậy.

HOÀNG HỮU - ĐÓN.

Tri-huyện Yên-phong (Bắc-ninh)